

lão, tu hành đức lễ phép, khiêm nhường; phần nhiều ưa bố thí, trì trai giới, như vậy sẽ tăng được vô lượng quyến thuộc cho chư Thiên, làm tổn giảm dòng giống A-tu-la”.

Chư Tỳ-kheo, vì sao vào ngày mười bốn và ngày ba mươi của mỗi tháng thì có những ngày chay? Chư Tỳ-kheo, vào ngày mười bốn và ba mươi của mỗi tháng này cũng giống như trước, Tứ thiên vương gọi Thái tử, sai xuống nhân gian quán sát việc thiện ác. Việc thiện ít thì buồn rầu, việc thiện nhiều thì vui mừng. *Đây đủ như đoạn Thiên sứ đã nói trên, chỉ khác là Thái tử tự mình đi.*

Chư Tỳ-kheo, vì sao mười lăm ngày trong mỗi nửa tháng lại có những ngày chay? Chư Tỳ-kheo, vào những ngày ấy, Tứ thiên vương xuống thế gian đích thân quan sát việc thiện ác, biết nhiều hay ít rồi, liền đi đến Thiên pháp đường, nơi chư Thiên tụ tập bàn luận. Ở ngay trước pháp đường, mặt hướng về trời Đế-thích tâu đầy đủ các việc thiện ác, nhiều, ít, trái, thuận ở thế gian. Bấy giờ trời Đế-thích nghe nói người thế gian tu phước ít lại buồn rầu, bực tức chẳng vui. Vì sao như thế? Vì Thiên chúng giảm xuống, chúng A-tu-la lại nhiều thêm. Nếu nghe người nhân gian hành động đúng pháp nhiều thì tâm hoan hỷ, phấn chấn vô cùng, nói thế này: “Các Thiên chúng của ta dần dần sẽ tăng thêm, chúng A-tu-la dần dần sẽ giảm xuống”.

Chư Tỳ-kheo, do vậy sáu ngày mà chư Thiên xuống xem thiện ác ở nhân gian nên tu trai giới, gọi đó là ngày chay.



KINH KHỞI THẾ

QUYỂN VIII

Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 3

Chư Tỳ-kheo, như khi các ngoại đạo, hoặc Ba-lợi-bà-la-xà-ca, hoặc những người khác đến chỗ các vị và hỏi: “Này các Trưởng lão, do nhân duyên gì có một hạng người bị các phi nhân khủng bố? Lại có hạng người chẳng bị các phi nhân khủng bố?” Nếu các ngoại đạo hỏi như vậy thì các vị nên trả lời như thế này: “Này các Trưởng lão, có nhân duyên này: Ở trong thế gian có hạng người làm điều phi pháp, bên trong có tà kiến và nhận thức điên đảo. Họ chuyên làm mười pháp bất thiện, nói việc bất thiện, nghĩ việc bất thiện, tà kiến, điên đảo. Vì gây mười điều bất thiện như vậy nên chư thần bảo hộ đời sống dần dần rời bỏ họ. Những hạng người như thế, nếu có trăm hoặc ngàn thân, chỉ lưu lại một vị bảo hộ một cách lơ là, như bầy dê, bầy trâu cả trăm ngàn con mà chỉ để một người chăn. Ở đây cũng vậy, vì thần bảo hộ ít, nên thường bị hàng phi nhân khủng bố. Còn có hạng người thực hành chánh pháp, chẳng hành tà kiến, không nhận thức điên đảo; vì họ làm mười điều thiện, chánh kiến, chánh ngữ, tu hành nghiệp thiện như vậy, nên từng người một đều có vô lượng, hoặc trăm, ngàn chư thần bảo hộ. Do nhân duyên ấy, những người này không bị hàng phi nhân khủng bố. Thí như nhà vua và đại thần của vua, tùy theo từng người mà có trăm, ngàn thân hộ sanh bảo vệ.

Chư Tỳ-kheo, ở nhân gian, nếu có những dòng họ thế nào thì trong hàng phi nhân cũng có tất cả dòng họ như thế.

Chư Tỳ-kheo, nhân gian có các nơi cư trú như núi, rừng, sông, hồ, quốc, ấp, thành quách, ao, đầm, thôn xóm, làng mạc, thì trong cõi phi nhân cũng có tên gọi núi rừng, thành ấp, nhà cửa như thế, kể cả những nơi chốn đứng ngồi của vua, quan đại thần.

Chư Tỳ-kheo, tất cả ngã tư đường, nơi giao lộ, nơi bờ ruộng, đường làng quanh co, nơi làm thịt sinh vật, và các hang núi đều có các thần, không đâu là không có, và cũng là chỗ ở của các loài phi nhân. Lại nữa, hang hốc, gò cao, mồ mả, núi rừng, nơi vất tử thi, con đường mà tất cả loài thú dữ đi qua đều có phi nhân cư trú nơi ấy. Tất cả cây rừng cao đến một tầm, vòng thân một thước đều có chư thần ở trên đó, coi như nhà ở.

Chư Tỳ-kheo, tất cả nam nữ ở thế gian, từ khi sanh cho đến về sau, đều có chư thần luôn luôn đi theo, chẳng từng rời bỏ, chỉ trừ khi làm các điều ác và khi mạng sống sắp dứt mới bỏ mà đi... *như trên đã nói.*

Chư Tỳ-kheo, châu Diêm-phù-đề có năm việc hơn cõi Cù-đà-ni: Một là mạnh khỏe, hai là chánh niệm, ba là chỗ Phật xuất hiện ở đời, bốn là nơi tu tập các nghiệp, năm là chốn tu tập phạm hạnh. Châu Cù-đà-ni có ba việc hơn cõi Diêm-phù-đề: Một là nhiều trâu bò, hai là nhiều dê, ba là nhiều Ma-ni báu. Châu Diêm-phù-đề có năm việc hơn cõi Phất-bà-đề... *cũng như trên.* Châu Phất-bà-đề có ba việc hơn Diêm-phù-đề: Một là châu rất rộng lớn, hai là đâu đâu cũng có bãi sông, ba là châu rất đẹp đẽ. Châu Diêm-phù-đề có năm việc hơn cõi Uất-đơn-việt *như trên đã nói.* Châu Uất-đơn-việt có ba việc hơn cõi Diêm-phù-đề: Một là người cõi ấy không có ngã và đối tượng của ngã, hai là thọ mạng rất lâu, ba là người cõi ấy có hạnh thù thắng. Châu Diêm-phù-đề có năm việc hơn cõi Diêm-ma-thế... *như trên đã nói...* cõi Diêm-ma-thế có ba việc hơn châu Diêm-phù-đề: Một là thọ mạng lâu dài, hai là thân hình cao lớn, ba là có cơm áo tự nhiên. Người cõi Diêm-phù-đề có năm việc hơn tất cả Rồng, Kim sí điều... *như trước đã nói.* Các Rồng và Kim sí điều có ba việc hơn người cõi Diêm-phù-đề: Một là thọ mạng lâu dài, hai là thân hình to lớn, ba là cung điện rộng rãi. Người cõi Diêm-phù-đề có năm việc hơn A-tu-la... *như trên đã nói.* A-tu-la có ba việc hơn người cõi Diêm-phù-đề: Một là thọ mạng lâu dài, hai là

hình sắc đẹp đẽ, ba là được hưởng sung sướng nhiều. Ba việc như vậy, rất là thù thắng.

Chư Tỳ-kheo, trời Tứ thiên vương có ba việc tốt đẹp: Một là cung điện cao, hai là cung điện tốt đẹp, ba là cung điện có ánh sáng rực rỡ. Trời Ba mươi ba có ba việc tốt đẹp: Một là sống lâu, hai là hình sắc đẹp đẽ, ba là nhiều thú vui. Giống như vậy, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Ma thân... nên biết đều có ba việc tốt đẹp như trời Ba mươi ba, hơn cõi Diêm-phù-đề, *như trên đã nói*. Châu Diêm-phù-đề có năm việc hơn chư Thiên, Rồng, *như trên đã nói*, các vị nên biết.

Chư Tỳ-kheo, ở trong ba cõi có ba mươi tám chủng loại chúng sanh. Chư Tỳ-kheo, trong cõi Dục có mười hai loại, trong cõi Sắc có hai mươi hai loại và trong cõi Vô sắc có bốn loại. Chư Tỳ-kheo, mười hai chủng loại trong cõi Dục là gì? Đó là Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ, Người, A-tu-la, trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Ma thân. Hai mươi hai chủng loại trong cõi Sắc là gì? Đó là trời Phạm thân, trời Phạm phụ, trời Phạm chúng, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiếu quang, trời Vô lượng quang, trời Quang âm, trời Tịnh, trời Thiếu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiếu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả, trời Vô tướng, trời Vô phiến, trời Vô não, trời Thiên kiến, trời Thiên hiện, trời A-ca-nị-tra. Trong cõi Vô sắc có bốn chủng loại là trời Không vô biên, trời Thức vô biên, trời Vô sở hữu, trời Phi tưởng phi phi tưởng.

Chư Tỳ-kheo, ở trong thế gian có bốn loại mây. Đó là mây trắng, mây đen, mây đỏ, mây vàng. Chư Tỳ-kheo, trong bốn loại mây này, nếu là loại sắc trắng thì có nhiều địa giới, nếu là loại sắc đen thì có nhiều thủy giới, nếu là loại sắc đỏ thì có nhiều hỏa giới, nếu là loại sắc vàng thì có nhiều phong giới. Các vị nên biết như thế.

Chư Tỳ-kheo, thế gian lại có bốn loại thần lớn. Đó là thần lớn địa đại, thần lớn thủy đại, thần lớn hỏa đại, thần lớn phong đại.

Chư Tỳ-kheo, đã từng có một thời, đại thần địa đại, khởi lên ác kiến, tâm tự nghĩ: “Ở trong địa giới không có thủy, hỏa, phong giới”. Chư Tỳ-kheo, ngay khi ấy, Ta đến chỗ vị thần kia bảo: “Này

địa thần, tâm người thật có ác kiến cho rằng trong địa giới không có ba đại thủy, hỏa, phong chẳng?” Vị thần kia trả lời với Ta: “Bạch Thế Tôn, đúng vậy”. Ta lại bảo: “Này địa thần, chớ khởi ác kiến như thế. Vì sao? Vì trong địa giới này thật ra đều có đầy đủ thủy, hỏa, phong giới, nhưng ở trong đó địa giới nhiều hơn, vì vậy được gọi là địa đại”.

Chư Tỳ-kheo, Ta có thể biết đại thần địa đại khởi lên ý nghĩ như vậy nên dứt trừ cái kiến thức thiên lệch kia, khiến vị thần ấy sanh tâm hoan hỷ, ngay trong các cấu uế đạt được pháp nhãn thanh tịnh, chứng quả ngộ đạo, không còn bị mê lầm trói buộc, vượt thoát nghi ngờ, chẳng còn phiền não, không theo giáo pháp khác, thuận hành theo pháp. Vị ấy đã thưa với Ta: “Bạch Đại Đức Thế Tôn, nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Bạch Đại Đức Thế Tôn, từ nay về sau, con luôn luôn phụng trì giới Ưu-bà-di cho đến mạng chung, không sát sanh, không trộm cắp và không làm điều phi pháp... Cúi xin Phật, Pháp, Tăng hộ trì cho con được thanh tịnh”.

Chư Tỳ-kheo, lại vào một thời, đại thần thủy đại khởi lên ác kiến cũng nghĩ thế này: “Ở trong thủy giới không có địa giới, hỏa giới, phong giới”. Ta biết ý nghĩ ấy liền đi đến bảo vị thần kia: “Có thật người có ý nghĩ như vậy chẳng?” Đáp: “Quả đúng như vậy”. Ta lại bảo: “Người chớ khởi lên ác kiến như thế. Ở trong thủy giới này có đầy đủ địa giới và hỏa, phong giới nhưng vì nước có nhiều hơn nên được gọi là thủy đại”.

Cứ như vậy cho đến hỏa thần, phong thần đều có kiến chấp ấy. Phật đã biết hết, đều đến hỏi rõ. Họ đều đáp: “Bạch Thế Tôn, quả đúng như vậy”. Phật khai thị ý nghĩa như trước. Họ đều được tỏ ngộ, quy y Tam bảo, thuận hành theo pháp... *như trên*. Đại thần địa đại dứt trừ nghi hoặc, đi đến chỗ Phật...

Chư Tỳ-kheo, đó là đại thần của bốn đại.

Chư Tỳ-kheo, thế gian có mây từ dưới đất bay lên không trung, có đám lên đến một câu-lô-xá thì dừng lại, hoặc có đám lên đến hai hoặc ba câu-lô-xá thì dừng lại, cho đến có đám lên tới sáu, bảy câu-lô-xá mới dừng. Chư Tỳ-kheo, hoặc có đám mây bay lên không trung đến một do-tuần thì dừng lại, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy do-tuần thì dừng lại. Chư Tỳ-kheo, hoặc lại có đám mây bay lên không

trung một trăm do-tuần thì dừng lại, hoặc đến hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần thì dừng lại, hoặc lại có đám mây từ đất bay lên không trung hàng ngàn do-tuần thì dừng lại, cho đến hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần thì dừng lại, cho đến khi kiếp tận.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc ngoại đạo Ba-lợi-bà-la-xà-ca đi đến chỗ các vị, hỏi thế này: “Thưa chư Trưởng lão, do nhân duyên gì trong mây trên hư không có âm thanh?” Nay các Tỳ-kheo, các vị nên trả lời: “Có ba nhân duyên, vì va chạm nhau nên trong đám mây có âm thanh phát ra. Nay các Trưởng lão, hoặc có lúc vì phong giới cùng với địa giới ở trong mây va chạm nhau nên phát ra âm thanh. Vì sao? Thí như hai cành cây cọ vào nhau liền có lửa phát ra. Chư Trưởng lão, đó là nhân duyên thứ nhất phát ra âm thanh. Hoặc có lúc phong giới cùng với thủy giới ở trong mây va chạm nhau nên phát ra âm thanh, cũng như trên đã nói. Đó là nhân duyên thứ hai phát ra âm thanh. Lại nữa, chư Trưởng lão, hoặc có lúc phong giới cùng với hỏa giới ở trong mây va chạm nhau liền phát ra âm thanh... *cho đến* thí như hai cây cọ sát vào nhau thì phát ra lửa. Đó là nhân duyên thứ ba phát ra âm thanh”. Nên trả lời như vậy. Chư Tỳ-kheo, các vị nên phân biệt rộng rãi như thế để biết.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc ngoại đạo Ba-lợi-bà-la-xà-ca đến chỗ các vị hỏi thế này: “Thưa các Trưởng lão, do nhân duyên gì mà trong mây trên hư không bỗng nhiên phát sanh ánh chớp?” Nay chư Tỳ-kheo, các vị nên trả lời như vậy: “Nay chư Trưởng lão, có hai nhân duyên trong mây nên trên hư không phát ra ánh chớp. Một là phương Đông có luồng điện tên là Kháng hậu, phương Nam có luồng điện tên là Thuận lưu, phương Tây có luồng điện tên là Đọa quang minh, phương Bắc có luồng điện tên là Bách sanh thọ. Chư Trưởng lão, hoặc có lúc phương Đông phát ra luồng điện lớn Kháng hậu cùng với luồng điện Đọa quang minh ở phương Tây chạm nhau, đối nhau, sát nhau, đánh nhau, vì vậy từ trong đám mây ở trên hư không kia phát ra ánh sáng lớn gọi là ánh chớp, đó là nhân duyên thứ nhất phát ra ánh chớp. Lại nữa, nay chư Trưởng lão, hoặc là luồng điện lớn Thuận lưu ở phương Nam cùng với luồng điện lớn Bách sanh thọ ở phương Bắc chạm nhau, đối nhau, sát nhau, đánh nhau, vì vậy phát ra ánh sáng chớp. Thí như gió thổi hai cây cọ sát nhau bỗng nhiên xẹt lửa, rồi trở lại vị trí cũ. Đây là nhân

duyên thứ hai từ trong đám mây phát ra ánh chớp.

Chư Tỳ-kheo, ở trong hư không, có năm nhân duyên có thể ngăn cản mưa, khiến cho nhà thiên văn chẳng lường biết được, càng thêm nghi hoặc, như là ghi nhận trời chắc chắn sẽ mưa nhưng lại không mưa. Năm nhân duyên ấy là gì? Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc ở trong hư không, mây dùn sấm động phát ra các thứ tiếng rền âm âm, hoặc phát ra ánh chớp, hoặc có gió thổi khí lạnh đến, các thứ như thế đều là hiện tượng sinh mưa. Các người đoán thời tiết và các nhà thiên văn đều tin chắc rằng lúc ấy nhất định phải mưa. Ngay lúc đó, vua A-tu-la La-hầu-la ra khỏi cung điện, liền dùng hai tay vốc đám mây có mưa kia ném vào trong biển. Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ nhất ngăn cản mưa mà nhà thiên văn và người đoán thời tiết chẳng thấy chẳng biết, tâm sanh nghi hoặc vì ghi nhận là trời chắc chắn mưa nhưng rốt cuộc không mưa.

Chư Tỳ-kheo, hoặc lại có lúc, hư không nổi mây, trong mây cũng phát ra các tiếng âm âm rền vang... cũng phát ra ánh chớp, cũng có gió thổi khí lạnh đến, khi ấy, nhà thiên văn và người đoán thời tiết thấy hiện tượng ấy rồi tin chắc lúc ấy trời nhất định mưa. Ngay khi đó, sức tăng trưởng của hỏa giới phát sanh, nên trong tức khắc, mây tự nhiên tan hết. Đây là nhân duyên thứ hai cản mưa mà nhà thiên văn và người đoán thời tiết chẳng thấy, chẳng biết, tâm sanh nghi hoặc vì ghi nhận là trời chắc chắn mưa mà lại chẳng mưa.

Chư Tỳ-kheo, hoặc lại có lúc hư không nổi mây, trong mây cũng phát ra các thứ tiếng âm âm rền vang..., cũng phát ra ánh chớp, cũng có gió thổi khí lạnh đến. Lúc đó nhà thiên văn và người đoán thời tiết thấy hiện tượng ấy rồi, cho là trời chắc chắn sẽ mưa. Nhưng ngay khi ấy, vì sức tăng trưởng nhanh của phong giới phát sanh, đủ sức thổi mây đưa đến sa mạc Ca-lăng-già, hoặc đưa tới vùng sa mạc Đàn-trà-ca, hoặc đưa đến vùng sa mạc Ma-đăng-già, hoặc đưa đến vùng đồng trống, hoặc đưa đến vùng sa mạc Ma-liên-na. Đây là nhân duyên thứ ba ngăn cản mưa mà nhà thiên văn và người đoán thời tiết chẳng thấy, chẳng biết, tâm sanh nghi hoặc, vì cho là trời chắc chắn mưa mà lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc hư không nổi mây, trong mây cũng phát ra các tiếng âm âm vang rền... cũng phát ra ánh chớp và có gió

thổi khí lạnh đến. Các nhà đoán thời tiết cho là trời chắc chắn mưa, nhưng các vị thần có trách nhiệm coi mưa, có lúc chệnh mảng, vì sự chệnh mảng ấy nên mây kia không mưa xuống được đúng lúc, đã chẳng mưa xuống đúng lúc nên mây kia tự tan hết. Đây là nhân duyên thứ tư ngăn cản mưa, vì các lý do đó nên các nhà thiên văn tâm sanh nghi hoặc, vì cho là trời chắc chắn mưa nhưng lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc bầu trời nổi mây, trong mây cũng phát ra những tiếng rền âm âm... phát ra ánh chớp lớn, gió thổi khí lạnh đến. Các nhà thiên văn cho là chắc chắn sẽ mưa, nhưng tất cả dân chúng nơi cõi Diêm-phù này, trong đó có nhiều người không làm đúng như pháp, ưa đắm các thứ dục lạc, tham lam, keo kiệt, ganh ghét, tà kiến trói buộc. Các hạng người ấy, vì làm việc ác, vì quen làm điều phi pháp nên mê đắm dục lạc, vì tham lam, ganh ghét nên trời không mưa. Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ năm ngăn cản mưa.

Trong đây có bài kệ tự thuyết:

*Hoa pháp sắc thọ mạng
Y phục và mua bán
Cưới gả, Tam-ma-đề
Và bốn loại ăn uống
Thực hành hai kỳ chay
Trên dưới gọi ba cõi
Sắc mây và chư Thiên
Câu-lô-xá, sấm dậy.*

**
*

Phẩm 9: CHIẾN ĐẤU

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa có thời chư Thiên và A-tu-la đánh nhau kịch liệt. Bấy giờ trời Đế-thích bảo với các thủ lĩnh trời Ba mươi ba rằng: “Chư Nhân giả, chư Thiên các người, nếu cùng với A-tu-la đánh nhau thì nên trang bị và giữ gìn tốt vũ khí. Nếu chư Thiên thắng, A-tu-la bại, thì các người phải bắt sống vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến trước Thiên pháp đường nơi chư Thiên hội họp”. Chư Thiên trời Ba mươi ba nghe Đế-thích truyền lệnh đều tuân hành. Lúc ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cũng bảo các A-tu-la thế này: “Nếu khi chư Thiên cùng với A-tu-la đánh nhau, mà chư Thiên bại, thì các người tức khắc bắt sống vua trời Đế-thích, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến chỗ hội họp của các A-tu-la là Thất đầu để đứng trước ta”. Các chúng A-tu-la cũng làm theo lời dặn bảo.

Chư Tỳ-kheo, vào thời ấy, vua trời Đế-thích đánh thắng, liền bắt sống vua A-tu-la, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến trước Thiên pháp đường, nơi chư Thiên hội họp, đứng hướng mặt về trời Đế-thích.

Khi ấy nếu vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la khởi lên ý nghĩ thế này: “Cầu cho các A-tu-la đều được an lành. Ta nay không dùng các A-tu-la nữa. Ta sẽ ở lại đây, cùng một chỗ với trời Ba mươi ba, đồng hưởng vui thú, rất vừa ý ta”. Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la khi khởi lên ý nghĩ này liền thấy năm sợi dây cột thân tự mở ra, các thú vui năm dục ở cõi trời đều hiện ra trước. Nhưng nếu khi vua khởi lên ý nghĩ thế này: “Ta nay không dùng trời Ba mươi ba, cầu cho chư Thiên đều được an lành. Ta muốn trở về cung của A-tu-la”. Khi khởi lên ý nghĩ như thế thì năm sợi dây trên thân liền siết chặt lại, các thú vui năm dục bỗng nhiên biến mất.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la có các sự trói buộc vi tế như vậy, thì các sự trói buộc của Ma lại càng vi tế hơn thế. Vì sao? Chư Tỳ-kheo, khi tư duy tà vạy liền bị trói buộc, khi tư duy chân chánh liền được giải thoát. Vì sao? Chư Tỳ-kheo, tư duy có ngã là tư duy tà vạy, tư duy không có ngã cũng là tư duy tà vạy. Cho đến tư duy về ngã là thường còn, ngã là không thường còn; có sắc, không có

sắc; có tướng, không có tướng và chẳng phải có tướng, chẳng phải không có tướng... đều là tư duy tà vạy.

Chư Tỳ-kheo, những tư duy tà vạy này là ung nhọt, là ghẻ lở, giống như tên độc. Trong đó, nếu có người đa văn đạt trí tuệ của bậc Thánh thì biết tư duy tà vạy như bệnh, như ghẻ lở, như ung nhọt, như mũi tên; nghĩ như thế rồi, giữ vững tâm nơi sự nhớ nghĩ chân chánh, chẳng theo sự vận hành của tâm, khiến tâm chẳng động, được nhiều lợi ích.

Chư Tỳ-kheo, nếu nghĩ có ngã tức là nghĩ tà, tức là hữu vi, tức là hí luận; nếu nghĩ là không có ngã cũng là hí luận, cho đến có sắc, không sắc; có tướng, không tướng; chẳng phải có tướng, chẳng phải không có tướng đều là hí luận.

Chư Tỳ-kheo, đã có hí luận đều là bệnh, như ung nhọt, như ghẻ lở, giống như tên độc. Trong đó có người đa văn đạt đến trí tuệ bậc Thánh biết các tội lỗi của hí luận này rồi, thì ưa sự không hí luận, giữ tâm vắng lặng, được nhiều lợi ích.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, có vua trời Đế-thích, khi muốn đánh nhau với A-tu-la, trời Đế-thích bảo với chư Thiên trời Ba mươi ba chung quanh thế này: “Chư Tôn giả, các vị phải trang bị tốt binh khí nơi thân thể. Nay các A-tu-la muốn đến đánh. Nếu chư Thiên thắng thì phải bắt sống vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến trước Thiện pháp đường, nơi hội họp của chư Thiên khiến ra mắt ta”. Chư Thiên trời Ba mươi ba nhận mệnh lệnh của trời Đế-thích, y theo lời dặn mà làm. Vua A-tu-la cũng ra lệnh như vậy.

Chư Tỳ-kheo, ở trận đánh ấy, chư Thiên đắc thắng, liền dùng năm sợi dây trói vua A-tu-la dẫn đến trước Thiện pháp đường. Lúc ấy, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã bị năm sợi dây trói, đang ở trước chúng trời, thấy trời Đế-thích vào Thiện pháp đường, đến chỗ ngồi an tọa, liền thốt ra lời ác, mắng nhiếc hủy nhục vị Thiên chủ đủ lời. Lúc ấy có vị hầu cận trời Đế-thích tên là Ma-đa-ly, thấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đứng trước chúng thốt lời hung ác, mắng nhiếc Thiên chủ liền dùng kệ bạch với Đế-thích:

*Trời Đế-thích xấu hổ, sợ hãi
Vì không thể lực nên chịu nhẹn*

*Nghe lời mắng thô ác như thế
Đều nhận lãnh hết không dám nói.*

Đế-thích dùng kệ đáp lại Ma-đa-ly:

*Chẳng phải xấu, sợ mà chịu nhin
Chẳng phải không sức đối Tu-la
Ai có thể mưu cầu như ta
Đâu được đồng với kẻ vô trí.*

Ma-đa-ly lại dùng kệ bạch Thiên chủ:

*Nếu chẳng nghiêm khắc quả trách nặng
Kẻ ngu đây dẫy lại tăng thêm
Nên phải bẻ dẹp kẻ vô trí
Giống như sợ roi bò bỏ chạy.
Nếu nay thả nó được bình yên
Trở về chốn cũ lại kiêu mạn
Vì vậy người trí phải ra oai
Biểu hiện sức mạnh chế ngu si.*

Trời Đế-thích lại dùng kệ đáp Ma-đa-ly:

*Việc này từ lâu ta đã biết
Vì để chế phục bọn ngu si
Nếu họ dùng sân hận mắng nhiếc
Ta nghe, chịu đựng tự chế tâm.*

Ma-đa-ly lại dùng kệ bạch Đế-thích:

*Vua trời Đế-thích xin nghĩ kỹ
Nhãn nhục như thế là có hại
Vì kẻ ngu kia mắng như thế
Cho là vì sợ không dám đáp.*

Đế-thích lại lần nữa dùng kệ đáp Ma-đa-ly:

*Đám ngu si kia, theo ý họ
Cho là ta sợ nên làm thinh
Nếu mong thân luôn được lợi ích
Thì nên vì họ, thường nhẫn nhục.
Theo ý ta khi thấy họ mắng
Chẳng nên với sân lại khởi sân*

Nếu dùng sân báo trả lại sân
Chiến đấu như vậy khó được thắng.
Nếu bị kẻ khác gây bực tức
Có chí nhẫn được thật là khó
Nên biết nhẫn này là sức mạnh
Người nhẫn như vậy đáng ngợi khen.
Hoặc ta, hoặc người phạm khởi tâm
Đều cầu mong là chỗ đáng sợ
Người khác nổi sân mắng nhiếc ta
Chẳng nên sanh oán đối với họ.
Đối với chính mình hoặc tha nhân
Cả hai đều nên làm lợi ích
Đã biết mình bị người sân mắng
Nên làm cho sân tự tiêu tan.
Như vậy hai bên, tâm lợi ích
Cả mình, lẫn người đều thành tựu
Ý niệm người kia là ngu si
Đó là do họ không biết pháp.
Như các trượng phu có sức lớn
Luôn vì kẻ vô lực nhẫn nhịn
Với người vô lực, nhẫn chẳng sân
Người nhẫn như vậy được khen ngợi.
Người kia không có sức trí tuệ
Lấy sức ngu si làm sức mạnh
Tâm ngu si nên vứt bỏ pháp
Những người như vậy hạnh không chánh.
Họ dùng ngu si cầu hơn ta
Sân giận mắng nhiếc phát lời thô
Nhẫn được ác kia, thì thường thắng
Nhẫn ấy tăng lên khó nói đủ.
Người thắng nói năng e chẳng xét
Với họ, sợ oán nên mới nhẫn
Nghe người dưới mắng mà nhẫn nhục
Nhẫn này được người trí ngợi khen.

Chư Tỳ-kheo, các vị nên biết, trời Đế-thích lúc bấy giờ chính là Ta. Vào thuở ấy, Ta làm vua trời Ba mươi ba, giáo hóa tự tại, thọ phước báo tốt đẹp, mặc dù hưởng mọi điều lạc nhưng thường nhẫn nhục, cũng khen ngợi hạnh nhẫn, ưa hạnh ôn hòa mềm mỏng, lại không sân giận, cũng luôn ngợi khen người không sân giận. Chư Tỳ-kheo, các vị tự nói là trong sự tu hành có tâm tin hiểu, bỏ tục xuất gia, tinh cần chẳng biếng trễ. Nên các vị muốn đối với các chúng sanh khác, thân tu hành nhẫn nhục khen ngợi sự nhẫn nhục từ bi thuận hợp, thường hành an lạc, diệt trừ sân hận, khen người không sân thì các vị phải phát khởi sự tu học như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, chúng trời cùng với các A-tu-la, mỗi bên đều trang bị binh khí muốn đánh nhau. Bấy giờ Đế-thích bảo với Thiên chúng: “Chư Nhân giả, nếu A-tu-la cùng chư Thiên đánh nhau, khi chư Thiên đắc thắng thì các người nên dùng năm sợi dây trói vua A-tu-la lại... *như trước đã nói...*”. Chư Thiên vâng lệnh. Vua A-tu-la cũng làm như vậy, ra lệnh cho chúng quân binh. Chư Tỳ-kheo, lúc giao chiến, vua A-tu-la thắng, vua trời Đế-thích không địch nổi phải lui về. Xe vua cưỡi khi ấy là chiếc ngự xa dễ điều khiển, bánh có ngàn căm, muốn hướng thẳng về cung trời, nhưng có một cây đại thọ tên là Cự-tra-xà-ma-lê chắn đường, Kim sí điều lót ổ trên cây ấy đã sanh các trứng. Đế-thích thấy rồi bảo với Ma-đa-ly, người đánh xe:

*Ma-đa-ly! Trên cây có trứng
Vì ta, quay xe lại tránh xa
Thà bị Tu-la làm mất mạng
Chớ đừng phá hoại tổ chim này.*

Khi ấy Ma-đa-ly, người đánh xe giỏi, nghe vua trời Đế-thích dạy như vậy, liền quay chiếc ngự xa dễ điều khiển, bánh có ngàn căm, trở lại chạy thẳng đến cung A-tu-la.

Chư Tỳ-kheo, các chúng A-tu-la lúc bấy giờ thấy xe Đế-thích bỗng nhiên quay lại, đều cho là Đế-thích có mưu lược đặc biệt nên trở lại đánh nhau với mình. Chúng A-tu-la nhân đó rút lui toàn bộ, trở về cung mình.

Chư Tỳ-kheo, lúc ấy, do nhân duyên từ bi của Đế-thích mà chư

Thiên chuyển bại thành thắng, A-tu-la phải thua.

Chư Tỳ-kheo, nên biết, trời Đế-thích thuở ấy chính là Ta. Chư Tỳ-kheo, thuở ấy Ta làm vị Đại thiên chủ, lãnh đạo trời Ba mươi ba, cai trị giáo hóa tự tại, hưởng phước báo tốt đẹp, vẫn luôn luôn thương yêu tất cả chúng sanh, vì sự sanh tồn của chúng mà khởi lòng từ bi, làm điều lợi ích. Tỳ-kheo các vị, vì lòng tin mà xuất gia, phải làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, chư Thiên và A-tu-la muốn đánh nhau. Bấy giờ Đế-thích bảo với vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: “Nhân giả, bây giờ chúng ta nên thu hết vũ khí. Trong chúng chư Thiên và A-tu-la đều có kẻ sáng suốt, trí tuệ, hai bên chúng ta nên nói về pháp nghĩa, hoặc thiện, hoặc ác. Nhưng ai dùng lời thiện nhiều hơn sẽ thắng”. Khi ấy Thiên chủ và A-tu-la nhường cho nhau nói trước. Lúc đó vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền lên tiếng trước, hướng về trời Đế-thích nói kệ:

*Kẻ ngu si quá mức
Quyết phải quả trách nặng
Bề dẹp kẻ vô trí
Như bò sợ roi chạy
Ngu si không có trí
Thật khó chế ngự ngay
Vì vậy dùng roi mạnh
Mau dứt si, mạn kia.*

Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la hướng về trời Đế-thích nói kệ này xong, chúng A-tu-la và các quyến thuộc đều rất hoan hỷ, khen ngợi, phấn khởi. Đế-thích, chư Thiên và quyến thuộc đều đứng im lặng.

Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bảo Đế-thích: “Đại thiên vương nên nói kệ”.

Bấy giờ Thiên vương hướng đến A-tu-la nói kệ:

*Ta thấy rõ việc này
Không muốn giống người si
Người ngu tự khởi sân
Người trí ai tranh cùng?*

Vua trời Đế-thích nói kệ ấy xong, chư Thiên trời Ba mươi ba và

các quỵến thuộc đều khen ngợi, vui mừng phấn khởi. Các A-tu-la và quỵến thuộc đều đứng lặng thinh.

Đế-thích bảo vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: “Nhân giả, hãy nói tiếp lời đi!” Khi ấy, A-tu-la hướng đến Thiên chủ nói kệ:

*Im lặng, ý nhân nhục
Đế-thích! Ta cũng thế
Ngu si khi tranh thắng
Nói ta sợ nên nhân.*

Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói kệ ấy rồi, các A-tu-la và quỵến thuộc đều hân hoan, vui mừng khen ngợi. Đế-thích, chư Thiên và quỵến thuộc đều đứng lặng thinh. Vua A-tu-la cũng bảo Đế-thích: “Thưa Thiên chủ, đến lượt ngài biện thuyết về lời tốt đúng như pháp”. Bấy giờ, trời Đế-thích hướng đến A-tu-la nói kệ:

*Người ngu theo ý mình
Bảo nhân là sợ sệt
Cho đây cầu tự lợi
Còn kia chẳng lợi ích
Ta bảo kia làm ác
Chẳng nên sân với sân
Với sân nên làm thinh
Đánh vậy thì thường thắng.
Nếu bị người xúc não
Có sức thường nhân được
Nên biết người nhân này
Đứng trên các hạnh nhân.
Không kể mình hay người
Đều cầu lìa chỗ sợ
Nếu biết người ghét mình
Với họ không nên sân
Hai bên đều lợi ích
Cho là mình như người
Nếu người sân mắng nhiếc
Sân mình tự tiêu tan
Đối mình hoặc với người*

Cả hai đều được lợi.
 Ý người ngu si
 Là do không biết pháp
 Nếu người có sức mạnh
 Nhân được người yếu đuối
 Nhân này là tối thắng
 Không có nhân nào hơn.
 Kẻ kia không trí tuệ
 Chỉ có sức ngu si
 Vì ngu si bỏ pháp
 Nên tự mất chánh hạnh.
 Ngu si tự khoe thắng
 Sân hận phát lời ác
 Nhân được xúc não ấy
 Đó là được thắng lợi.
 Sợ người mạnh mà nhân
 Nhân ấy sợ sanh oán
 Đối kẻ yếu nhân được
 Nhân này người trí khen.

Vua trời Đế-thích thuyết kệ ấy xong, chư Thiên trời Ba mươi ba và các quyến thuộc khen ngợi, phấn khởi vô cùng. Chúng A-tu-la đều làm thinh. Khi ấy, trong hàng chư Thiên, những vị có trí tuệ, đều nhóm lại một chỗ bàn luận so sánh các bài kệ này, suy nghĩ tường tận, xem xét suy tầm, rồi cùng khen ngợi như thế này: “Chư Nhân giả, nay trời Đế-thích khéo nói ý nghĩa về sự cai trị giáo hóa, tất cả đều không có dao gậy, roi vọt, cũng không tranh cãi, đánh đấm, hủy nhục, oán thù, cũng không kiêu cáo và mong cầu báo trả. Lại đối với sanh tử có sự nhàm chán, cầu xa lìa dục, vì sự tịch diệt, vì sự tĩnh lặng, vì chứng đắc thần thông, vì chứng đắc quả Sa-môn, vì thành tựu Chánh giác đắc Niết-bàn. Chư Nhân giả, những bài kệ của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã nói không có lời tốt đẹp như thế. Tất cả những lời ấy chỉ có dao gậy, roi vọt, gai góc, độc địa, hủy nhục, tranh cãi, đánh đấm, kiêu tụng, oán thù, mong cầu đáp trả. Lại tưởng dưỡng sanh tử, không có nhàm chán tham đắm ái dục, chẳng nghĩ về

hạnh tĩn lặng tịch diệt, chẳng cầu thần thông và quả Sa-môn, chẳng cầu Chánh giác và Đại Niết-bàn. Chư Nhân giả, những bài kệ của vua trời Đế-thích đã nói, gọi là lời nói thiện. Những bài kệ của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã nói, chẳng phải là lời nói thiện. Chư Nhân giả, những bài kệ của vua trời Đế-thích đã nói là lời nói thiện, đúng là lời nói thiện. Những bài kệ của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã nói chẳng phải là lời nói thiện, nhất định chẳng phải là lời nói thiện”.

Chư Tỳ-kheo, các vị nên biết! Trời Đế-thích thời ấy chính là Ta. Chư Tỳ-kheo, lúc đó Ta là vua trời Đao-lợi cai trị giáo hóa tự tại, thọ hưởng phước lạc, còn nói lời thiện để làm dụng cụ chiến đấu. Vì do lời thiện nên chiến đấu thường thắng. Tỳ-kheo các thầy đã được ở trong giáo pháp nói lời thiện của Ta, lắng tâm lìa tục, bỏ nhà xuất gia, tu hạnh tĩn tấn. Các vị nếu muốn tìm hiểu lời thiện, lời ác trong giáo pháp để nắm lấy nghĩa lý thì nên biết như thế.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, chư Thiên vương... và A-tu-la khi đánh nhau, vua trời Đế-thích đánh dẹp Tu-la, sau khi đã chiến thắng, tạo dựng cung điện đẹp đẽ, chiều Đông Tây rộng năm trăm do-tuần, chiều Nam Bắc hai trăm năm mươi do-tuần. Chư Tỳ-kheo, bên ngoài cung điện đẹp đẽ ấy, có một trăm nơi phòng ngự; ở mỗi nơi phòng ngự có bảy lầu gác, đều dùng bảy báu tạo thành; trong mỗi lầu gác, thiết trí bảy phòng; trong mỗi phòng đặt bảy cái giường; trên mỗi cái giường có bảy ngọc nữ; mỗi ngọc nữ lại có riêng bảy người hầu gái. Vua trời Đế-thích cùng các ngọc nữ và người hầu nữ, chẳng có việc gì làm, chỉ tận hưởng mọi diệu lạc thù thắng. Đồ ăn uống, cần dùng như hương hoa, áo quần, tất cả mọi vật dụng để vui chơi, đều tùy theo nghiệp đời trước mà hưởng được phước báo. Chư Tỳ-kheo, trong cõi Tam thiên đại thiên thế giới, với các cung trời hiện có, không có cung điện nào bằng cung điện đẹp đẽ ấy của vua trời Đế-thích.

Lúc đó, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la suy nghĩ: “Ta có sức mạnh và uy đức như thế, cung điện mặt trời, mặt trăng và trời Ba mươi ba, tuy ở trên ta, vận hành cùng khắp, nhưng sức của ta có thể nắm lấy làm vòng đeo tai, đi khắp các nơi, chẳng bị trở ngại”. Đã có một lúc, vua A-tu-la La-hầu-la, trong lòng giận dữ, chứa đầy phiền

nào độc hại, ý chẳng vui vẻ, liền nghĩ đến vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Khi đó vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ thế này: “Vua A-tu-la La-hầu-la nay nghĩ đến ta” và liền tự nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la cùng các A-tu-la quyền thuộc dưới quyền thống lãnh của mình. Lúc đó các tiểu vương và các A-tu-la kia biết vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ đến mình, ai nấy đều chuẩn bị các loại binh khí kéo đến chỗ vua. Đến nơi rồi, đứng yên ở phía trước. Bấy giờ, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la tự mặc áo giáp, cầm gậy, vội vàng lên xe, cùng với các tiểu vương và quân sĩ, vây quanh sau trước kéo đến chỗ vua A-tu-la La-hầu-la. Vua A-tu-la La-hầu-la lại nghĩ đến hai vị vua A-tu-la là Dũng Dực và Huyền Hóa. Cùng lúc, hai vua này biết được ý nghĩ ấy rồi, lại cũng nghĩ giống như vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la là nghĩ đến các tiểu vương của mình và chúng thuộc hạ. Ai nấy đều biết rồi, cũng khẩn trương chuẩn bị vũ khí, hướng đến chỗ hai vua. Đến nơi, tất cả đều cùng kéo tới chỗ vua A-tu-la La-hầu-la tự trang bị đủ các loại vũ khí tùy thân, cùng ba vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, Dũng Dực, Huyền Hóa và tiểu vương, quyền thuộc của ba vua ấy, vây quanh sau trước, từ thành A-tu-la lũ lượt ra đi, muốn cùng với chư Thiên Đao-lợi đánh nhau một trận quyết liệt.

Bấy giờ, hai vua Rồng lớn là Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà từ cung đi ra, dùng thân quấn quanh núi Tu-di bảy vòng, tức thì làm núi rung động; động rồi lại động, động lớn, động khắp; rung rồi lại rung, rung lớn, rung khắp; phun rồi lại phun, phun lớn, phun khắp, dùng đuôi đập biển, làm cho một khối nước vọt lên hư không lên tận đỉnh Tu-di.

Chư Tỳ-kheo, liền ngay khi ấy, Thiên chủ Đế-thích bảo các Thiên chúng: “Chư vị Nhân giả, các vị có thấy đại địa này rung động như vậy không? Hư không đen nghịt giống như mây có mưa, lại như sương mù dày đặc. Ta biết chắc rằng, nay A-tu-la muốn cùng với chư Thiên đánh nhau”.

Lúc ấy, ở trong biển, các Rồng tại chỗ đều rời cung mình, cầm các loại gậy gộc, trang bị tề chỉnh, ra ngay trước A-tu-la cùng chúng chiến đấu. Nếu thắng thì đuổi chúng lui thẳng về cung. Nhưng không thắng nên sợ hãi chạy lui, rồi cùng đến gặp Dạ-xoa Địa Cư. Đến nơi, nói rằng: “Các vị nên biết, các A-tu-la muốn đánh chư Thiên. Nay, các người nên cùng chúng ta đến chỗ ấy giúp nhau đánh phá”. Dạ-

xoa nghe xong liền chuẩn bị vũ khí cùng các Rồng kéo đi, cùng đánh nhau với A-tu-la. Nếu thắng thì đuổi chúng đi, nhưng không thắng nên sợ hãi chạy lui, rồi cùng đi đến ra mắt Dạ-xoa Bát thủ. Đến nơi, thưa rằng: “Các vị biết chăng? Các A-tu-la muốn đánh chư Thiên. Các ngài nên đến cùng chúng tôi tương trợ nghinh chiến”. Bát thủ nghe xong, cũng chuẩn bị vũ khí, cùng kéo đi... *cho đến*... thua chạy, rồi lại cùng đến báo với Dạ-xoa Trì phát rồi cũng bỏ chạy như trên... đến báo với Dạ-xoa Thường túy, cũng chuẩn bị gậy gộc và cùng với Trì phát... hiệp lực chiến đấu. Nếu đắc thắng thì đuổi bọn chúng về cung, nhưng do thất bại nên sợ hãi rút lui, rồi đến yết kiến Tứ đại thiên vương. Đến nơi, tâu với Tứ thiên vương: “Tứ vương thẩm xét! Nay các A-tu-la muốn đánh với chư Thiên. Các ngài nên cùng với chúng tôi tương trợ đánh cho chúng tan tác”. Khi ấy Tứ thiên vương nghe Thường túy nói liền vội vàng cầm các loại vũ khí lên xe mà đi... *cho đến*... chạy lui, chẳng thể hàng phục. Lúc đó Tứ thiên vương bèn cùng nhau lên Thiên pháp đường, nơi chư Thiên nhóm họp, bàn luận tâu với Đế-thích: “Thiên vương nên biết, các A-tu-la nay tụ tập muốn đánh chư Thiên, xin nên đến đó đánh nhau với chúng”. Trời Đế-thích nghe Tứ thiên vương nói như vậy thì chấp thuận, liền triệu một vị trời Ma-na-bà bảo rằng: “Này Thiên tử, người đến đây! Nay người có thể đến trời Tu-dạ-ma rồi sang trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại. Đến nơi, vì ta mà tâu với các Thiên vương thế này: ‘Chư Thiên các ngài, chắc các ngài đã biết, nay A-tu-la muốn đánh với chư Thiên, Thiên vương các ngài cần phải tương trợ, cùng đến chỗ ấy chiến đấu với chúng’”. Ma-na-bà nghe lời của Đế-thích xong liền đi đến trời Tu-dạ-ma tâu đầy đủ sự việc.

Thiên vương Tu-dạ-ma nghe lời tâu của Thiên sứ trời Đế-thích là Ma-na-bà liền nghĩ đến tất cả Thiên chúng trong cõi trời Tu-dạ-ma. Khi ấy Thiên chúng biết ý nghĩ của Thiên vương rồi, đều khẩn trương mặc áo giáp, mang vũ khí, nhảy lên loại xe ở cõi trời, cùng nhau kéo đến chỗ Thiên vương. Đến rồi, đứng yên ở trước. Cùng lúc, Thiên vương Tu-dạ-ma cũng tự thân mặc loại áo giáp báu đẹp ở cõi trời, cầm các gậy báu, cùng với đông đủ vô lượng trăm ngàn vạn các Thiên tử vây quanh, đi xuống, đến trên đỉnh núi chúa Tu-di, tại phía Đông núi, cắm cờ khó hàng phục toàn màu xanh, tựa vào đỉnh núi.

Lúc ấy Thiên sứ Ma-na-bà liền trở lên trời Đâu-suất-đà. Đến nơi, vị ấy tâu với Thiên vương cõi Đâu-suất: “Thiên vương nên biết! Thiên vương Đế-thích có lời báo trình: ‘Các A-tu-la muốn đánh với chư Thiên, xin chư Thiên cùng đến tương trợ, góp sức chiến đấu, khiến chúng thối lui’”. Trời Đâu-suất-đà nghe lời ấy rồi, liền nghĩ đến đại chúng chư Thiên của mình. Chư Thiên ấy biết rồi, liền tụ tập đến chỗ của Đại thiên vương. Đến nơi, ai nấy đều đốc sức cầm vũ khí, nhảy lên xe cùng với vô lượng trăm ngàn vạn Thiên chúng, kéo nhau đi xuống, cùng lúc vân tập ở đỉnh núi Tu-di, tại phía Nam, cắm cờ khó hàng phục toàn màu vàng, tựa vào đỉnh núi.

Thiên sứ Ma-na-bà lại đi đến trời Hóa lạc, tâu với vị trời ấy: “Thiên vương nên biết! Trời Đế-thích sai tôi đến báo với ngài rằng: ‘Các A-tu-la muốn đánh chư Thiên... tâu đây đủ như trước... *cho đến* trời ấy cùng với vô lượng trăm ngàn vạn chúng Thiên tử, đều trang bị vũ khí, nhảy lên các thứ xe, cùng nhau kéo xuống, đến đỉnh núi Tu-di, tại phía Tây núi, cắm cờ khó hàng phục, toàn một màu đỏ, tựa vào đỉnh núi.

Cũng như thế, lên báo với Thiên vương Tha hóa tự tại... *như trước đã nói...* Khi ấy Thiên chúng của vị trời kia trang bị vũ khí hơn trời Hóa lạc, cùng với vô lượng trăm Thiên tử, vô lượng ngàn Thiên tử, vô lượng trăm ngàn Thiên tử, vây quanh kéo xuống, đến núi Tu-di, tại phía Bắc, cắm cờ khó hàng phục toàn màu trắng, tựa vào đỉnh núi.

Bấy giờ trời Đế-thích thấy chư Thiên các cõi trên đều vân tập, liền nghĩ đến Dạ-xoa ở hư không. Khi ấy các chúng Dạ-xoa ở hư không đều nghĩ: “Thiên vương Đế-thích đã nghĩ đến chúng ta”. Biết như vậy rồi, chúng Dạ-xoa liền bảo nhau cùng mặc giáp, cầm gậy, trang bị dụng cụ tùy thân, xong xuôi, nhảy lên các loại xe, đi đến trước Đế-thích đứng sang một bên. Trời Đế-thích lại nghĩ đến các Tiểu thiên vương cùng quyền thuộc của chư Thiên trời Ba mươi ba. Khi biết ý nghĩ ấy, họ đều mặc giáp, trang bị vũ khí, nhảy lên các loại xe, đến trước Thiên vương. Lúc ấy, Đế-thích mặc các loại áo giáp và trang bị vũ khí, nhảy lên các loại xe, cùng với Dạ-xoa Hư không và các tiểu vương trời Ba mươi ba, vây quanh trước sau, ra khỏi thiên cung muốn cùng với A-tu-la đánh nhau một trận quyết liệt.

Chư Tỳ-kheo, khi đánh nhau với A-tu-la các Thiên chúng ấy sử dụng nhiều loại vũ khí như: đao, tên, giáo, côn, vồ, chày, tên nhọn kim cang, tên bắn đối mặt, tên như cái đục, tên nhọn bọc sắt, tên như răng trâu, tên nhọn như lá Ca-lăng-già, tên nhọn li ti, tên nổ. Những loại vũ khí ấy có nhiều màu sắc đẹp đẽ, đều là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não... bảy báu tạo thành. Dùng những loại đao gậy này, từ xa phóng đến xuyên suốt thân A-tu-la mà chẳng bị hại, trên thân của chúng cũng lại chẳng thấy thương tích, chỉ do nhân duyên xúc chạm nên chịu thống khổ.

Chư Tỳ-kheo, các A-tu-la, khi đánh với chư Thiên có các loại vũ khí, sắc loại giống như của chư Thiên, cũng do bảy báu tạo thành, đâm vào thân chư Thiên, cũng đều xuyên qua, mà không có thương tích, chỉ do nhân duyên xúc chạm nên chịu thọ các thống khổ.

Chư Tỳ-kheo, khi chư Thiên ở cõi Dục cùng với chúng A-tu-la đánh nhau, còn có các loại vũ khí như vậy, hướng hồ là vũ khí của loài người tại thế gian.



KINH KHỞI THẾ

QUYỂN IX

Phẩm 10. KIẾP TRỤ

Chư Tỳ-kheo, thế gian đặc biệt có ba loại trung kiếp. Một là đao binh, hai là đói khát, ba là dịch bệnh. Thế nào gọi là trung kiếp đao binh? Chư Tỳ-kheo, kiếp đao binh là loài người lúc bấy giờ không có chánh hạnh, chẳng nói như pháp, tà kiến, điên đảo, cùng làm đầy đủ mười nghiệp bất thiện. Chúng sanh khi ấy chỉ thọ mười tuổi. Chư Tỳ-kheo, khi con người thọ mười tuổi như vậy, con gái sanh ra mới năm tháng là đã có chồng, giống như ngày nay mười lăm, mười sáu tuổi gả về nhà chồng. Bấy giờ, chất đất sanh tô du, sanh tô, đường tắng, đường cát thơm, đến khi ấy, tất cả đều biến mất chẳng hiện ra nữa. Lại nữa, dân chúng kia khi thọ mười tuổi, toàn dùng thứ lông thô của loài dê đen làm áo, giống như áo Ca-thi-ca-kiều-xa-da, áo Sô-ma-tăng, áo Độ-cứu-la, áo Câu-lộ-ma-ta, áo Kiếp bối, áo Cam-bà-la-bảo, ngày nay xem là rất tốt đẹp, áo thô bằng lông kia cũng được cho là như vậy. Thời bấy giờ, con người chỉ ăn hạt cỏ giống như người ngày nay ăn gạo thơm... cho là thức ăn ngon. Lại được cha mẹ thương yêu, cầu được mười tuổi, cho là thượng thọ, cũng như ngày nay cầu sống trăm tuổi.

Chư Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, có những chúng sanh bất hiếu với cha mẹ, chẳng kính Sa-môn, Bà-la-môn, chẳng kính bậc cao niên, nhưng những vị này cũng được người khác cúng dường, phụng sự, khen ngợi, tôn trọng giống như người tu hành giáo pháp ngày nay, danh dự không khác. Vì sao? Vì nghiệp của họ là như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi không có tiếng lành, cũng chẳng ai tu tập mười nẻo nghiệp thiện, phần nhiều tất cả đều tạo nghiệp bất thiện. Chúng sanh thấy nhau đều sanh tâm độc hại, chém giết, không còn ý niệm thương yêu nhường nhịn. Như ngày nay, đám thợ săn ở những chỗ núi, đầm trống vắng trông thấy các loại cầm thú, chỉ khởi tâm độc ác, giết hại.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, vào thời ấy, dụng cụ trang sức của tất cả dân chúng đều là dao, gậy. Cũng như người đời nay dùng tràng hoa, bông tai, vòng cổ, xuyên, nhẫn, trâm để trang sức, người thời ấy dùng dao, gậy cũng lại như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, vào lúc trung kiếp sắp hết, trong vòng bảy ngày, tất cả dân chúng, tay chạm vào vật gì như là cỏ, cây đất cục, ngói đá, đều biến thành dao, gậy, mũi rất nhọn hơn người chế tạo. Ai nấy giành nhau giật lấy, giết hại lẫn nhau. Trong vòng bảy ngày, giết nhau chết hết, nhân đó mạng chung đều đọa vào đường ác, thọ khổ nơi địa ngục. Vì sao? Vì họ đối với nhau sanh tâm sát hại, tâm ô uế, tâm ác, tâm không lợi ích, tâm không từ bi, tâm không thanh tịnh.

Chư Tỳ-kheo, đó gọi là trung kiếp đao binh.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là trung kiếp đói khát? Chư Tỳ-kheo, vào thời kỳ kiếp đói khát, tất cả dân chúng không có người thực hành chánh pháp, chỉ theo tà kiến điên đảo, đều làm đủ mười nghiệp bất thiện. Do nhân duyên ấy, trời không mưa. Do không mưa nên bị đói khổ. Lại không có hạt giống, nhật xương người làm nghề nghiệp, dùng các loại vỏ nuôi mạng. Thế nào gọi là nhật xương người làm nghề nghiệp? Chư Tỳ-kheo, trong thời kỳ đói khát, dân chúng khi ấy đều đi khắp nơi, hoặc ngã tư đường, hoặc đường hẻm, thành quách, đại lộ, thâu nhật xương người hầm lấy nước uống để sống, vì vậy gọi là nhật xương người làm nghề nghiệp.

Thế nào gọi là dùng các loại vỏ nuôi mạng? Chư Tỳ-kheo, thời kỳ kiếp đói khát, dân chúng khi ấy vì quá đói nên lột các vỏ cây nấu nước uống để tự nuôi sống, vì vậy nên gọi là dùng các loại vỏ cây nuôi mạng.

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh khi ấy, sau khi chết đói sẽ đều sanh vào các đường ác, đó là đọa vào cõi Diêm-ma-la, làm thân ngựa quý.

Vì các chúng sanh kia tham lam ganh ghét, sợ ăn hết thức ăn nên giành nhau cất giấu.

Chư Tỳ-kheo, đó gọi là trung kiếp đói khát.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là trung kiếp dịch bệnh? Chư Tỳ-kheo, dân chúng khi ấy muốn thực hành chánh pháp, muốn nói như pháp, cũng muốn thực hiện sự hiểu biết không điên đảo, cũng muốn thực hành đầy đủ mười nẻo nghiệp thiện. Nhưng vào thời ấy, những người làm đúng như pháp, do vì mười nghiệp bất thiện ở quá khứ của họ vượt hơn quả báo hiện thời nên liền khiến loài phi nhân phóng xả khí tai ương, dịch bệnh hoành hành, đến nỗi nhiều người bị bệnh chết.

Chư Tỳ-kheo, lại nữa, trong thời kỳ dịch bệnh như vậy, lại có vô lượng loài phi nhân ở thế giới khác đến gây các dịch bệnh cho dân chúng ở cõi này. Vì sao? Vì họ phóng dật, làm việc phi pháp, nên các loài phi nhân kia đoạt mất hồn họ, cho họ xúc chạm với điều xấu ác, khiến tâm họ hôn mê, rối loạn; trong đó có nhiều người phước mỏng nên mạng chung. Thí như nhà vua hoặc đại thần của vua, để bảo vệ cho dân ở địa đầu biên giới nên bố trí quân lính canh giữ. Có lúc bỗng nhiên đạo tặc ở phương khác đến, vì lính phòng vệ kia không canh phòng cẩn mật, do có sự chểnh mảng nên bị lũ giặc nhất thời chém giết, hoặc phá nhà cửa, hoặc phá thôn xóm, hoặc hủy làng mạc, dân chúng, thành quách... Vì do phóng dật nên phi nhân ở phương khác đến gây nên dịch bệnh, sinh mạng chết hết. Cũng như vậy, hoặc vào thời gian nọ, loài phi nhân ở phương khác đến gây dịch bệnh. Khi ấy các chúng sanh không làm chuyện phóng dật, nhưng loài quỷ kia quá mạnh đã cưỡng bức, đoạt linh hồn họ, cho họ xúc chạm với điều xấu ác, khiến tâm họ mê man bất loạn; trong đó có nhiều người bị bệnh chết. Thí như nhà vua và các đại thần của vua, vì để bảo vệ các làng mạc nên bố trí quân binh trấn giữ. Hoặc giả sau đó, giặc cướp phương khác đến quấy nhiễu, xâm phạm. Tuy là sự trấn giữ kia không có lơ là, chểnh mảng, vẫn siêng năng cẩn mật canh giữ, nhưng bọn giặc quá mạnh, cưỡng bức gây hại, cũng có thể cùng lúc giết hại nhiều người, hoặc phá nhà cửa của họ, hủy thôn xóm, làng mạc... *như trước*... Chư Tỳ-kheo, ở trong kiếp dịch bệnh, dân chúng bị bệnh, quá đau đớn, mạng chung cũng như vậy. Sau khi

mạng chung, họ đều được sanh lên các cõi trời. Vì sao? Vì chúng sanh ấy không có tâm hại nhau, không có tâm não loạn, lại có tâm lợi ích, tâm từ bi, tâm thanh tịnh, cho đến khi sắp mạng chung lại hỏi thăm nhau: “Bệnh của người có thể chịu đựng chãng, ít bị tổn hại chãng? Có ai thoát chãng, có ai khỏi chãng? Có ai có bệnh gì khác chãng?” Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy nên họ được sanh lên cõi trời. Đây gọi là trung kiếp dịch bệnh.

Chư Tỳ-kheo, như thế gọi là ba loại trung kiếp của thế gian.

**
*

Phẩm 11: THỂ TRỤ

Chư Tỳ-kheo, ở trong thế giới có bốn thứ vô lượng chẳng thể lường tính, chẳng thể nêu bày, chẳng thể nghĩ bàn. Hoặc trời, hoặc người, hoặc những vị toán số trong thế gian muốn nắm bắt số lượng ấy, dù trải qua một năm, hoặc trăm năm, ngàn năm, trăm ngàn năm, hoặc ức năm, trăm ngàn ức năm, chẳng bao giờ có thể nắm bắt được. Bốn thứ ấy là gì? Chư Tỳ-kheo, như sự tồn tại của thế giới, điều này chẳng thể tính đếm mà biết được, dù trải qua một năm, một trăm năm, một ngàn năm, trăm ngàn năm, hoặc ức năm, trăm ức năm, ngàn ức năm, trăm ngàn ức năm. Chư Tỳ-kheo, như sự hoại diệt của thế giới sau khi tồn tại cũng chẳng thể tính toán mà biết được, dù trải qua một năm, trăm năm, ngàn năm, trăm ngàn năm, một ức năm, hoặc trăm ức năm, hoặc ngàn ức năm, hoặc trăm ngàn ức năm. Chư Tỳ-kheo, như sự hình thành của thế giới, sau khi hoại diệt, điều này cũng chẳng thể tính toán mà biết được, dù trải qua một năm, trăm năm, ngàn năm, trăm ngàn năm, hoặc ức năm, trăm ức năm, ngàn ức năm, hoặc trăm ngàn ức năm. Chư Tỳ-kheo, như sự tồn tại của thế giới sau khi hình thành, điều này cũng chẳng thể tính toán mà biết được, dù trải qua một năm, trăm năm, ngàn năm, trăm ngàn năm, hoặc một ức năm, trăm ức năm, ngàn ức năm, hoặc trăm ngàn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, đó là bốn thứ vô lượng chẳng thể lường tính, chẳng thể nêu bày, chẳng thể nghĩ bàn, hoặc trời, hoặc người, không ai tính toán mà có thể biết được, dù cho trải qua trăm ngàn vạn năm, trăm ngàn vạn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, mọi thế giới hiện có ở phương Đông đều chuyển biến trụ rồi hoại, không có thời gian dừng nghỉ, hoặc có sự chuyển thành, hoặc có sự chuyển hoại. Chư Tỳ-kheo, các phương Nam, Tây, Bắc mọi thế giới hiện có đều chuyển biến thành, trụ, hoại cũng lại như thế. Chư Tỳ-kheo, như bánh xe có năm bộ phận, trừ trục ra, chúng xoay chuyển chẳng ngừng, không lúc nào tạm nghỉ, đại khái thế giới cũng như vậy. Lại như cơn mưa mùa hạ, hạt mưa to nối nhau rơi xuống, không dừng nghỉ, cũng thế, sự chuyển biến thành, trụ, hoại

của các thế giới ở phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc không khi nào dừng, cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, ở trong khoảng thời gian ấy lại có ba tai họa. Một là tai họa về nước, hai là tai họa về lửa, ba là tai họa về gió. Ở thời kỳ tai họa về lửa, chư Thiên ở cõi trời Quang âm khởi bị tai họa ấy. Thời kỳ tai họa về nước, chư Thiên ở cõi trời Biến tịnh khởi bị tai họa ấy. Thời kỳ tai họa về gió, chư Thiên ở cõi trời Quảng quả khởi bị tai họa ấy. Thế nào là tai họa về lửa? Chư Tỳ-kheo, khi tai họa về lửa khởi lên, các chúng sanh đều có hạnh lành, nói lời như pháp, thành tựu năm kiến không có điên đảo, tu hành đầy đủ mười nẻo nghiệp thiện; đối với thiên vô giác quán, không dụng công tu, tự nhiên chứng đắc. Khi ấy chúng sanh kia dùng sức thần thông, trụ ở trên không, trụ nơi các cõi tiên, trụ nơi các cõi trời, trụ nơi cõi phạm hạnh. Trụ như vậy rồi, thọ cái vui vô giác quán của tầng thiên thứ hai. Chứng biết như vậy, thành tựu trọn vẹn, thân hoại mạng chung, liền sanh vào cõi trời Quang âm. Chúng sanh trong cõi Địa ngục, chúng sanh trong cõi Súc sanh, cõi Diêm-ma-la, cõi A-tu-la, cõi Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Tu-dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, và trời Ma thân cho đến cõi Phạm, tất cả chúng sanh sanh ở nhân gian đều thành tựu vô giác vô quán, chứng tri mọi sự an lạc, thân hoại mạng chung, liền sanh cõi trời Quang âm. Tất cả sáu đường đều dứt tuyệt. Đây gọi là thế gian chuyển đổi chấm dứt.

Chư Tỳ-kheo, thế nào là thế gian trụ rồi chuyển sang hoại? Chư Tỳ-kheo, vào thời kỳ nọ, thời gian lâu xa vô lượng, thiên hạ bị khô hạn, lại không có mưa, tất cả cỏ cây đều khô cháy, không còn một loại nào. Thí như cỏ lau nhân khi còn non cắt đi, lại không được tưới nước sẽ khô cháy mục nát, chẳng còn lại gì... Chư Tỳ-kheo, trời lâu chẳng mưa, tất cả cỏ cây khô cháy cũng lại như vậy. Chư Tỳ-kheo, các hành cũng vậy, tất cả đều vô thường, chẳng tồn tại lâu dài, chẳng bền chắc, chẳng tự tại, là pháp hoại diệt cần phải nhàm chán, xả ly, mau cầu giải thoát.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, bấy giờ có luồng gió lớn Ca-lê-ca thổi khiến cho tám vạn bốn ngàn do-tuần nước biển lớn dạt ra bốn phía. Ở dưới liền có cung điện lớn mặt trời, lại thổi một mặt trời lên khỏi biển, đặt ở khoảng giữa lưng chừng núi chúa Tu-di, cách đất bốn vạn

hai ngàn do-tuần trong quỹ đạo mặt trời. Chư Tỳ-kheo, đó gọi là mặt trời thứ hai của thế gian xuất hiện trên đời, các ao hồ, sông ngòi nhỏ đều khô cạn tất cả không còn cái nào. Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường... *như trên đã nói...* nên cầu thoát khỏi.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, như trên đã nói, ngọn gió Ca-lê-ca thổi nước biển lớn, lại đưa cung điện mặt trời đặt trong quỹ đạo mặt trời. Đó gọi là mặt trời thứ ba của thế giới xuất hiện ở đời. Có bao nhiêu hồ lớn, ao lớn, rạch lớn, sông lớn và vô số sông..., tất cả các sông đều khô cạn không còn cái nào. Các hành cũng thế, tất cả đều vô thường. Cứ lần lượt như vậy, thế gian lại có mặt trời thứ tư xuất hiện. Bảy giờ tất cả hồ lớn, sông lớn như là hồ lớn Thiện hiện, hồ lớn Ana-bà-đạt-đa, hồ lớn Mạn-đà-kỳ-ni, hồ lớn Xà mãn... đều khô kiệt hết, không còn hồ nào. Các hành cũng vậy, tất cả đều vô thường... Cứ lần lượt như vậy, thế gian lại có mặt trời thứ năm xuất hiện. Vào lúc ấy, nước biển lớn dần dần khô cạn, lúc đầu vơi dần ngang tới mắt cá chân, cho đến giảm xuống ngang bằng đầu gối, cho đến nửa thân, cho đến một thân, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy thân, đến đó là khô cạn.

Chư Tỳ-kheo, lúc năm mặt trời xuất hiện, nước biển lớn dần dần vơi xuống bằng nửa cây Đa-la, cho đến một cây Đa-la, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy cây Đa-la, dần dần lại đến nửa câu-lô-xá, vơi dần khô cạn cho đến nửa do-tuần, một do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy do-tuần, dần dần vơi cạn cho đến một trăm do-tuần, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần, cứ dần dần vơi...

Chư Tỳ-kheo, lúc năm mặt trời xuất hiện, nước biển lớn lại dần dần vơi một ngàn do-tuần, hai ngàn do-tuần, cho đến ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần. Chư Tỳ-kheo, đang lúc thế gian xuất hiện năm mặt trời, nước biển lớn kia còn sót lại... *cho đến* bảy ngàn do-tuần, đến sáu ngàn do-tuần, như vậy cho đến bảy trăm do-tuần, sáu trăm do-tuần, năm, bốn, ba, hai, một trăm do-tuần. Nước còn đọng lại như vậy cho đến bảy do-tuần, hoặc sáu do-tuần, năm, bốn, ba, hai, một do-tuần; hoặc nước còn đọng lại giảm còn bảy câu-lô-xá, sáu câu-lô-xá, năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá. Chư Tỳ-kheo, khi năm mặt trời xuất hiện trong thế gian, nước biển lớn ấy sâu còn đọng lại bảy cây Đa-la, hoặc sáu cây Đa-la, năm, bốn, ba, hai, một cây Đa-la; hoặc nước còn lại sâu bằng bảy người, hoặc sáu người, năm, bốn, ba,

hai, một người, cho đến nửa người, hoặc còn từ gối xuống đến mắt cá. Lại khi năm mặt trời xuất hiện, ở trong biển lớn, hoặc có lúc phần nước còn lại ít ỏi, như mưa mùa thu đọng lại trong vết chân trâu, nước có rất ít. Như vậy, lúc năm mặt trời xuất hiện, nước trong biển lớn cũng ít như thế. Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lúc năm mặt trời xuất hiện, trong biển lớn ấy, ở tất cả các nơi, nước khô cạn hết không còn giọt nào, như người bơi mồi. Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành cũng lại như vậy, vô thường chẳng bền lâu, khoảnh khắc tạm thời... *cho đến* nên nhàm chán, nên xả ly, nên cầu giải thoát.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo... *như trước...* *cho đến* lúc sáu mặt trời xuất hiện ở thế gian, bốn đại châu kia và tám vạn bốn ngàn tiểu châu, tất cả núi lớn, cho đến núi chúa Tu-di đều bốc khói, khói bốc liên tục, như khi người thợ gốm nung đồ dùng, trên đồ dùng, ngọn lửa cùng lúc phụt lên, phụt lên liên tục, ngọn lửa ấy liền bùng lên, phủ kín khắp cả. Như thế, như thế, bốn đại châu kia và các núi lớn bốc khói mãnh liệt, cũng lại như thế... *cho đến...* chư hành vô thường... nên cầu giải thoát.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo... *như trước...* *cho đến* lúc bảy mặt trời xuất hiện, bốn đại châu ấy, và tám vạn bốn ngàn tiểu châu, tất cả núi lớn cho đến núi Tu-di đều cháy rụi, dưới đất, mạch nước cũng đều khô cạn. Nước đã hết, gió cũng tiêu. Khi ngọn lửa bùng cháy như thế, bảy trăm do-tuần phần trên đỉnh núi chúa Tu-di nhất thời ngã đổ. Lửa ấy càng mạnh, gió thổi lên thiêu đốt cung điện Phạm thiên, nhưng không thể lên đến trời Quang âm. Lúc ấy các Thiên tử ở cõi trời Quang âm sanh sau có mặt ở thế gian, vì chưa biết kiếp thế gian có sự chuyển hoại, chuyển hoại rồi thành và chuyển trụ, nên đều sanh tâm khiếp hãi, kinh ngạc, run sợ, cùng nói với nhau: “Không bao lâu ngọn lửa ấy sẽ thiêu đốt cung điện Quang âm này”. Khi ấy các Thiên tử nơi cõi trời Quang âm ở trước tại đó biết rõ sự hoại, thành, trụ của kiếp thế gian nên trấn an các Thiên tử hậu sanh: “Các vị chớ kinh sợ. Vì sao? Các vị nên biết, ngày xưa, có ngọn lửa cũng đến nơi đó”. Các Thiên chúng nghe lời ấy rồi, liền nhớ nghĩ về ánh sáng lửa khi xưa, nhớ nghĩ ánh sáng kia chẳng lìa tâm, cho nên mới được tên này, đó là Quang thiên. Lửa kia như thế bùng cháy rất lớn, đổ rục mãnh liệt, thiêu đốt thành tro không còn

lại gì, phải nên ghi nhớ. Chư Tỳ-kheo, các hành cũng thế... *cho đến...* nên cầu thoát khỏi.

Chư Tỳ-kheo, thế gian hoại rồi thành như thế nào? Chư Tỳ-kheo, bấy giờ, lại trải qua thời gian ngày tháng lâu xa vô lượng chẳng thể tính bàn, nổi lên mây dày to lớn đến nỗi che khắp cõi Phạm thiên. Sau khi che khắp, mưa lớn đổ xuống, hạt mưa rất to, hoặc như trục xe, hoặc như cái chày, trải qua nhiều năm, trăm ngàn vạn năm, khối nước mưa kia, dần dần dâng lên, đến chỗ ở của Phạm thiên, nước lênh láng khắp nơi. Nhưng khối nước ấy, có bốn luồng gió giữ lại, một gọi là trụ, hai gọi là an trụ, ba gọi là bất đọa, bốn gọi là kiên cố. Lúc ấy, sau khi mưa dứt, khối nước đó lại tự hạ xuống vô lượng trăm ngàn vạn ức do-tuần. Ngay khi ấy, bốn phương, nhất thời có gió lớn nổi dậy. Gió ấy tên là A-na-tỳ-la, thổi khối nước kia làm sóng nước nổi dậy cuộn cuộn chẳng dừng; trong nước tự nhiên sanh khối bọt lớn. Khi ấy, gió lớn A-na-tỳ-la thổi khối bọt kia ném lên không trung. Từ trên đó, tạo ra cung điện của các Phạm thiên, đẹp đẽ dễ ưa, do bảy báu xen lẫn tạo thành là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy mới có cung điện, tường vách đẹp đẽ như thế. Chư Thiên cõi Phạm thân xuất hiện ở thế gian.

Chư Tỳ-kheo, tạo như vậy rồi, khối nước lớn ấy, lại hạ xuống trăm ngàn vạn ức do-tuần... *như trên...* Bốn phương gió nổi dậy, tên là A-na-tỳ-la. Do gió lớn này thổi ném bọt nước tạo thành cung điện nên ở cõi trời Ma thân, tường vách, trụ xứ như trời Phạm thân không có gì khác, chỉ có màu sắc của vật báu thô tế xê xích, sai khác chút ít thôi. Cùng cách ấy, tạo ra cung điện của chư Thiên cõi Tha hóa tự tại, cung điện của chư Thiên trời Hóa lạc; kế đến tạo ra cung điện của chư Thiên cõi Đâu-suất-đà; kế đến tạo ra cung điện của chư Thiên trời Dạ-ma. Cứ như vậy, lần lượt xuất hiện đầy đủ, đều giống như cung điện của chư Thiên cõi Phạm thân, nhưng màu sắc nơi báu vật có khác là dần dần ít thô đi.

Chư Tỳ-kheo, khi ấy, khối nước kia lại dần dần giảm thiểu và hạ xuống vô lượng trăm ngàn vạn ức do-tuần, bỗng nhiên dừng lại. Ở trong khối nước, bốn phía chung quanh tự nhiên sanh bọt, nổi lên mặt nước, dày sáu mươi tám ức do-tuần, rộng lớn vô cùng. Thí như trong

suối, ao và hồ đầm, cùng khắp bốn phía đều có bọt nổi, che dày trên mặt nước, đứng yên tại chỗ. Như thế, như thế, này chư Tỳ-kheo, trong khối nước kia, cùng khắp bốn mặt, bọt nổi lên trên dày sáu mươi tám ức do-tuần, rộng lớn vô cùng, cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, luồng gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước kia, tức khắc tạo tác núi chúa Tu-di, kể đến tạo thành quách, nhiều màu khả ái, bốn báu tạo thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có núi chúa Tu-di xuất hiện rõ ràng. Chư Tỳ-kheo, lại vào thời ấy, gió lớn Tỳ-la thổi bọt nước kia lên đến núi chúa Tu-di, phân ra bốn phía, tạo bốn ngọn núi, mỗi ngọn cao bảy trăm do-tuần, nhiều màu đẹp đẽ, bảy báu hợp thành, đó là vàng, bạc... *cho đến* xa cừ, mã não. Do nhân duyên ấy, thế gian xuất hiện bốn ngọn núi lớn. Gió kia, lần lượt như vậy, thổi bọt nổi trên mặt nước tạo ra cung điện trời Ba mươi ba.

Lại nữa, ở khoảng lưng chừng phía Đông, Tây, Nam, Bắc núi chúa Tu-di, chỗ rộng bốn vạn hai ngàn do-tuần, tạo ra cung điện cho Tứ đại thiên vương; vách tường, bờ thành đều bằng bảy báu, đẹp đẽ thẳng tắp, nhiều màu dễ xem. Như vậy xong rồi, lúc ấy ngọn gió kia lại thổi bọt nước lên khoảng lưng chừng núi chúa Tu-di, bốn vạn hai ngàn do-tuần, tạo thành cung điện cho Nguyệt Thiên tử; tường thành cao lớn, bảy báu tạo thành, nhiều màu đẹp đẽ. Tạo như vậy rồi, lại thổi nước lớn tạo thành đầy đủ bảy cung điện lớn cho Nhật Thiên tử; thành quách, lầu gác đều do bảy báu tạo thành, vạn phần đẹp đẽ, nhiều màu dễ xem. Do nhân duyên ấy, thế gian mới có cung điện mặt trời ở trong hiện tại. Lại nữa, chư Tỳ-kheo, gió ấy thổi bọt nước kia lên trên núi chúa Tu-di tạo thành ba chỗ thành quách, bảy báu trang nghiêm, nhiều màu đẹp đẽ là các báu: vàng, bạc... *cho đến* xa cừ, mã não. Do nhân duyên đó, thành quách như vậy xuất hiện nơi thế gian.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt ở trên nước biển này cao một vạn do-tuần, tạo cung điện pha lê cho Dạ-xoa trên không; thành quách, lầu gác cũng bằng pha lê. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có tường vách, cung điện của Dạ-xoa ở trên không xuất hiện đầy đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, khi ấy, gió lớn A-na-tỳ-la lại thổi bọt

nước ở phía Đông, Tây, Nam, Bắc núi chúa Tu-di, mỗi phía cách núi một ngàn do-tuần. Dưới biển lớn, tạo thành bốn mặt thành của A-tu-la, bảy báu trang nghiêm, đẹp đẽ khả ái... *cho đến...* thế gian có thành A-tu-la bốn mặt ấy xuất hiện như vậy.

Lại nữa, gió lớn A-tỳ-na-la thổi bọt nước kia đặt để bên ngoài núi chúa Tu-di, ngay chỗ ấy, lại tạo thành núi lớn, tên là Khư-đề-la-ca. Núi ấy cao rộng, mỗi mặt bốn vạn hai ngàn do-tuần, đều do bảy báu tạo thành, trang nghiêm, đẹp đẽ dễ xem. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có núi Khư-đề-la-ca xuất hiện như thế.

Lại nữa, gió lớn A-tỳ-na-la thổi bọt nước kia, đặt ở bên ngoài núi Khư-đề-la-ca, ngay nơi ấy, tạo thành một núi tên là Y-sa-đà-la. Núi ấy cao rộng, mỗi mặt hai vạn một ngàn do-tuần, nhiều màu khả ái, bảy báu tạo thành... *cho đến* các báu như xa cừ, mã não... Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có núi Y-sa-đà-la xuất hiện như thế.

Lại nữa, gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước kia đặt để bên ngoài núi Y-sa-đà-la, cũng tạo thành một ngọn núi ở nơi ấy, tên là Do-càn-đà-la. Núi ấy cao rộng một vạn hai ngàn do-tuần, nhiều màu khả ái... *cho đến* do bảy báu xa cừ, mã não... tạo thành. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, thế gian mới có núi chúa Do-càn-đà-la xuất hiện. Lần lượt như vậy, tạo thành núi Thiện hiện, cao rộng bằng nhau, sáu ngàn do-tuần. Lại, kế đến tạo thành núi Mã phiến đầu, cao rộng bằng nhau ba ngàn do-tuần. Tiếp theo lại tạo thành núi Ni-dân-đà-la, cao rộng bằng nhau một ngàn hai trăm do-tuần. Kế đến lại tạo thành núi Chước-ca-la, cao rộng bằng nhau ba trăm do-tuần, nhiều màu khả ái, đều là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não... bảy thứ báu đẹp đẽ tạo thành, như trước đã nói đầy đủ về sự tạo tác núi Khư-đề-la-ca, không có gì khác. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, thế gian mới có các núi Chước-ca-la... xuất hiện như vậy.

Lại nữa, gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước kia phân tán ra rồi đặt để ở bốn phía bên ngoài núi Chước-ca-la, tạo thành bốn châu lớn và tám vạn châu nhỏ, cùng các núi lớn khác. Lần lượt như vậy, tạo tác xong xuôi. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, thế gian mới có bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ và các núi lớn lần lượt xuất hiện.

Lại nữa, gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước kia vượt ra ngoài bốn

châu lớn, tám vạn châu nhỏ, núi chúa Tu-di và tất cả các núi lớn khác; đặt để vòng quanh, gọi là núi Đại luân vi, cao rộng bằng nhau sáu trăm tám mươi vạn ức do-tuần, thật vững chắc, do kim cương tạo thành, khó thể phá hoại. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, núi Đại luân vi xuất hiện ở thế gian.

Lại nữa, gió lớn A-na-tỳ-la thổi làm xoáy mòn đại địa, dần dần sâu xuống, rồi ngay trong ấy, khối nước lớn bỗng nhiên dồn lại. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, ở trong thế gian lại có biển lớn xuất hiện.

Lại, do nhân duyên gì mà nước biển lớn này mặn chát không thể dùng vào việc ăn uống? Chư Tỳ-kheo nên biết, việc này có ba nhân duyên. Một là từ sau nạn hỏa tai, trải qua thời gian lâu xa vô cùng, nổi mây lớn dày đặc, che kín đứng yên cho đến trời Phạm. Sau đó mưa xuống, hạt mưa rất lớn... *như trước đã nói kỹ*... Nước của cơn mưa lớn ấy rửa tất cả cung điện của trời Phạm thiên. Kế đến lại rửa khắp cung điện của trời Ma, cung điện trời Tha hóa tự tại, cung điện trời Hóa lạc, cung điện trời Đâu-suất-đà, cung điện trời Dạ-ma, rửa đi rửa lại, rửa mãi như thế. Khi rửa, các cung điện ấy có bao nhiêu vị cay, mặn, đắng đều chảy xuống hết. Kế đến lại rửa khắp núi chúa Tu-di, và bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ, các núi lớn khác, núi Luân vi... Khi rửa như vậy, nước ngâm, thấm, chảy, rửa các vị mặn, cay, đắng trong đó, nhất thời đều chảy vào trong biển lớn.

Chư Tỳ-kheo, đó là nhân duyên thứ nhất khiến nước biển lớn mặn, không thể dùng trong ăn uống được.

Lại nữa, nước biển lớn ấy là chỗ ở của các đại thần, chúng sanh có thân to lớn. Đó là cá, ba ba, rồng, cá rái, giải, cá sấu, tôm, ếch nhái, cung-tỳ-la-đê, ma-da-đê, mị-li-da-đê, mị-đâu, la-đâu, la-kỳ-la... Trong số ấy, hoặc có loài thân một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần; có những chúng sanh thân to lớn như vậy ở trong đó. Các loại phân tiểu của chúng lưu xuất đều ở trong biển, do nhân duyên này, nước biển mặn, không thể dùng trong ăn uống.

Chư Tỳ-kheo, đó là nhân duyên thứ hai khiến nước biển mặn.

Lại nữa, nước biển lớn ấy, khi xưa chư tiên nhóm họp lại để

chú nguyện: “Nguyện cho mi thành vị mặn chẳng thể uống được! Nguyện cho mi thành vị mặn chẳng thể uống được!” Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ ba khiến nước biển lớn mặn chẳng thể ăn uống được.

Lại nữa, do có nhân duyên gì mà sức nóng khủng khiếp thiêu đốt thế gian? Chư Tỳ-kheo, ngay thời kỳ chuyển kiếp của kiếp sơ thế giới này, khi mới thành hình, gió lớn A-tỳ-na-la thổi dạt sáu cung điện lớn của mặt trời, đều đặt hết ở dưới nước của biển lớn. Đặt vào chỗ nào thì trong địa phận chỗ ấy, khối nước lớn kia tức tốc tiêu hết, chẳng chảy đâu được. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó trong thế gian mới có sức nóng kinh khiếp thiêu đốt xuất hiện. Như thế gọi là thế gian chuyển hoại rồi trụ.

Lại nữa, sao gọi là thế gian chuyển hoại thành trụ? Chư Tỳ-kheo, giống như hiện nay thế gian thành rồi trụ lập, nhưng có nạn lửa. Vì sao lại có nạn nước xuất hiện? Chư Tỳ-kheo, thời kỳ kiếp thủy tai, tất cả dân chúng có hạnh như pháp, nói lời như pháp, thành tựu chánh kiến, không có điên đảo, giữ mười hạnh lành. Những người này sẽ đạt được tầng thiên thứ ba Vô hỷ mà chẳng nhọc công sức, không có mệt mỏi, tự nhiên chứng đắc. Khi ấy chúng sanh đó được trụ trong con đường phạm hạnh của chư tiên, chư Thiên trên hư không; được trụ trong ấy rồi, đắc an lạc do lìa hỷ, liền tự khen: “Này chư Nhân giả, vui sướng quá! Vui sướng quá! Tầng thiên thứ ba này vui sướng như thế!”

Bấy giờ tất cả chúng sanh nơi ấy cùng hỏi những chúng sanh đắc thiên ấy. Họ liền đáp: “Lành thay Nhân giả! Đây là tầng thiên thứ ba Vô hỷ, nên biết như thế!” Các chúng sanh kia đã nghe và biết được rồi, lại thành tựu tầng thiên thứ ba Vô hỷ như vậy. Đã thành tựu rồi chứng đắc, chứng đắc rồi tư duy, tư duy rồi an trú, khi thân hoại mạng chung sanh lên cõi trời Biến tịnh. Như thế, dưới từ cõi Địa ngục, cõi Diêm-ma-la, cõi A-tu-la, trời Tứ thiên vương, cho đến trên chư Thiên Phạm thế, Quang âm, từ đây trở xuống, tất cả chúng sanh, tất cả xứ, tất cả hữu đều dứt hết. Chư Tỳ-kheo, như vậy gọi là thế gian chuyển biến.

Lại nữa, thế nào là thế gian chuyển rồi lại hoại? Chư Tỳ-kheo, trải qua thời gian Tam-ma-da lâu xa vô lượng, mây lớn che khắp,

đến nổi đầy cả cõi trời Quang âm. Từ đây trở xuống, mưa nước tro nóng trải vô lượng năm. Chư Tỳ-kheo, khi nước tro nóng kia mưa xuống, làm tiêu cung điện của trời Quang âm, tất cả đều tiêu diệt hết, không còn hình bóng, mảy may vi trần, có thể nhận biết được. Thí như váng sữa bỏ vào lửa cháy tiêu hết, hoàn toàn không còn dấu vết có thể nghiệm biết được. Như thế, như thế, nước tro nóng kia, khi mưa xuống làm tiêu cung điện của chư Thiên trời Quang âm... cũng lại như vậy, không còn dấu vết gì để có thể biết. Chư Tỳ-kheo, các hành là vô thường, phá hoại ly tán, lưu chuyển tiêu diệt, khoảnh khắc chẳng ngừng cũng y như thế, đáng chán, đáng sợ, nên cầu thoát khỏi.

Chư Tỳ-kheo, các cung điện của chư Thiên, các cõi trời Phạm thân, Ma thân, Hóa lạc, Tha hóa tự tại, Đâu-suất, Dạ-ma... bị mưa tro nóng xối rửa tiêu diệt... *như trên...* giống như váng sữa ném vào lửa nóng tiêu tan hết không còn dấu vết... *cho đến...* tất cả các hành đều vô thường... nên cầu thoát khỏi.

Chư Tỳ-kheo, khi nước tro nóng kia mưa xuống, xối bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ và núi lớn khác, núi chúa Tu-di làm tiêu tan hết không còn vết tích gì có thể biết được... *như trước đã nói rõ...* phải nên nhàm chán. Sự biến đổi như vậy, chỉ riêng người thấy mới có thể tin thôi. Đó gọi là thế gian chuyển rồi để hoại.

Lại nữa, thế nào là chuyển hoại rồi thành? Chư Tỳ-kheo, bấy giờ nổi mây mưa lớn trải qua nhiều năm, nổi gió thổi bọt nước tạo thiên cung ở trên... *cho đến...* như sự việc về nạn lửa, đó là nạn nước.

Lại nữa, vì sao có nạn gió? Chư Tỳ-kheo, khi sắp có nạn gió, tất cả chúng sanh tu hành như pháp, thành tựu chánh niệm, sanh vào tầng thiên thứ tư, cảnh trời Quảng quả. Chúng sanh nơi địa ngục, bỏ thân địa ngục, sanh lại nhân gian, tu hạnh thanh tịnh, thành tựu Tứ thiên cũng y như thế. Các cõi Súc sanh, cõi Diêm-ma-la, cõi A-tu-la, trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Ma thân, chư Thiên Phạm thế, Quang âm, Biến tịnh... đều tu hành thành tựu Tứ thiên... *như trên...* Chư Tỳ-kheo, đó gọi là thế chuyển.

Vì sao chuyển hoại? Chư Tỳ-kheo, trải qua thời gian Tam-ma-

da lâu xa vô lượng, có gió lớn nổi dậy; gió ấy tên là Tăng-già-đa. Chư Tỳ-kheo, gió ấy, trước hết thổi tất cả cung điện của chư Thiên trời Biến tịnh khiến va chạm nhau cho đến hoại diệt, không còn dấu vết có thể nhận biết. Thí như tráng sĩ lấy hai dụng cụ bằng đồng, hai tay nắm lấy chà sát vào nhau không thôi, hủy hoại tiêu diệt, không còn hình dáng vết tích nào có thể biết được. Gió hòa hiệp kia thổi làm tiêu mất cung điện trời Biến tịnh cũng y như vậy. Chư Tỳ-kheo, các hành vô thường, phá hoại, ly tán, khoảnh khắc chẳng lâu... *cho đến...* đáng chán, nên cầu thoát khỏi.

Lần lượt như thế, thổi cung điện của trời Quang âm, cung điện của chư Thiên trời Phạm thân, tất cả cung điện của trời Ma thân, trời Tha hóa tự tại, trời Hóa lạc, trời Dạ-ma, làm đụng nhau, va nhau, cọ nhau, khiến đều tan nát, không còn hình tướng, không còn bóng dáng, không mảy may để có thể nhận biết. Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành cũng y như thế, mục nát chẳng bền, không chân thật, cần phải nhàm chán, xả ly, sớm cầu giải thoát.

Chư Tỳ-kheo, gió kia lại thổi bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ, núi chúa Tu-di và các núi lớn khác, làm cho nhấc cao lên một câu-lô-xá, rồi phân tán hủy hoại, hoặc hai, hoặc ba, bốn, năm, sáu, bảy câu-lô-xá rồi phân tán hủy hoại. Hoặc thổi nâng cao lên một do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu bảy trăm do-tuần, rồi làm phân tán hủy hoại; hoặc thổi nâng cao lên ngàn do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần, hoặc thổi nâng cao lên trăm ngàn do-tuần, rồi làm phân tán hủy hoại. Gió kia như thế, thổi tan hoại tất cả, đều làm cho không còn hình, không còn tướng, không còn vi trần tàn tích nào có thể nhìn thấy. Thí như người đàn ông khỏe mạnh cầm cục bột bóp vụn tan nát, rải khắp lên trên không, gió thổi bay hết không còn hình, không còn ảnh. Như thế, như thế, gió kia thổi phá các cây, các núi... cũng y như vậy, chỉ trừ người thấy mới có thể tin. Đây gọi là thế gian chuyển trụ rồi hoại.

Lại nữa, thế gian hoại rồi chuyển thành như thế nào? Chư Tỳ-kheo, như thế rồi lại trải qua thời gian Tam-ma-da lâu xa vô lượng năm, mây đen lớn nổi lên, che khắp thế giới cho đến trời Biến tịnh; đã che khắp rồi, lại đổ mưa lớn, giọt mưa rất to, hoặc như trục xe, hoặc như cái chày liên tục đổ xuống, trải qua nhiều năm, trăm ngàn

vạn năm, lượng nước chứa cao đến trời Biến tịnh, tất cả đều tràn ngập, được bốn thứ gió giữ lại... *như đã nói ở trên... cho đến thổi bọt nước tạo thành cung trời Biến tịnh, bảy báu nhiều màu hiện ra rõ ràng, tất cả đều như nạn lửa, nạn nước, trình bày theo thứ tự. Chư Tỳ-kheo, như thế gọi là thế gian hoại rồi chuyển thành.*

Thế gian chuyển thành rồi trụ như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, giống như hiện nay thế gian, trời, người chuyển thành rồi trụ. Chư Tỳ-kheo, cũng lần lượt đều do gió thổi như vậy, đó gọi là ba nạn của thế gian.

**
*

Phẩm 12: TỐI THẮNG 1

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, thế gian chuyển rồi, khi hình thành như vậy, các loài chúng sanh phần nhiều được sanh lên cõi trời Quang âm. Các chúng sanh ấy, khi sanh lên cõi trời kia, thân tâm thư thái, lấy sự vui mừng làm thức ăn, tự nhiên phát ánh sáng. Lại có thần thông đi trên hư không, được sắc đẹp thù thắng, tuổi thọ lâu dài, sống đời an lạc. Chư Tỳ-kheo, thế gian bấy giờ chuyển hoại rồi thành, rỗng không, không có vật gì. Trong cung của chư Phạm chưa có chúng sanh. Trên trời Quang âm, kẻ phước nghiệp hết lại sanh xuống trong cung điện Phạm, chẳng từ thai sanh, bỗng nhiên hóa hiện. Ban đầu, trời Phạm này, gọi là Sa-ha-ba-đế. Sa-ha là tên thế giới; Ba-đế là chủ, vì vậy cho nên có tên này xuất hiện.

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ, lại có các chúng sanh khác phước thọ hết rồi, từ trời Quang âm, bỏ thân mạng xong cũng sanh xuống đây, thân hình đẹp đẽ, lấy niềm vui mừng làm thức ăn uống, tự nhiên phát ra ánh sáng, có sức thần thông bay trên hư không, thân sắc tươi đẹp, liền ở trong khoảng ấy, an trụ lâu dài. Các chúng sanh ấy, trong thời gian sinh sống, không có nam nữ, không có tốt xấu, chỉ có tên này: chúng sanh, chúng sanh mà thôi.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ngay trong thời kỳ Tam-ma-da như thế, trên mặt đất này, sanh ra lớp mỡ đất, ngưng tụ khắp nơi. Thí như có người nấu chín nước sữa, trên sữa có màng mỏng đóng lại, giống như màng nước, kết trên mặt nước cũng như thế. Chư Tỳ-kheo, lại thời gian sau, trên mặt đất này đã sanh ra lớp mỡ đất, đứng yên tại chỗ, dần dần như kem, thành ra sanh tô, có các hình dáng màu sắc như vậy, mùi vị thơm ngon giống như mật thượng hạng. Lúc ấy chúng sanh ở trong đó, bỗng nhiên có kẻ tánh tham ăn, thích nghĩ thế này: “Nay ta cũng có thể dùng tay lấy thứ này nếm thử để biết được đây là vật gì”. Chúng sanh kia nghĩ như vậy rồi liền dùng ngón tay chọt sâu xuống một lóng, chấm lấy vị đất mút để thưởng thức. Thưởng thức rồi thích ý, chấm mút, chấm mút như vậy cho đến ba lần, liền sanh tham đắm. Kế đến dùng tay bốc, dần dần dùng tay hốt, sau lại hốt nhiều, tự do mà ăn. Khi đó vị chúng sanh ấy tự do hốt ăn như vậy.

Có vô số chúng sanh khác trông thấy cũng liền bắt chước, tranh nhau mà ăn. Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy lấy vị đất này ăn mãi không thôi, thân hình họ tự nhiên xấu đi, da dẻ thô dày, nhan sắc phai mờ nhợt nhúa, hình mạo đổi khác, không còn ánh sáng, cũng không còn có thể bay lên hư không, vì lớp mỡ đất nên thân thông biến mất. Chư Tỳ-kheo, như trước đã nói, sau cũng như thế. Lúc đó thế gian trở thành tối tăm. Chư Tỳ-kheo, vì vậy nên thế gian mới có sự tối tăm lớn xuất hiện.

Lại nữa, tại sao ngay lúc ấy thế gian lại xuất hiện mặt trời, mặt trăng và các tinh tú, lại có tên gọi ngày đêm, một tháng, nửa tháng, năm, thời tiết... xuất hiện? Chư Tỳ-kheo, bấy giờ, cung điện mặt trời to lớn đẹp đẽ từ phương Đông xuất hiện, vận hành vòng quanh lưng chừng núi Tu-di rồi lặn ở phía Tây. Lặn ở phía Tây rồi, trở lại xuất hiện ở phương Đông. Khi ấy chúng sanh lại thấy mặt trời to lớn đẹp đẽ từ phương Đông xuất hiện, bảo với nhau: “Chư Nhân giả, lại là mặt trời chiếu sáng cung điện, sẽ từ phương Đông xuất hiện trở lại, vòng sang phía phải núi Tu-di và sẽ lặn mất ở phương Tây”. Thấy ba lần rồi, họ vẫn bảo nhau: Chư Nhân giả, đó là ánh sáng lưu hành của trời kia, đây là ánh sáng của trời kia lưu hành”. Vì vậy, họ gọi mặt trời là Tu-lê-da (Tu-lê-da theo đời Tùy ý chỉ cái này là cái kia) cho nên có tên gọi như thế xuất hiện.



KINH KHỞI THẾ

QUYỂN X

Phẩm 12: TỐI THẮNG 2

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các vị nên biết! Cung điện mặt trời cao rộng bằng nhau năm mươi một do-tuần, trên dưới cũng vậy, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, hàng cây Đa-la cũng có bảy lớp bao bọc chung quanh, nhiều màu xen kẽ, dùng để trang nghiêm. Các bờ tường kia đều do vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não tạo thành. Ở bốn phía đều có các cửa. Ở mỗi cửa đều có lầu gác canh phòng, đài quan sát và các rừng cây, ao, vườn. Ở trong ấy có đủ các loại cây, cây ấy có các loại lá, các loại hoa, các loại quả, các loại mùi thơm theo gió xông khắp. Lại có các loài chim cùng nhau ca hát.

Chư Tỳ-kheo, mặt trời kia dùng hai loại vật dụng tạo thành cung điện, vuông vắn như ngôi nhà, từ xa trông giống như tròn. Chư Tỳ-kheo, những gì là hai? Đó là vàng và pha lê. Cung điện mặt trời ấy do nhiều vàng trời và pha lê trời, hợp lại mà thành; một mặt hai phần đều là vàng trời trong sạch không dơ, lia các cấu bẩn, sạch sẽ chói sáng; một mặt một phần là do pha lê trời tạo thành, sạch sẽ chói sáng, càng chà càng sáng, không có cấu ố.

Chư Tỳ-kheo, lại nữa, cung điện mặt trời đẹp đẽ to lớn kia, có năm loại gió thổi chuyển đi: một là Trì, hai là Trụ, ba Tùy thuận chuyển, bốn là Ba-la-ha-ca, năm là Tương hành.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở trước cung điện mặt trời kia, đặc biệt có vô lượng vị trời đi trước; vô lượng trăm vị trời, vô lượng ngàn vị trời, vô lượng trăm ngàn vị trời đi trước. Khi đi, ai nấy đều luôn

được an lạc, đều gọi là lao hành. Danh xưng chư Thiên Lao hành phát xuất từ đó.

Chư Tỳ-kheo, trong cung điện mặt trời, dùng vàng Diêm-phù-đàn làm xe, kiệu đẹp, cao mười sáu do-tuần, vuông tám do-tuần, trang nghiêm đẹp đẽ. Thiên tử mặt trời và quyến thuộc ở trong xe ấy, cùng nhau thọ hưởng thú vui năm dục của trời một cách đầy đủ, vui vẻ. Chư Tỳ-kheo, Thiên tử mặt trời thọ năm trăm tuổi, con cháu truyền nhau, đều cai trị ở đó. Cung điện tồn tại mãi một kiếp.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong các bộ phận nơi thân thể của Thiên tử mặt trời, ánh sáng phát ra, chiếu sáng xe Diêm-phù-đàn; ánh sáng xe Diêm-phù-đàn lại chiếu sáng cung điện kia. Từ trong đại cung điện mặt trời kia, ánh sáng liên tục phát ra chiếu sáng khắp cả bốn châu và các thế giới.

Chư Tỳ-kheo, xe và cung điện của Thiên tử mặt trời đều có đầy đủ một ngàn ánh sáng; năm trăm ánh sáng theo bên chiếu sáng, năm trăm ánh sáng hướng xuống chiếu sáng.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà chỗ ở của Thiên tử mặt trời, cung điện to lớn đẹp đẽ, chiếu sáng bốn đại châu và các thế giới?

Chư Tỳ-kheo, có một hạng người hay làm việc bố thí. Khi người ấy bố thí thì bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn và người bản cùng cô độc, từ xa đến xin, và bố thí các thức ăn uống, xe cộ, áo quần, tràng hoa, chuỗi Anh lạc, hương xoa, giường, nệm, phòng xá, đèn dầu, nói chung là vật cần thiết dưỡng thân nuôi mạng. Khi bố thí, bố thí nhanh chóng, bố thí chẳng dua nịnh; hoặc lại cúng dường cho chư Tiên trì giới, người hành thiện đầy đủ công đức, phụng sự đủ các thứ cần dùng. Do nhân duyên ấy, thân tâm vị ấy thọ vô lượng an lạc. Thí như ở chốn rừng núi hoang vu vắng vẻ, nơi sa mạc bát ngát xa xôi, bỗng nhiên có một ao nước, nước ao mát mẻ, trong sạch, ngọt ngon. Có đoàn lũ hành, đi xa mệt mỏi, nóng bức đói khát, chẳng được ăn uống, trải qua nhiều ngày, đến chỗ ao ấy, uống rồi tắm rửa không còn đói khát, nóng bức, ra khỏi ao, thân ý vui vẻ, sung sướng vô cùng, lấy làm hoan hỷ. Như thế, như thế, người kia bố thí, do tâm thanh tịnh nên khi thân hoại mạng chung, sanh làm Thiên tử ở trong cung điện mặt trời. Sanh trong ấy rồi, vị ấy được quả báo về cung điện, phi hành nhanh chóng vừa ý như thế. Do nhân duyên đó, cung điện mặt trời chiếu

sáng bốn châu và các thế giới khác.

Chư Tỳ-kheo, lại có hạng người, chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu, chẳng phóng dật, cúng dường chư Tiên hiền có đầy đủ công đức trì giới, gần gũi người chỉ thuần làm pháp lành... *như trên*, khi thân hoại mạng chung, theo nguyện vãng sanh lên cung điện mặt trời. Ở nơi ấy vị ấy liền hưởng thọ quả báo nhanh chóng. Vì vậy gọi là các nẻo nghiệp thiện. Do nhân duyên ấy, cung điện mặt trời đó chiếu sáng bốn châu và các thế giới khác.

Lại có một hạng người tu chẳng sát sanh cho đến tu chánh kiến, cũng từng cúng dường các vị tiên đầy đủ công đức trì giới, cũng từng gần gũi người chỉ thuần làm thiện. Vì gặp nhân duyên thanh tịnh ấy, nên liền được quả báo sanh lên cung điện mặt trời, thọ quả báo nhanh chóng. Do nhân duyên ấy, cung điện mặt trời chiếu sáng bốn đại châu và các thế giới khác... *như trên*...

Chư Tỳ-kheo, sáu mươi sát-na gọi là một la-bà, ba mươi la-bà gọi là mâu-hư-đa. Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời vận hành không ngừng nghỉ dù cho trong khoảng một mâu-hư-đa, một la-bà hay một sát-na. Sáu tháng đi về hướng Bắc, trong một ngày chuyển dần về hướng Bắc sáu câu-lô-xá, chưa từng rời khỏi quỹ đạo mặt trời. Sáu tháng đi về phương Nam, cũng trong một ngày, chuyển dần về hướng Nam sáu câu-lô-xá, chẳng lệch khỏi quỹ đạo mặt trời.

Chư Tỳ-kheo, trong thời gian sáu tháng, thì vào ngày thứ mười lăm, cung điện mặt trăng cũng di chuyển như vậy.

Lại nữa, do nhân duyên gì, thường vào mùa hạ phát sanh nóng bức?

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời, trong khoảng thời gian sáu tháng đi về hướng Bắc, một ngày thường đi sáu câu-lô-xá, chưa từng rời khỏi quỹ đạo mặt trời. Nhưng trong thời gian ấy, có mười nhân duyên nên phát sanh nóng bức. Những gì là mười?

Chư Tỳ-kheo, ngoài núi Tu-di lại có một núi tên là Khư-đề-la-ca cao rộng bằng nhau bốn vạn hai ngàn do-tuần, nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu tạo thành. Trong thời gian ấy, ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu đến núi kia, làm cho núi phát nóng, nên ở thời điểm ấy có sự nóng bức. Đây là nhân duyên thứ nhất gây nóng bức.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ngoài núi Khư-đề-la-ca, lại có một ngọn núi tên là Y-sa-đà-la, cao rộng bằng nhau hai vạn một ngàn do-tuần. Trong thời gian ấy cung điện mặt trời chiếu sáng đến núi kia làm cho núi ấy phát nóng. Đây nhân duyên thứ hai gây ra sự nóng bức.

Lại có núi Do-càn-đà cao rộng bằng nhau, một vạn hai ngàn do-tuần... Đó là nhân duyên thứ ba.

Lại có núi Thiện hiện, cao rộng bằng nhau sáu ngàn do-tuần... Đó là nhân duyên thứ tư.

Lại có núi Mã phiến đầu, cao rộng bằng nhau ba ngàn do-tuần... Đó là nhân duyên thứ năm.

Lại có núi Ni-dân-đà-la, cao rộng bằng nhau một ngàn hai trăm do-tuần... Đó là nhân duyên thứ sáu.

Lại có núi Tỳ-na-da-ca cao rộng bằng nhau sáu trăm do-tuần... Đó là nhân duyên thứ bảy.

Lại có núi Luân vi cao rộng bằng nhau ba trăm do-tuần... Đó là nhân duyên thứ tám.

Lại từ đại địa này trở lên cao một vạn do-tuần, ở trong hư không, có trú xứ là cung điện của các Dạ-xoa do pha lê tạo thành... Đó là nhân duyên thứ chín.

Lại có bốn đại châu, tám vạn tiểu châu, trong các châu ấy, có các núi lớn khác ngoài núi chúa Tu-di... Đó là nhân duyên thứ mười. Tất cả đều như đã nói về núi Khư-đề-la-ca.

Đó là mười nhân duyên sanh nóng bức trong sáu tháng cung điện mặt trời đi trong quỹ đạo về hướng Bắc.

Lại nữa, do nhân duyên gì ở trong đó có sự lạnh lẽo?

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời, sáu tháng về sau, dần dần đi về hướng Nam. Bấy giờ lại có mười hai nhân duyên phát sanh lạnh lẽo. Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai núi là núi Tu-di và núi Khư-đề-la-ca, có biển Tu-di-lưu rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, bao la bát ngát. Trong ấy có nhiều hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-đồ-lê-ca... mọc khắp mọi nơi, hương thơm ngào ngạt. Ánh sáng của cung điện mặt trời ngang qua nơi ấy, chiếu xuống biển kia. Đây là nhân duyên thứ nhất có sự lạnh lẽo. Cứ lần lượt như vậy, núi Y-sa-đà-la là nhân duyên thứ hai, núi Do-càn-đà là nhân duyên thứ ba, núi Thiện hiện là nhân duyên thứ tư, núi Mã phiến đầu là

nhân duyên thứ năm, núi Ni-dân-đà-la là nhân duyên thứ sáu, núi Tỳ-na-da-ca là nhân duyên thứ bảy, núi Đại luân vi là nhân duyên thứ tám... Trong các biển ấy có các loài hoa đầy đủ thứ lớp như trong núi Khư-đề-la-ca đã nói.

Lại nữa, trong châu Diêm-phù ở chỗ có các dòng sông chảy, ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu đến, nên có sự lạnh lẽo... *lược nói cho đến*... Đây là nhân duyên thứ chín gây ra sự lạnh lẽo.

Lại nữa, như các dòng sông chảy của châu Diêm-phù, ở châu Cù-đà-ni, các dòng sông chảy nhiều gấp bội; ở đây ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu đến, sự lạnh lẽo càng tăng. Đây là nhân duyên thứ mười gây ra sự lạnh lẽo.

Lại nữa, như các dòng sông chảy của châu Cù-đà-ni, ở châu Phất-bà-đề, các dòng sông chảy nhiều hơn nơi đây gấp bội. Đó là nhân duyên thứ mười một gây ra sự lạnh lẽo.

Lại nữa, như các dòng sông chảy của châu Phất-bà-đề, ở châu Uất-đơn-việt, các dòng sông chảy hơn nơi đây gấp bội. Ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu đến nên sanh lạnh lẽo. Đây là nhân duyên thứ mười hai gây ra lạnh lẽo.

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời, trong khoảng thời gian sáu tháng đi về hướng Nam, mỗi ngày đi được sáu câu-lô-xá, không ngược quỹ đạo. Có mười hai nhân duyên như vậy nên có sự lạnh lẽo.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì về thời kỳ mùa đông đêm dài ngày ngắn? Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời, qua sáu tháng rồi, dần dần đi về hướng Nam, cứ mỗi ngày di chuyển sáu câu-lô-xá, không có sai lệch. Ngay lúc ấy, cung điện mặt trời ở tại mé cực Nam của châu Diêm-phù, địa hình nhỏ hẹp, nên mặt trời qua nhanh. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này vào mùa đông ngày ngắn, đêm dài.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì về mùa xuân, hạ, ngày dài đêm ngắn? Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời, qua sáu tháng rồi dần dần đi về hướng Bắc, cứ trong mỗi ngày di chuyển sáu câu-lô-xá, không có sai lệch ngoài quỹ đạo cố định. Ngay lúc ấy, đang đi ở trong xứ châu Diêm-phù, đất rộng, đi lâu nên ngày dài. Chư Tỳ-kheo, vì nhân duyên này nên mùa xuân, hạ ngày dài đêm ngắn.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, nếu ở châu Diêm-phù, khi mặt trời giữa trưa, thì ở châu Phất-bà-đề mặt trời vừa lặn, ở châu Cù-đà-ni mặt trời

mới mọc, ở châu Uất-đơn-việt chính là lúc nửa đêm. Nếu ở châu Cù-đà-ni khi mặt trời giữa trưa, thì ở châu Diêm-phù này mặt trời vừa lặn, ở châu Uất-đơn-việt mặt trời mới mọc, ở châu Phất-bà-đề nhằm lúc nửa đêm. Nếu ở châu Uất-đơn-việt mặt trời giữa trưa thì ở châu Cù-đà-ni mặt trời vừa lặn, ở châu Phất-bà-đề mặt trời mới mọc, ở châu Diêm-phù nhằm lúc nửa đêm. Nếu ở châu Phất-bà-đề mặt trời giữa trưa thì ở châu Uất-đơn-việt mặt trời vừa lặn, ở châu Diêm-phù mặt trời mới mọc, ở châu Cù-đà-ni nhằm lúc nửa đêm.

Chư Tỳ-kheo, nếu người châu Diêm-phù gọi là phương Tây thì người Cù-đà-ni cho là phương Đông; người Cù-đà-ni gọi là phương Tây thì người cõi Uất-đơn-việt cho là phương Đông; người cõi Uất-đơn-việt gọi là phương Tây thì người cõi Phất-bà-đề cho là phương Đông; người cõi Phất-bà-đề gọi là phương Tây thì người châu Diêm-phù cho là phương Đông. Hai phương Nam, Bắc cũng lại như vậy.

Khi ấy Đức Thế Tôn tự thuyết kệ:

*Chuyển biến trụ và hoại
Trời hiện và mỏng che
Mười hai loại gió thổi
Chư Thiên đi phía trước
Lầu gác và gió thổi
Thân thể ánh sáng chiếu
Nghệp bố thí, trì giới
Qua sát-na, la-bà
Nóng thì có mười duyên
Lạnh có mười hai thứ
Ngày đêm và giữa trưa
Đông, Tây nói bốn hướng.*

Chư Tỳ-kheo, cung điện của Thiên tử mặt trăng cao rộng bằng nhau bốn mươi chín do-tuần, bốn bên bao bọc gồm bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông. Lại có bảy lớp hàng cây Đa-la bao quanh nhiều màu để xem. Các bờ tường ấy đều do vàng, bạc... cho đến mã não, bảy báu tạo thành. Các cửa ở bốn mặt đều có lầu gác, trang trí đủ thứ... cho đến các loài chim cùng nhau ca hát, như đã nói về cung điện mặt trời ở trước.

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng thuần bằng bạc cõi trời, lưu ly xanh cõi trời xen kẽ lẫn nhau; hai phần bạc cõi trời, trong sạch không dơ, không có cặn bẩn, thể nó trong sáng, ánh sáng chói lòa, còn phần kia là lưu ly xanh cõi trời, cũng rất trong sạch, trong ngoài trong suốt, ánh sáng chiếu xa.

Chư Tỳ-kheo, Thiên tử mặt trăng kia, cung điện rất đẹp đẽ, được năm loại gió hộ tống đưa đi: Một là Trì, hai là Trụ, ba là Thuận, bốn là Nhiếp, năm là Hành. Do năm loại gió này hộ tống nên cung điện mặt trăng theo hư không mà đi.

Chư Tỳ-kheo, trước cung điện mặt trăng cũng có vô lượng cung điện của chư Thiên dẫn đường đi trước; vô lượng trăm ngàn vạn số Thiên tử... cũng đi ở trước. Khi đi ở trước họ luôn luôn thọ hưởng vô lượng các thứ diệu lạc. Các Thiên tử ấy đều có tên gọi.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đại cung điện mặt trăng ấy, có một cỗ xe lớn, tạo thành bằng lưu ly xanh. Xe ấy cao sáu do-tuần, rộng tám do-tuần. Thiên tử mặt trăng cùng với các Thiên nữ ở trong xe này dùng đủ các thứ vui của năm dục, cùng nhau thọ hưởng, vui vẻ thỏa thích, tùy ý mà đi.

Chư Tỳ-kheo, Thiên tử mặt trăng kia theo năm tháng trời thọ năm trăm tuổi, con cháu truyền nhau, ngự trị nơi ấy. Những cung điện ấy trụ một kiếp.

Chư Tỳ-kheo, trong các bộ phận nơi thân thể của Thiên tử mặt trăng phát ra ánh sáng chiếu khắp cỗ xe lưu ly xanh kia. Ánh sáng của xe ấy lại chiếu sáng cung điện mặt trăng. Ánh sáng của cung điện mặt trăng chiếu sáng bốn đại châu.

Chư Tỳ-kheo, Thiên tử mặt trăng kia có năm trăm luồng ánh sáng chiếu xuống phía dưới, năm trăm luồng ánh sáng chiếu chung quanh. Vì vậy mặt trăng gọi là ngàn ánh sáng, cũng gọi là ánh sáng mát lạnh.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì cung điện mặt trăng chiếu sáng bốn đại châu? Vì trong quá khứ bố thí cho Sa-môn và Bà-la-môn, người bần cùng cô độc từ xa đến xin ăn; đều bố thí đồ ăn, thức uống, xe cộ, y phục, tràng hoa, các thứ hương thơm, giường, phòng, các vật dụng nuôi sống... Khi bố thí, kịp thời, nhanh chóng, không có tâm đối trá quanh co; hoặc lại cúng dường chư Thiên đầy đủ công đức trì giới,

chánh trực, thuần thiện. do nhân duyên đó nên thọ vô lượng các thứ thân tâm an lạc. Thí như trong chốn núi đầm vắng vẻ, sa mạc hoang vu, có một ao nước, mát mẻ đẹp đẽ, không có cáu bẩn. Khi ấy có người, đường xa mỗi mệt, đói khát nóng bức, vào trong ao này tắm rửa, uống nước, trừ tất cả khổ, thọ vô lượng lạc. Như thế, như thế, do nhân duyên trên, sanh trong cung điện mặt trăng thọ quả báo an lạc, cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, hoặc lại có người dứt bỏ sát sanh cho đến dứt bỏ uống rượu và các hạnh phóng dật, cúng dường, phụng sự chư Tiên có đức thì được sanh vào trong cung điện mặt trăng, chiếu sáng bốn châu; hoặc lại có người vì dứt trừ sát sanh cho đến có chánh kiến nên được cung điện đi trên hư không nhanh chóng. Đây gọi là các đạo nghiệp thiện.

Lại do nhân duyên gì cung điện mặt trăng dần dần hiện ra?

Chư Tỳ-kheo, việc này có ba nhân duyên: Một là di chuyển, xuất hiện trái nhau. Hai là thân chư Thiên màu xanh, hình mang Anh lạc, tất cả đều xanh, thường trong nửa tháng, che khuất cung ấy, vì che khuất nên khi ấy hình mặt trăng dần dần hiện ra. Ba là từ cung điện mặt trời có sáu mươi luồng ánh sáng cùng loạt phát ra che vầng trăng kia, do nhân duyên ấy mặt trăng dần dần hiện ra.

Do nhân duyên gì cung điện mặt trăng ấy hiện ra tròn đầy như thế?

Chư Tỳ-kheo, cũng do ba nhân duyên nên có như vậy: Một là lúc bấy giờ cung điện mặt trăng chuyển xuất đối mặt nhau, do đó nên hiện ra tròn đầy. Lại nữa, chư Thiên màu xanh, y phục bằng Anh lạc, tất cả đều xanh, thường trong nửa tháng che khuất cung điện mặt trăng. Nhưng cung điện mặt trăng này, vào ngày trai nhật, ngày thứ mười lăm, hình rất tròn đầy, ánh sáng vàng vạc. Thí như thấp đuốc lớn nhiều dầu lên, thì ánh sáng các ngọn đèn nhỏ đều bị lu mờ. Như vậy, cung điện mặt trăng, vào ngày thứ mười lăm có thể che khuất các thứ ánh sáng, cũng lại như vậy.

Sáu mươi luồng ánh sáng của cung điện mặt trời cùng lúc phát ra che vầng trăng. Cung điện mặt trăng này vào ngày trai nhật, ngày thứ mười lăm tròn đầy, ở tất cả chỗ đều không bị che khuất, khi ấy ánh sáng mặt trời chẳng thể che khuất được.

Do nhân duyên gì cung điện mặt trăng vào ngày thứ mười lăm của phần hắc nguyệt cung điện mặt trăng hoàn toàn không hiện?

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng ấy vào ngày thứ mười lăm của phần hắc nguyệt quá gần với cung điện mặt trời, do ánh sáng mặt trời kia che khuất nên hoàn toàn không hiện.

Có nhân duyên gì cung điện của mặt trăng gọi là mặt trăng?

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng đó, ở phần trắng tối, một ngày qua đi cho đến hết tháng, ánh sáng vàng vạc dần dần giảm đi. Do nhân duyên này gọi là mặt trăng.

Do nhân duyên gì trong cung điện của mặt trăng có các ảnh lần lần hiện ra?

Chư Tỳ-kheo, trong đại châu này có cây Diêm-phù. Do cây này nên gọi là châu Diêm-phù. Cây ấy cao lớn, ảnh hiện trong vầng trăng. Do nhân duyên này nên có các ảnh hiện ra.

Do nhân duyên gì có các dòng sông chảy ở thế gian?

Chư Tỳ-kheo, vì có mặt trời nên có sức nóng; vì có sức nóng nên có sự thiêu đốt; vì có sự thiêu đốt nên có hơi bốc lên; vì có hơi bốc lên nên có sự ẩm ướt; vì có sự ẩm ướt nên trong tất cả núi chất lỏng chảy thành nước rồi hình thành các sông. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này nên trong thế gian có sông chảy.

Do nhân duyên gì năm loại hạt giống xuất hiện ở thế gian?

Chư Tỳ-kheo, hoặc ở phương Đông có các thế giới hoặc thành rồi hoại, hoặc hoại rồi thành, hoặc thành rồi trụ; các phương Nam, Tây, Bắc, thành hoại và trụ cũng lại như vậy. Lúc ấy có luồng gió lớn A-na-tỳ-la đặc biệt ở thế giới thành trụ khác, thổi năm loại hạt giống rải vào thế giới này, rải rồi rải nữa cho đến rải khắp; đó là hạt căn, hạt hành, hạt tiết, hạt tiếp, hạt tử. Đây là năm loại hạt.

Chư Tỳ-kheo, quả của cây Diêm-phù lớn bằng cái chậu một hộc của nước Ma-già-đà. Khi hái quả ấy, nhựa chảy ra, sắc trắng như sữa, vị ngọt như mật. Chư Tỳ-kheo, quả của cây Diêm-phù, tùy chỗ sanh ra, có năm phần lợi ích; đó là phương Đông, Nam, Tây và trên dưới. Quả sanh ở phần phía Đông thì các Càn-thát-bà cùng ăn; quả sanh ở phần phía Nam là thức ăn của dân chúng trong bảy làng xóm. Những gì là bảy? Một là Bất chánh khiếu, hai là Khiếu hoán, ba là Chánh thể, bốn là Hiền, năm là Thiện, sáu là Lao, bảy là Thắng. Ở

trong bảy thứ làng xóm ấy có bảy ngọn núi đen: Một là Thiên sương, hai là Nhất bác, ba là Tiểu cước, bốn là Hà phát, năm là Bách thiên đầu, sáu là Năng thắng, bảy là Tối thắng. Ở trong bảy núi kia có bảy cái hang là chỗ ở của Phạm tiên: Một là Thiện nhãn, hai là Thiện hiền, ba là Tiểu, bốn là Bách thiên đầu, năm là Lạn vật trì, sáu là Hắc nhập, bảy là Tăng trưởng. Khi phần phía Tây sanh quả thì Kim sí điểu cùng ăn; phần trên sanh quả thì Dạ-xoa hư không cùng ăn; phần dưới sanh quả thì các loài sâu trong biển đến ăn. Ở đây có bài kệ:

*Mới nói mưa nhiều ít
Thị hiện trong cung điện
Hai việc có gió nhiều
Ở trước chư Thiên đi
Xe cộ và thọ mạng
Thân thể ánh sáng chiếu
Nghịệp bố thí, trì giới
Vàng trắng đầy và khắp
Trăng bị che không hiện
Có ảnh do duyên gì
Các sông, các hạt giống
Cây Diêm-phù sau cùng.*

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh thuở ban đầu khi ăn vị đất, được nhiều lợi ích, sống lâu ở đời. Nhưng các người này, nếu kẻ ăn nhiều thì nhan sắc giảm sút, nếu ăn ít thì nhan sắc đẹp đẽ. Ngay khi ấy vì hình sắc hiện rõ nên chúng sanh khinh chê nhau, cùng tranh hơn kém. Người đẹp thì sanh kiêu mạn, vì kiêu mạn, nên đất mất mùi vị, tiếp tục sanh lớp đất, sắc vị đầy đủ. Thí như hoa Yết-ni-ca-la có màu sắc như vậy. Lại như mật nguyên chất nấu lên bỏ cặn bọt có vị như thế. Các chúng sanh ấy cùng tụ tập lại, ưu sầu khổ não, đấm ngực kêu gào, mê loạn khốn đốn, nói thế này: “Ôi! Vị đất của ta. Ôi! Vị đất của ta!” Thí như người đời nay có các vị ngon, sau khi thưởng thức, biết rồi nói rằng: “Ôi tuyệt, đây là vị của ta!” Chấp trước tên cũ chẳng biết thật nghĩa. Các chúng sanh ấy cũng như thế. Khi ấy chúng sanh đó ăn lớp đất mỏng kia cũng sống lâu ở đời. Người ăn nhiều thì nhan sắc xấu, kẻ ăn ít thì hình dáng đẹp. Vì có đẹp xấu nên sinh ngã

mạn, lãng nhục nhau. Lớp đất mỏng lại biến mất, sanh các loại dây bò, hình sắc tròn vẹn, hương vị đầy đủ. Thí như hoa Ca-lam-bà-ca nở có sắc như vậy, cắt ra thì nhựa chảy giống như mật nguyên... *cho đến như trước...*, tụ tập sâu nã, lần lượt như vậy. Dây bò biến mất rồi, có lúa thơm mọc, chẳng cày chẳng gieo, tự nhiên mọc lên, không vò không cấy, hạt gạo tinh khiết, hương vị đầy đủ. Lúc ấy chúng sanh ăn loại đó rồi thân thể liền có mỡ, tủy, da, thịt, gân, xương, máu, huyết, các mạch lưu thông và tướng mạo, các căn nam nữ hiện rõ. Sắc tướng đã sanh, tâm nhiệm liền khởi, vì có nhiệm nên luôn nhìn nhau; đã luôn nhìn nhau liền sanh ái dục. Vì ái dục nên ở chỗ vắng làm việc phi phạm hạnh bất tịnh. Khi đó lại có các chúng sanh khác chưa làm chuyện này, thấy rồi bảo rằng: “Các người đã làm chuyện quá xấu hổ. Tại sao như vậy?” Lúc ấy chúng sanh kia liền sanh xấu hổ, đã rơi vào các điều ác bất thiện, mới có danh tự “Ba đế” như vậy. (Ba đế, đời Tùy dịch là đọa, tức là phu chủ). Bấy giờ chúng sanh kia vì đọa vào các pháp ác như vậy nên người cùng hành dục đem đồ ăn uống biếu tặng cho nhau, nói với người nữ kia rằng: “Người có chồng rồi! Người có chồng rồi!” Nhân đó đặt tên là Bà-lê-da. (Tùy dịch là Phan thực, tức là vợ.)

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, các vị Thắng nhân hạ sanh trước, thấy ở thế gian có chuyện vợ chồng xảy ra, lòng sanh chán ghét, dùng tay trái nắm lấy, tay phải xô đi, khiến rời bỏ xứ sở. Lúc đó đôi vợ chồng kia, hoặc hai tháng, hoặc ba tháng, đã đi rồi trở lại, liền bị những vị ấy dùng cây, gậy, đất cục, ngói, gạch ném quăng và nói: “Các người nên trốn đi! Các người nên trốn đi!” Vì vậy ngày nay, khi các người con gái lấy chồng, được ném các thứ hoa, hoặc ném vàng bạc, y phục, la-xà (la-xà tức là lúa khô làm hoa) và nói lời chúc nguyện: “Xin chúc cô dâu an ổn hạnh phúc!”

Chư Tỳ-kheo, lần lượt như vậy, việc người xưa cho là xấu, người đời này cũng làm như vậy lại cho là tốt đẹp. Do nhân duyên ấy, các chúng sanh ở trong cõi đời làm các hạnh ác, lần lượt như thế cho đến tạo dựng các kiểu nhà cửa, vì nghiệp xấu ác kia đã che khuất.

Kệ rằng:

*Trước làm thành Chiêm-bà
Sau làm Ba-la-nại
Qua kiếp tàn sau cùng
Quy hoạch thành Vương xá.*

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó các vị Thắng nhân ngày trước tạo lập thôn, thành, làng xóm, quốc ấp, kinh đô, cung thất, các trú xứ khác... làm đẹp thế gian, lần lượt xuất hiện.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh như thế, khi càng tăng trưởng hạnh phi pháp thì có chúng sanh khác, phước mạng, nghiệp hết, từ trời Quang âm, bỏ thân xuống lại vào trong thai mẹ, thọ thai, sanh thân. Vì nhân duyên đó, người đời nhiều dần, việc phi pháp càng tăng.

Chư Tỳ-kheo, các Thắng nhân xưa sanh trước ở thế gian, các chúng sanh ấy vì phước lực có thừa nên chẳng cần cày gieo mà có gạo thơm tự nhiên sanh ra. Buổi sáng lấy phần thì phần buổi tối thấy sanh lại như cũ; buổi tối lấy phần thì buổi sáng sanh lại như nguyên không khác. Nếu người chưa lấy thì vẫn còn y. Chúng sanh sanh sau vì phước mỏng dần, trễ nhác, lười biếng, tâm sanh tham tiếc, nghĩ thế này: “Nay, gạo thơm này chẳng phải cày gieo mà có thì cần gì phải khổ công phân chia hai buổi sớm tối đi lấy, tự chuốc lấy sự mệt nhọc, nay ta có thể lấy luôn một lần”, liền lấy hai phần gạo thơm một lần. Có chúng sanh khác đến kêu người kia nói: “Giờ ăn sắp đến, hãy cùng nhau đi lấy gạo thơm”. Người kia đáp: “Tôi đã lấy luôn phần buổi sáng, buổi tối cùng một lúc đem về rồi. Người muốn đi lấy thì cứ đi đi!” Người đó nghĩ: “Người này làm hay, khỏe khoắn quá. Hai phần sớm tối cùng lấy luôn! Ta nay cũng có thể lấy hai phần ăn của ba ngày”. Nghĩ như thế xong vị ấy liền làm. Bấy giờ lại có các chúng sanh khác rủ người kia: “Chúng ta hãy cùng nhau đi lấy gạo thơm!” Người kia đáp: “Tôi đã lấy trước phần ăn ba ngày rồi! Các người tự đi đi” Những người ấy nghe rồi lại nghĩ: “Người này khôn quá! Chúng ta nay cũng nên cùng lúc lấy luôn phần của bốn, năm ngày để dự trữ”. Do nhân duyên đó, bấy giờ gạo thơm dần dần sanh lúa, bọc hạt gạo bên trong. Lại chỗ bị gặt, không còn mọc nữa, chỗ chưa gặt thì vẫn còn y nguyên. Khi ấy ruộng lúa mới có sự phân chia, cỏ cây mới mọc. Lúc đó chúng sanh mới cùng tụ tập lại sầu lo khóc lóc, tự bảo

nhau: “Ta nhớ khi xưa, thân được sanh ra, dùng sự vui mừng làm thức ăn, tự nhiên phát sáng, bay trên không tự tại, thân sắc đẹp đẽ, thọ mạng lâu dài. Nhưng vì chúng ta bồng sanh vị đất, sắc hương đầy đủ, ăn cũng sống lâu. Nếu ai ăn nhiều, hình sắc thô xấu, còn người ăn ít, nhan sắc vẫn đẹp. Vì tranh đẹp xấu nên sanh tâm kiêu mạn, trở thành sai biệt. Do sự việc này vị đất biến mất. Kế sanh lớp đất mỏng, tiếp sanh dây bò, rồi sanh gạo thơm, cho đến cây lúa, gặt rồi chẳng sanh, chưa gặt vẫn còn. Vì vậy nên thành có phân chia, cỏ cây mọc lên. Nay đây chúng ta nên chia khu vực, làm thành ranh giới, kia là phần anh, đây là phần tôi, và lập khế ước, người phạm bị phạt”.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, thế gian mới có các danh từ ranh giới, trách phạt xuất hiện.

Bấy giờ trong bọn họ có một chúng sanh vì tiếc lúa của mình, trộm lấy lúa của kẻ khác. Có người phát hiện liền bảo: “Ôi! Người đã làm việc thậm ác! Đã làm việc thậm ác! Tại sao mình có rồi, lại trộm lấy của người khác?”, trách rồi thả đi và nói: “Chớ làm như vậy nữa!”. Nhưng chúng sanh ấy lại làm nữa, cũng trách rồi thả đi. Như vậy ba lần, không chịu hối cải, nên nặng lời trách mắng, dùng tay đánh vào đầu, dắt đến đám đông bảo với mọi người: “Người này ăn trộm”. Nhưng người ăn trộm kia ở trước đám đông, chống chế cãi lại nói với mọi người: “Nay chúng sanh này dùng lời thô ác, cố ý mạ nhục, dùng tay đánh đầu tôi”. Khi ấy các chúng sanh kia cùng nhau tụ tập, ưu sầu than khóc, tự bảo nhau: “Ngày nay chúng ta đến tình trạng thế này thật là khốn khổ. Chúng ta đã làm nầy sanh pháp ác bất thiện, khởi các phiền não, làm tăng trưởng quả khổ sanh, già trong vị lai, sẽ hưởng đến đường ác. Nay chúng ta chứng kiến việc dùng tay đánh nhau, rồi níu kéo, xua đuổi, trách mắng, mạ nhục. Nay chúng ta phải tìm một người đứng đấn, cùng lập lên làm chủ để làm người bảo hộ. Nếu người đáng quở trách thì chính thức quở trách, người đáng phạt thì chính thức phạt, người đáng xua đuổi thì chính thức xua đuổi. Chúng ta chia ruộng, thóc lúa sở hữu tự mỗi người thu hoạch. Vị chủ bảo hộ nếu có cần thứ gì thì bọn chúng ta cùng nhau cung cấp”. Mọi người bàn luận chu đáo như vậy rồi, liền cùng tìm kiếm người đứng đấn làm chủ thủ hộ. Bấy giờ ở trong số đông kia chỉ có một người, thân hình cao lớn, mười phần trang nghiêm, dung nghi đẹp đẽ lạ

thường, nhìn không biết chán, sắc thân sáng chói, các căn đầy đủ. Khi ấy mọi người đến chỗ người kia nói như thế này: “Lành thay nhân giả! Xin ngài vì chúng tôi mà làm vị chánh thủ hộ. Chúng tôi ai nấy đều có ranh giới đất ruộng, ngài nên đến xem xét, đừng để xâm lấn nhau. Kẻ đáng mắng thì phải mắng, đáng trách thì phải trách, đáng phạt thì phải phạt, đáng đuổi thì phải đuổi. Lúa thóc chúng tôi thu hoạch được sẽ phân chia cho ngài, không để thiếu thốn”. Người kia nghe rồi, liền chấp nhận làm người thủ hộ, mắng, trách, phạt, đuổi công bình chính trực, không có sự xâm lấn. Mọi người khi thu hoạch lúa gạo đem đến cung cấp không để gián đoạn, thiếu thốn. Cứ theo cách như vậy làm vị chánh chủ. Vì từ trong ruộng lúa của dân chúng lấy đất mà phân chia nên nhân đó gọi là Sát-đế-lợi (đời Tùy dịch là Điền chủ). Khi ấy, mọi người y theo lời chỉ dẫn làm theo. Vị Sát-đế-lợi kia trong việc phục vụ cho mọi người luôn khôn khéo, trí tuệ, ở trong mọi người, tướng tốt hơn hết, vì vậy lại được gọi là Yết-la-xà (đời Tùy dịch là Vương). Mọi người lập làm Đại Bình Đẳng vương, vì vậy lại gọi là Ma-ha Tam-ma-đa (Tùy dịch là Đại Bình Đẳng).

Chư Tỳ-kheo, vị Ma-ha Tam-ma-đa kia, khi làm vua thì tất cả mọi người mới có tên là Tát-đa-bà (Tùy dịch là Chúng sanh).

Chư Tỳ-kheo, vua Ma-ha Tam-ma-đa có người con tên là Hô-lô-giá (Tùy dịch là Ý Hỷ).

Chư Tỳ-kheo, khi vị Hô-lô-giá kia làm vua, mọi người cùng xưng là Ha-di-ma-ca (Tùy dịch là Xá Giả).

Chư Tỳ-kheo, vua Hô-lô-giá có người con tên là Ca-lê-da-na (Tùy dịch Chánh Chân).

Chư Tỳ-kheo, khi vị Ca-lê-da-na kia làm vua, mọi người cùng xưng là Đế-la-xà (Tùy dịch là Hồ-ma-sanh).

Chư Tỳ-kheo, vua Ca-lê-da-na có người con tên là Bà-la-ca-lê-gia-na (Tùy dịch là Tối Chánh Chân).

Chư Tỳ-kheo, khi vị Bà-la-ca-lê-da-na kia làm vua, mọi người cùng xưng là A-bạt-la-khiên-đà (Tùy dịch là Vân Phiến).

Chư Tỳ-kheo, vua Vân Phiến ấy có người con tên là Ô-bô-sa-tha (Tùy dịch là Trai Giới).

Chư Tỳ-kheo, vua Trai Giới ấy khi tại vị, mọi người cùng xưng là Đa-la-thừa-già (Tùy dịch là Mộc Hinh).

Chư Tỳ-kheo, trên đánh của vua Trai Giới kia tự nhiên lồi lên một bọc thịt, bọc thịt ấy rách ra, sanh một đồng tử đẹp đẽ lạ thường, đầy đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, vừa sanh ra đã nói: “Ma-đà-đa” (Tùy dịch là Trì Ngã). Vị vua sanh trên đánh ấy đầy đủ thân thông, có oai lực lớn, thống lãnh cả bốn đại châu, cai trị và giáo hóa tự tại.

Chư Tỳ-kheo, sáu vị vua ấy thọ mạng vô lượng.

Chư Tỳ-kheo, đùi vế bên phải của vị vua sanh từ đánh ấy, lồi lên một bọc thịt, sanh một đồng tử, đẹp đẽ lạ thường, thân cũng đầy đủ ba mươi hai tướng, tên là Hữu Bễ Sanh, có oai lực lớn, thống lãnh bốn đại châu.

Đùi vế bên trái của vua Hữu Bễ ấy lồi lên bọc thịt, sanh một đồng tử, thân cũng đầy đủ ba mươi hai tướng, tên là Tả Bễ Sanh, có đủ oai đức, cai trị ba đại châu.

Bọc thịt ở đầu gối bên phải của vua Tả Bễ ấy, sanh một đồng tử, oai đức như những vị tướng, cai trị hai đại châu.

Bọc thịt ở đùi vế bên trái của vua Hữu Tất ấy, sanh một đồng tử, oai đức như những vị tướng, cai trị một đại châu.

Chư Tỳ-kheo, từ đó về sau, có vua Chuyển luân, đều lãnh một châu, các vị nên biết.

Chư Tỳ-kheo, lần lượt như vậy, từ lúc ban đầu chúng sanh lập vua Đại Bình Đẳng, rồi kế đến vua Ý Hỷ, đến vua Chánh Chân, đến vua Tối Chánh Chân, đến vua Thọ Trai Giới, đến vua Đánh Sanh, đến vua Hữu Bễ, đến vua Tả Bễ, đến vua Hữu Tất, đến vua Tả Tất, đến vua Dĩ Thoát, đến vua Dĩ Dĩ Thoát, đến vua Thế Giả, đến vua Thế Vị, đến vua Quả Báo Xa, đến vua Hải, đến vua Đại Hải, đến vua Xà-câu-lê, đến vua Đại Xà-câu-lê, đến vua Mao Thảo, đến vua Biệt Mao Thảo, đến vua Thiện Hiền, đến vua Đại Thiện Hiền, đến vua Tương Ái, đến vua Đại Tương Ái, đến vua Khiếu, đến vua Đại Khiếu, đến vua Ni-lê-ca, đến vua Na-cù-sa, đến vua Lang, đến vua Hải Phần, đến vua Kim Cang Tý, đến vua Sàng, đến vua Sư Tử Nguyệt, đến vua Na-da-đê, đến vua Biệt Giả, đến vua Thiện Phước Thủy, đến vua Xí Nhiệt, đến vua Tác Quang, đến vua Khoáng Dã, đến vua Tiểu Sơn, đến vua Sơn Giả, đến vua Diệm Giả, đến vua Xí Diệm.

Chư Tỳ-kheo, vua Xí Diệm ấy, con cháu truyền thừa có một

trăm lẻ một đời, đều ở thành Bô-đa-la cai trị giáo hóa thiên hạ. Vua sau cùng tên là Hàng Oán; vì thường hay hàng phục các giặc oán nên gọi là Hàng Oán.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hàng Oán nối nhau cai trị giáo hóa tại thành A-du-xà, có năm vạn bốn ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Nan Thắng.

Chư Tỳ-kheo, con cháu của vua Nan Thắng ấy kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Ba-la-nại, gồm có sáu vạn ba ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Nan Khả Ý.

Chư Tỳ-kheo, con cháu của vua Nan Khả Ý kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Ca-tỳ-la, gồm có tám vạn bốn ngàn vua. Vị vua sau cùng là vua Phạm Đức.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Phạm Đức kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Bạch tượng, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Tượng Đức.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Tượng Đức kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Câu-thi-na, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Hoắc Hương.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hoắc Hương kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Ưu-la-xa, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Na-già-na-thị.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Na-già-na-thị kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Nan hàng phục; gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Hàng Tha.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hàng Tha kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Cát-na-cư-già, gồm có một vạn hai ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Thắng Quân.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thắng Quân kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Bỉ ba, có một vạn tám ngàn vua. Vị vua sau cùng là Thiên Long.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thiên Long kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Đa-ma-lê-xa, có hai vạn năm ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Hải Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hải Thiên kế tục nhau cai trị giáo hóa trở lại tại thành Đa-ma-lê-xa, có một vạn vua. Vị vua sau cùng

cũng có tên là Hải Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hải Thiên kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Đản-đa-phú-la, có một vạn tám ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Thiện Ý.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thiện Ý kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Ngọc xá đại, có hai vạn năm ngàn vua, vị vua sau cùng tên là Thiện Trị Hóa.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thiện Trị Hóa kế tục nhau trở lại cai trị giáo hóa tại thành Ba-la-nại, có một ngàn một trăm vua. Vị vua sau cùng là Đại Đế Quân.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Đại Đế Quân kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Mao chủ đại, có tám vạn bốn ngàn vua. Vị vua sau cùng lại có tên là Hải Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hải Thiên kế tục nhau, trở lại cai trị giáo hóa thành Bô-đa-la có một ngàn năm trăm vua. Vị vua sau cùng tên là Khổ Hạnh.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Khổ Hạnh kế tục nhau trở lại cai trị giáo hóa tại thành Mao chủ đại, có tám vạn bốn ngàn vua. Vị vua sau cùng là Địa Diện.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Địa Diện kế tục nhau, trở lại cai trị giáo hóa tại thành A-du-xà, có một ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Trì Địa.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Trì Địa kế tục nhau, trở lại cai trị giáo hóa tại thành lớn Ba-la-nại, có tám vạn vua. Vị vua sau cùng tên là Địa Chủ.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Địa Chủ kế tục nhau, cai trị giáo hóa tại thành Mị-tu-la, có tám vạn bốn ngàn vua. Vị vua sau cùng là Đại Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu của vua Đại Thiên cai trị giáo hóa tại thành lớn Mị-tu-la, có tám vạn bốn ngàn vua. Tám vạn bốn ngàn vị vua này đều ở tại thành lớn Mị-tu-la, tu hành phạm hạnh trong rừng Am-bà-la; vua sau cùng là vua Ni-mị, kế đến là vua Một, kế là vua Thụ Tê, rồi vua Ha-nô, vua Ưu-ba, vua Nô-ma, vua Thiện Kiến, vua Nguyệt Kiến, vua Văn Quân, vua Pháp Quân, vua Hàng Phục, vua Đại

Hàng Phục, vua Cánh Hàng, vua Vô Ưu, vua Trừ Ưu, vua Kiên Tiết, vua Ma-la, vua Lô-na, vua Phương Chủ, vua Trần Giả, vua Ca-la, vua Nan-đà, vua Cánh Diện, vua Sanh Giả, vua Học Lãnh, vua Thực Âm, vua Nhiêu Thực, vua Nan Hàng, vua Nan Thắng, vua An Trú, vua Thiện Trú, vua Đại Lực, vua Lực Đức, vua Thụ Hành.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thụ Hành ấy kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Ca-nhiếp-ba có bảy vạn năm ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Am-bà-lê-sa.

Chư Tỳ-kheo, vua Am-bà-lê-sa có con tên là Thiện Lập.

Chư Tỳ-kheo, vua Thiện Lập và con cháu nối nhau cai trị giáo hóa tại thành lớn Ba-la, có một ngàn một trăm vua. Vị vua sau cùng tên là Kê-lê-kỳ.

Chư Tỳ-kheo, bảy giờ, có Đức Ca-diếp Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, xuất hiện ở đời. Bồ-tát khi ấy tu hành phạm hạnh sanh lên cõi trời Đâu-suất.

Vua Kê-lê-kỳ có người con tên là Thiện Sanh, con cháu nối nhau trở lại cai trị giáo hóa tại thành Bô-đa-la, có một trăm lẻ một vua, vua sau cùng tên là Nhĩ Giả. Vua Nhĩ Giả có hai người con, người con lớn là Cù-đàm, người con thứ hai Bà-la-đọa-xà. Vua Cù-đàm có một người con tên là Cam Giá Chủng.

Chư Tỳ-kheo, vua Cam Giá Chủng và con cháu nối nhau, trở lại cai trị giáo hóa tại thành Ba-đa-la, có một trăm lẻ một vua Cam Giá Chủng. Vị vua cuối cùng tên là Bất Thiện Trường.

Chư Tỳ-kheo, vua Bất Thiện Trường sanh bốn người con: Một là Ưu-mâu-khư, hai là Kim Sắc, ba là Tợ Bạch Tượng, bốn là Túc Cù. Túc Cù có người con tên là Thiên Thành. Thiên Thành có con tên là Ngưu Thành. Vua Ngưu Thành và con cháu nối nhau cai trị giáo hóa tại thành Ca-tỳ-la-bà, có bảy vạn bảy ngàn vị vua. Vị vua sau cùng là Quảng Xa, kế đến là vua Biệt Xa, vua Kiên Xa, vua Trụ Xa, vua Thập Xa, vua Bách Xa, vua Cửu Thập Xa, vua Tạp Sắc Xa, vua Trí Xa, vua Quảng Cung, vua Đa Cung, vua Kiêm Cung, vua Trụ Cung, vua Thập Cung, vua Bách Cung, vua Cửu Thập Cung, vua Tạp Sắc Cung, vua Trí Cung.

Chư Tỳ-kheo, vua Trí Cung sanh hai người con: một là Sư Tử

giáp, hai là Sư Tử Túc.

Sư Tử Giáp nối ngôi vua, sanh bốn người con trai: một là Tịnh Phạn, hai là Bạch Phạn, ba là Học Phạn, bốn là Cam Lộ Phạn và sanh một người con gái tên là Cam Lộ.

Chư Tỳ-kheo, vua Tịnh Phạn sanh hai người con: Một tên là Tất-đạt-đa, hai tên là Nan-đà. Bạch Phạn có hai người con: Một là Đế-sa, hai là Nan-đề-ca. Học Phạn có hai người con: Một là A-nê-lâu-đà, hai là Bạt-đề-lê-ca. Cam Lộ Phạn có hai người con: Một là A-nan-đà, hai là Đề-bà-đạt-đa. Còn bà Cam Lộ chỉ có một người con tên là Thế-bà-la.

Chư Tỳ-kheo, Bồ-tát Tất-đạt-đa có một người con tên là La-hầu-la.

Chư Tỳ-kheo, lần lượt như vậy, từ vua Đại Bình Đẳng về sau, con cháu nối tiếp nhau, là một chủng tộc tối thắng cho đến đồng tử La-hầu-la tự thân chứng A-la-hán, đoạn các phiền não, dứt đường sanh tử, không còn tái sanh nữa.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này nên vào thuở xa xưa có dòng Sát-đế-lợi hơn hết xuất hiện ở thế gian, theo đúng như pháp, chứ chẳng phải phi pháp.

Chư Tỳ-kheo, vì các pháp như vậy, nên chủng tộc Sát-đế-lợi trong thế gian sanh ra là trên hết.

Bấy giờ, lại có các chúng sanh khác nghĩ thế này: “Thế gian là hữu vi, là bệnh hoạn, là ung nhọt, là mũi tên độc”. Suy nghĩ chính chắn rồi, họ xả bỏ hữu vi, vào trong rừng núi, tạo lập thảo am, tĩnh tọa tu thiền. Nếu có nhu cầu gì, hoặc vào buổi sáng, hoặc vào chiều tối, họ tạm rời thảo am, vào làng khát thực, mọi người trông thấy, cần gì cúng nấy, nhanh chóng thực hiện, rồi cùng khen ngợi: “Những chúng sanh này sớm tu nghiệp thiện, xả bỏ các pháp ác bất thiện, đang tồn tại trong thế gian, đó là Bà-la-môn”. Vì Nhân duyên này dòng dõi Bà-la-môn xuất hiện ở thế gian. Trong số người ấy, hoặc có người thiên định bất thành, dựa vào thôn xóm, phần nhiều dạy về chú thuật. Do đây lại được gọi là hạng giáo hóa. Lại vì những người ấy vào thôn xóm nên gọi là hạng hướng tới thôn xóm. Lại vì thành tựu các pháp dục, nên gọi là hạng thành tựu dục. Do nhân duyên này, vào thuở xa xưa Bà-la-môn là thù thắng, là chủng tánh cao quý xuất

hiện ở thế gian, theo đúng như pháp chẳng phải phi pháp.

Lại nữa, ngoài ra có một hạng chúng sanh làm đủ các thứ để cầu lợi như kỹ năng, công xảo, nghệ thuật, các ngành nghề sanh sống. Do nhân duyên này nên gọi là Tỳ-xá. Vì vậy cho nên ngày xưa dòng dõi Tỳ-xá xuất hiện ở thế gian. Họ cũng theo đúng như pháp chẳng phải phi pháp.

Chư Tỳ-kheo, ba dòng dõi này đã sanh ra ở thế gian rồi, về sau lại có giòng dõi thứ tư sanh ra ở thế gian.

Chư Tỳ-kheo, có một hạng người tự chê bai phép tắc vốn có của gia tộc họ, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, xả bỏ thế gian, xuất gia tu đạo, tự xưng: “Ta là Sa-môn”. Nói như vậy rồi, liền thành tựu chánh nguyện. Dòng dõi Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng vậy. Có một hạng người, cũng chê bai như trước, cũng bỏ nhà xuất gia, tự xưng: “Ta là Sa-môn”, liền thành tựu chánh nguyện, vì họ đã có chánh nguyện về chủng loại.

Chư Tỳ-kheo, có hạng Sát-đế-lợi, nghiệp thân, khẩu, ý làm những hạnh ác; vì những hạnh ác, nên khi thân hoại mạng chung, chỉ nhận quả khổ. Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng như vậy.

Lại có hạng Sát-đế-lợi, nghiệp thân, khẩu, ý làm các việc lành; vì làm việc lành nên khi thân hoại mạng chung chỉ thọ quả vui. Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng giống như vậy.

Chư Tỳ-kheo, lại có hạng Sát-đế-lợi, nghiệp thân, khẩu, ý làm cả hai việc ác, thiện; vì làm cả hai nên khi thân hoại mạng chung, sẽ thọ quả khổ lẫn vui. Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng như vậy.

Chư Tỳ-kheo, lại có hạng Sát-lợi chánh tín xuất gia, tu tập ba mươi bảy pháp trợ đạo, có khả năng dứt hết các lậu, tâm và trí được giải thoát, ngay hiện tại thấy pháp, chứng pháp, đắc các thần thông. Đã tác chứng rồi tự nêu rõ: “Sự sanh của ta đã chấm dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, về sau không còn thọ nhận thân sanh tử nữa”. Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng y như vậy.

Chư Tỳ-kheo, ba dòng dõi ấy ở trong đời sau, có khả năng thành tựu đầy đủ minh, hạnh, đắc quả A-la-hán, gọi là tối thắng.

Chư Tỳ-kheo, Phạm vương Sa-ha-bà-đế, xưa ở trước ta, nói bài kệ:

*Sát-lợi giống hơn hết
 Nếu rời các chủng tánh
 Thành tựu đủ minh, hạnh
 Thì hơn các trời, người.*

Chư Tỳ-kheo, Phạm vương Sa-ha-bà-đế khéo đọc bài kệ ấy, chẳng làm điều bất thiện. Ta đã ấn chứng.

Chư Tỳ-kheo, Ta, Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác cũng nói nghĩa này.

Chư Tỳ-kheo, cứ lần lượt như vậy, Ta đã nói đủ về thế gian chuyển thành, thế gian chuyển hoại, thế gian chuyển trụ.

Chư Tỳ-kheo, có một vị thầy giáo hóa vì các Thanh văn làm điều nên làm, thương yêu lợi ích, hành hạnh từ bi. Ta đã làm xong, các vị nên nương theo.

Chư Tỳ-kheo, hoặc ở nơi đồng trống, nơi rừng núi vắng vẻ, bên gốc cây, chốn phòng, thất tịch tĩnh, hoặc ở nơi hang hốc ven núi, gò mả, nơi đất thừa, xa lìa làng xóm, dùng các thứ cây cỏ kết tạm làm chỗ ở. Chư vị Tỳ-kheo nên ở các nơi ấy tu tập thiền định, chớ nên phóng dật khiến về sau phải hối hận.

Chư Tỳ-kheo, đó là lời huấn thị của Ta.

Phật thuyết kinh xong, chư Tỳ-kheo... hoan hỷ vâng làm.



SỐ 25

KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN

*Hán dịch: Sa-môn Đạt-ma-cấp-đa,
người Thiên Trúc, đời Tùy.*

QUYỂN I

Phẩm 1: CHÂU DIÊM-PHÙ

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Bà-già-bà ở thạch thất Ca-lợi-la tại thành Xá-la-bà-tất-đế. Bấy giờ, tại nơi ấy, có số đông Tỳ-kheo, sau khi thọ trai, cùng đến tụ họp ở giảng đường Ca-lợi-la. Sau khi an tọa, mọi người đều suy nghĩ rồi cùng nhau bàn luận:

–Này các Trưởng lão, thật chưa từng có! Nay thế gian này, thiên địa, chúng sanh, chỗ ở, quốc độ, chuyển biến thành lập như thế nào? Và chuyển biến tan hoại như thế nào? Chuyển biến tan hoại rồi lại thành lập như thế nào? Chuyển biến thành lập rồi an trụ như thế nào?

Khi ấy Đức Thế Tôn, một mình ở trong thạch thất yên tĩnh, với thiên nhĩ nghe khắp, thanh tịnh hơn người, nghe các Tỳ-kheo, sau khi thọ trai, tụ họp tại giảng đường Ca-lợi-la cùng bàn luận việc hy hữu như vậy. Thế Tôn nghe rồi, ngay sau buổi trưa hôm ấy, xuất thiền, ra khỏi thạch thất Ca-lợi-la, đi đến giảng đường; đến giảng đường rồi ở trước đại chúng Tỳ-kheo, theo lệ thường, trải tòa, ngồi thẳng an nhiên.

Sau khi an tọa, Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi:

–Này các thầy Tỳ-kheo, vừa rồi, các thầy tụ tập nơi đây bàn luận việc gì?

Khi ấy các Tỳ-kheo đồng bạch Phật:

–Bạch Đại Đức Thế Tôn, sau khi thọ trai, Tỳ-kheo chúng con cùng đến giảng đường Ca-lợi-la này tụ họp, bàn luận thế này: “Này các Trưởng lão, thật chưa từng có! Thế gian chuyển biến thành lập như thế nào? Chuyển biến tan hoại như thế nào? Thế gian chuyển biến tan hoại rồi thành lập như thế nào? Thế gian chuyển biến thành lập rồi an trụ như thế nào?” Bạch Đại Đức Thế Tôn, vừa rồi chúng con tụ họp đến đây để bàn luận việc như vậy.

Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Hay thay! Hay thay! Này các Tỳ-kheo, chỉ các thầy mới có khả năng tin và làm việc như pháp như vậy. Này chư Thiện nam tử, vì lòng tin, các thầy bỏ tục xuất gia, nếu các thầy thường tập trung ngồi lại với nhau và bàn luận việc như pháp như vậy, thì đó là việc bất khả tư nghì. Này các thầy Tỳ-kheo, khi các thầy ngồi lại với nhau, nên tu hai thứ pháp này để tự tạo sự nghiệp cho mình: hoặc là bàn luận pháp nghĩa, hoặc là Hiền thánh mật nhiên, chẳng sanh lười biếng, kiêu mạn. Nếu có thể làm được điều đó, thì các thầy mới nên nghe Như Lai nói về ý nghĩa: Thế gian chuyển biến thành lập, thế gian chuyển biến tan hoại, thế gian chuyển biến tan hoại rồi thành lập; thế gian chuyển biến thành lập rồi an trụ.

Khi Đức Phật dạy như vậy rồi, các Tỳ-kheo bạch:

–Bạch Đại Đức Thế Tôn, nay đã đúng lúc! Bạch Thiện Thế, nay đã đúng lúc! Nếu Phật Thế Tôn vì Tỳ-kheo chúng con mà giảng thuyết nghĩa này thì sau khi nghe Thế Tôn dạy, chúng con sẽ theo đó mà phụng trì.

Lúc bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy Tỳ-kheo, hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Hãy suy nghĩ chính chắn! Ta sẽ vì các ông lần lượt giảng thuyết.

Khi ấy các Tỳ-kheo đồng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, chúng con rất muốn nghe.

Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, như mặt trời, mặt trăng ở tại một chỗ mà chiếu sáng bốn cõi thiên hạ, bấy giờ tại bốn chỗ thiên hạ đều có cả

ngàn mặt trời, mặt trăng. Này chư Tỳ-kheo, đó gọi là một ngàn thế giới. Này chư Tỳ-kheo, trong ngàn thế giới, có ngàn mặt trăng, ngàn mặt trời, ngàn núi chúa Tu-di, bốn ngàn châu nhỏ, bốn ngàn châu lớn, bốn ngàn biển nhỏ, bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn dòng giống Rong, bốn ngàn dòng giống Rong lớn, bốn ngàn dòng giống Kim sí điều, bốn ngàn dòng giống Kim sí điều lớn, bốn ngàn dòng giống chốn ác đạo, bốn ngàn dòng giống chốn ác đạo lớn, bốn ngàn tiểu vương, bốn ngàn đại vương, bảy ngàn các giống cây lớn, tám ngàn các loại núi lớn, mười ngàn các loại địa ngục lớn, một ngàn vua Diêm-ma-la, ngàn châu Diêm-phù, ngàn Cù-đà-ni, ngàn Phát-bà Thiên vương, ngàn trời Tam thập tam, ngàn trời Dạ-ma, ngàn trời Đâu-suất-đà, ngàn trời Hóa lạc, ngàn trời Tha hóa tự tại, ngàn trời Chư-ma-la, ngàn trời Phạm thế.

Chư Tỳ-kheo, ở trong cõi Phạm thế kia, có một Phạm chủ, oai lực rất mạnh, không ai hàng phục được, thống nhiếp ngàn Phạm tự tại vương, nói: “Ta có khả năng tạo tác, gọi ta là cha, ta tự tạo ra các sự vật”. Vị ấy nói những lời kiêu ngạo như vậy, rồi liền sanh ngã mạn. Như Lai không như vậy. Vì sao? Vì tất cả thế gian kia, mỗi pháp đều tùy theo nghiệp lực mà hiện khởi, thành lập.

Chư Tỳ-kheo, ngàn thế giới nhỏ này, giống như búi tóc, gọi là một tiểu thiên thế giới. Chư Tỳ-kheo, một tiểu thiên thế giới như búi tóc như vậy, gọi đó là bậc hai – trung thiên thế giới. Chư Tỳ-kheo, một ngàn trung thiên thế giới ở bậc hai như vậy, gọi là đại thiên thế giới. Ba ngàn lần thế giới như vậy, gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Chư Tỳ-kheo, tam thiên đại thiên thế giới này đồng thời thành lập; đồng thời thành lập rồi thì lại tan hoại; đồng thời tan hoại rồi thì trở lại thành lập; đồng thời thành lập rồi thì an trụ. Như thế, thế giới xoay vần thiêu hủy gọi là bại hoại; xoay vần thành lập gọi là thành tựu; xoay vần an trụ, gọi là an lập. Đó là nơi ở của chúng sanh, một cõi Phật vô úy.

Chư Tỳ-kheo, đại địa ấy dày bốn mươi tám vạn do-tuần, chung quanh rộng vô biên. Chư Tỳ-kheo, đại địa ấy trụ ở trên nước; nước trụ trên gió, gió nương hư không. Chư Tỳ-kheo, phía dưới đại địa ấy, có một lớp nước, dày sáu mươi vạn do-tuần, chung quanh rộng vô biên. Dưới lớp nước ấy, có một lớp gió dày ba mươi sáu vạn do-tuần,

chung quanh rộng vô biên. Chư Tỳ-kheo, nước biển lớn ấy sâu vô cùng, sâu tới tám vạn bốn ngàn do-tuần, chung quanh rộng vô biên. Chư Tỳ-kheo, núi chúa Tu-di phần chìm trong biển là tám vạn bốn ngàn do-tuần, phần nhô khỏi mặt biển cũng cao tám vạn bốn ngàn do-tuần. Chư Tỳ-kheo, núi chúa Tu-di, mặt đáy bằng phẳng, phần dưới bám chặt trên bánh xe vàng lớn. Chư Tỳ-kheo, núi chúa Tu-di ấy ở trong biển lớn, dưới hẹp, trên rộng, càng lên càng rộng ra, ngay thẳng chẳng lồi lõm, thân lớn, vững chắc, đẹp đẽ lạ thường, lạ mắt, ưa xem, bốn báu hiệp thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê; có các loại cây tốt tươi, tỏa ra các mùi thơm, mùi thơm bay xa, xông khắp các núi, là chốn dừng chân của nhiều chúng Thánh hiền, và chư Thiên thần đại oai đức thắng diệu.

Chư Tỳ-kheo, ở phần trên của núi chúa Tu-di, bốn phương có bốn ngọn, ngọn vươn cao ở bốn phía, mỗi ngọn cao bảy trăm do-tuần, đẹp đẽ khả ái, do bảy báu tạo thành, là nơi được trang trí bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não; núi uốn cong trên mặt biển.

Chư Tỳ-kheo, phía dưới núi Tu-di có ba bậc, trú xứ của chư thần. Tầng bậc thấp nhất cao rộng sáu mươi do-tuần; có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, lại có bảy lớp cây Đa-la ngay ngắn khả ái, bao bọc chung quanh. Cây ấy được tạo thành bằng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não. Các tường vách đều có bốn cửa, mỗi cửa ấy đều có bờ lũy, lầu gác, mái hiên, tháp canh, cung điện, hành lang, vườn cây, cùng các ao hồ đầy đủ trang nghiêm. Trong ao có hoa đẹp, đủ loại hương thơm; có đủ tất cả các loại cây, đủ các loại cành lá, các loại hoa quả, cũng phát ra các mùi thơm ngào ngạt. Lại có các loài chim hát ca, âm thanh vi diệu hòa quyện vào nhau, hòa nhã thánh thót.

Tầng bậc kế tiếp của núi, cao rộng bốn mươi do-tuần, được trang nghiêm bằng bảy vòng tường thành, lan can, dây chuông, hàng cây Đa-la bằng phẳng, ngay ngắn, khả ái bao quanh, cũng được trang trí bằng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não; cũng có đầy đủ các thứ cửa ngõ, lầu gác, đài, điện, vườn, ao, cây có quả và các loài chim.

Tầng bậc trên cùng của núi, cao rộng hai mươi do-tuần, cũng có

bảy lớp tường thành cho đến các loài chim, phát ra âm thanh vi diệu.

Chư Tỳ-kheo, ở tầng bậc dưới của núi, có vị Dạ-xoa tên là Bát thủ ở; tại tầng bậc giữa, có các vị Dạ-xoa tên là Trì phát; tầng trên có các vị Dạ-xoa tên là Thường túy.

Chư Tỳ-kheo, giữa triền núi Tu-di rộng bốn vạn hai ngàn do-tuần, có cung điện của Tứ đại thiên vương. Chư Tỳ-kheo, phần trên núi Tu-di có các cung điện của chư Thiên Tam thập tam, nơi ở của Đế-thích. Trên cõi trời Tam thập tam, có cung điện của chư Thiên Dạ-ma; trên trời Dạ-ma một tầng, có cung điện của chư Thiên Đâu-suất-đà; trên trời Đâu-suất-đà một tầng, có cung điện của chư Thiên Hóa lạc; trên trời Hóa lạc một tầng, có cung điện của chư Thiên Tha hóa tự tại; trên trời Tha hóa tự tại một tầng, có cung điện của chư Thiên Phạm thân; ở khoảng giữa trời Tha hóa tự tại và Phạm thân, có các cung điện của ma Ba-tuần; ở phía trên trời Phạm thân, có trời Quang âm; phía trên trời Quang âm, có trời Biến tịnh; phía trên trời Biến tịnh, có trời Quảng quả; phía trên trời Quảng quả, có trời Bất thô; khoảng giữa trời Quảng quả và trời Bất thô, có các cung điện là chỗ ở của chúng sanh Vô tướng; ở phía trên trời Bất thô, có trời Bất não; phía trên trời Bất não, có trời Thiện kiến; phía trên trời Thiện kiến, có trời Thiện hiện; phía trên trời Thiện hiện là cung điện của chư Thiên A-ca-ni-trá. Chư Tỳ-kheo, trên trời A-ca-ni-trá, lại có chư Thiên Vô biên hư không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ. Các nơi này đều được gọi là trú xứ của chư Thiên.

Chư Tỳ-kheo, nơi chốn như vậy, ranh giới như vậy là chỗ ở của chúng sanh. Chúng sanh ấy, hoặc đến, hoặc đi, hoặc sanh, hoặc diệt đều nằm trong giới hạn ấy. Trong thế giới đó, các loài chúng sanh có sanh, già, chết đều rơi vào đó. Chúng ở trong đường sanh hóa như vậy, đến bây giờ không ra khỏi. Cho nên gọi thế giới Ta-bà là cõi Vô úy. Ngoài ra, tất cả thế giới khác cũng giống như thế.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc của núi chúa Tu-di có châu tên là Uất-đa-la-cứu-lưu. Cõi ấy dài rộng mười ngàn do-tuần, bốn phía bằng phẳng; khuôn mặt của người ở cõi ấy giống như hình trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông của núi chúa Tu-di, có châu tên là Phát-bà-tùy-đề-hạ. Cõi ấy dài rộng chín ngàn do-tuần, tròn như trăng tròn; khuôn mặt của người ở cõi ấy cũng giống như trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây núi chúa Tu-di, có châu tên là Cù-đà-ni. Cõi ấy dài rộng tám ngàn do-tuần, hình dáng như nửa mặt trăng, khuôn mặt của người ở cõi ấy lại giống như trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam núi chúa Tu-di, có châu là Diêm-phù-đề. Cõi ấy dài rộng bảy ngàn do-tuần, phía Bắc rộng, phía Nam hẹp, hình dạng như cái hòm xe. Khuôn mặt của người ở cõi ấy cũng giống như trái đất.

Chư Tỳ-kheo, mặt bắc núi chúa Tu-di do vàng trời tạo thành, chiếu sáng châu Uất-đa-la-cứu-lưu; mặt Đông do bạc trời tạo thành, chiếu sáng châu Phất-bà-tỳ-đề-ha; mặt Tây do pha lê trời tạo thành, chiếu sáng châu Cù-đà-ni; mặt Nam do lưu ly xanh cõi trời tạo thành, chiếu sáng châu Diêm-phù-đề này.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu có một đại thọ gọi là Ambà-la, thân to bảy do-tuần, phần ăn sâu dưới đất là hai mươi mốt do-tuần, phần vượt lên cao là một trăm do-tuần, cành lá phủ che năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, châu Phất-bà-tỳ-đề-ha có một đại thọ gọi là Ca-dàm-bà-phất, thân to bảy do-tuần, phần ăn sâu dưới đất là hai mươi mốt do-tuần, phần vượt lên cao là một trăm do-tuần, cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, châu Cù-đà-ni có một đại thọ gọi là Chấn-đầu-ca, thân to bảy do-tuần... *cho đến* cành lá phủ năm mươi do-tuần. Dưới cây ấy có một con trâu đá, cao một do-tuần. Do nhân duyên này nên gọi là châu Cù-đà-ni.

Chư Tỳ-kheo, châu Diêm-phù-đề ấy có một đại thọ gọi là Diêm-phù, thân to bảy mươi do-tuần... *cho đến* cành lá bao phủ năm mươi do-tuần. Dưới cây ấy có khối vàng Diêm-phù-đàn cao hai mươi do-tuần; vì vàng sanh ra từ dưới cây Diêm-phù cho nên gọi là Diêm-phù-đàn; và do đó có tên là vàng Diêm-phù-đàn.

Chư Tỳ-kheo, chỗ ở của loài Rồng và loài Kim sí điều có một đại thọ tên là Câu-tra-dư-ma-lợi-hòa, thân to bảy do-tuần... *cho đến* cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, chỗ ở của A-tu-la có một đại thọ tên là Tu-chất-đà-la-ba-tra-la, thân to bảy do-tuần... *cho đến* cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, trời Tam thập tam có một đại thọ tên là Ba-lợi-cù-tỷ-đà-la, thân to bảy do-tuần, phần ăn sâu xuống đất hai mươi một do-tuần, phần vượt lên cao là một trăm do-tuần, cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, dưới núi Tu-di, kế đến có núi tên là Khư-đề-la-ca, cao bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên rộng cũng vậy, ngay thẳng khả ái, do bảy báu hợp thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai núi Tu-di và Khư-đề-la-ca ấy rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, bao bọc chung quanh là vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-kiền-đề-ca che phủ khắp sông hồ.

Chư Tỳ-kheo, ngoài núi Khư-đề-la-ca, kế đến có núi tên là Y-sa-đà-la, cao hai vạn một ngàn do-tuần, trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* mã não... bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Khư-đề-la-ca và Y-sa-đà-la rộng bốn vạn hai ngàn do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-kiền-đề-ca che phủ khắp sông hồ.

Ngoài núi Y-sa-đà-la, kế đến có núi tên là Du-kiền-đà-la, cao một vạn hai ngàn do-tuần, ở trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* mã não... bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Y-sa-đà-la và Du-kiền-đà-la rộng hai vạn một ngàn do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-kiền-đề-ca che phủ khắp các sông hồ.

Ngoài núi Du-kiền-đà-la, kế đến có núi tên là Thiện kiến cao sáu ngàn do-tuần, ở trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* mã não... bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Du-kiền-đà-la và Thiện kiến rộng một vạn hai ngàn do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-kiền-đề-ca che phủ khắp các sông hồ.

Ngoài núi Thiện kiến, kế đến có núi tên là Mã bán đầu, cao ba ngàn do-tuần, ở trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* mã não... bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Thiện kiến và Mã bán đầu rộng sáu ngàn do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-

kiền-đề-ca, phủ khắp sông hồ.

Ngoài núi Mã bán đầu, kế đến có núi tên là Ni-dân-đà-la, cao một ngàn hai trăm do-tuần, ở trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* mã não... bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Mã bán đầu và Ni-dân-đà-la rộng hai ngàn bốn trăm do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-kiền-đề-ca che khắp các sông hồ.

Ngoài núi Ni-dân-đà-la, kế đến có núi tên là Tỳ-na-da-ca, cao sáu trăm do-tuần, ở trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* mã não... bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Ni-dân-đà-la và Tỳ-na-da-ca rộng một ngàn hai trăm do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-kiền-đề-ca che khắp các sông hồ.

Ngoài núi Tỳ-na-da-ca, kế đến có núi tên là Chước-ca-la (Tùy dịch là Luân), cao ba trăm do-tuần, ở trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* mã não... bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Tỳ-na-da-ca và Chước-ca-la ấy rộng sáu trăm do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa... *cho đến* hoa Tao-kiền-đề-ca che khắp các sông hồ. Cách núi Luân viên (Chước-ca-la) không xa, cạnh bên một khoảng đất trống cỏ xanh phủ khắp là biển lớn. Phía Bắc biển lớn có một cội cây lớn gọi là cây Diêm-phù, thân to bảy do-tuần, rễ cắm sâu xuống đất hai mươi một do-tuần, cao một trăm do-tuần... *cho đến* cành lá che phủ bốn phía năm mươi do-tuần; khoảng đất trống ở bên cỏ xanh phủ khắp. Kế đến có rừng cây Am-bà-la, rừng cây Diêm-phù, rừng cây Đa-la, rừng cây Na-đa, mỗi khu rừng rộng năm mươi do-tuần, khoảng đất trống ở giữa, cỏ xanh mọc đầy. Kế đến có rừng cây tên là Nam, rừng cây tên là Nữ, rừng San-đà-na, rừng Chơn-đà-na, mỗi khu rừng rộng năm mươi dặm; khoảng đất trống bên khu rừng, cỏ xanh phủ đầy. Kế đến có rừng quả Kha-lê-lặc, rừng quả Tỳ-hê-lặc, rừng quả Ma-lặc, rừng quả Am-bà-la-đa-ca; mỗi khu rừng rộng năm mươi do-tuần. Kế đến có rừng cây Khả-thù-la, rừng quả Tỳ-la, rừng quả Bà-na-bà, rừng quả Thạch lựu; mỗi khu rừng rộng năm mươi do-tuần. Kế đến có rừng Ô bột, rừng Nại, rừng Mía, rừng Trúc nhỏ, rừng Trúc lớn, mỗi khu rừng rộng năm mươi do-tuần. Kế đến có rừng Lau, rừng Sậy, rừng Cát-la, rừng Cát-la lớn, rừng Ca-sà-

văn-đà; mỗi khu rừng rộng năm mươi do-tuần. Kế đến có rừng hoa A-đề-mục-đa-ca, rừng hoa Chiêm-bà, rừng hoa Ba-tra-la, rừng hoa Tường vi; mỗi khu rừng rộng năm mươi do-tuần; vùng đất trống bên cạnh, cỏ xanh phủ đầy.

Lại có các ao có các loại hoa Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca... phủ đầy. Lại có các ao đầy áp rấn độc; mỗi ao rộng năm mươi do-tuần; khoảng đất trống ở giữa, cỏ xanh phủ đầy.

Kế đến có biển tên là Ô-thiên-na-ca rộng mười hai do-tuần; nước ao trong mát, vị rất ngọt ngon, êm ả trong veo, có bảy lớp bờ lũy, bảy lớp đá chắn, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông; bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, thẳng tắp đẹp đẽ; đều do mã não... bảy báu hợp thành, trang trí bốn phương chung quanh, đều có thêm bậc đẹp đẽ khả ái, cũng do bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não hợp thành. Lại có hoa Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca. Hoa màu lửa thì hiện hình lửa; hoa màu vàng thì hiện hình vàng; hoa màu xanh thì hiện hình xanh; hoa màu đỏ thì hiện hình đỏ; hoa màu trắng thì hiện hình trắng; màu Bà-vô-đà thì hiện hình Bà-vô-đà. Hoa lớn như bánh xe, cọng như trục xe, tiết ra nhựa, màu trắng như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, trong biển Ô-thiên-na-ca, có các đường đi của Chuyển luân thánh vương, mặt đường rộng mười hai do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, trong cõi Diêm-phù-đề, khi Chuyển luân thánh vương xuất hiện thì các con đường dưới biển ấy tự nhiên hiện ra, mặt nước đứng lặng. Chư Tỳ-kheo, kế bên biển Ô-thiên-na-ca có ngọn núi tên là Ô-thiên-già-la. Chư Tỳ-kheo, núi Ô-thiên-già-la ấy đẹp đẽ khả ái, tươi tốt khả quan, có các thứ cây, các thứ lá, các thứ hoa, các thứ quả, các thứ hương và các loài dị thảo, đủ các loài chim, thú. Những vật có mặt trên thế gian, ở trong núi Ô-thiên-già-la kia, không thiếu thứ gì. Chư Tỳ-kheo, núi Ô-thiên-già-la kia đẹp đẽ khả ái, khả quan như vậy, các thầy nên giữ gìn tốt như thế. Chư Tỳ-kheo, kế núi Ô-thiên-già-la có núi tên là Kim hiếp. Chư Tỳ-kheo, trong núi Kim hiếp, có tám vạn cái hang; trong các hang kia đều có tám vạn long tượng toàn màu trắng cư trú trong đó, giống như hoa Câu-mâu-đầu, bảy chi chống đất, đều có thần thông, nường hư không mà đi. Đầu chúng màu đỏ giống như loài trùng Nhân-đà-la-cù-ba-ca, có sáu ngà;

ngà chúng nhọn hoắt, màu như mạ vàng.

Chư Tỳ-kheo, qua khỏi núi Kim hiệp có núi tên là Tuyết sơn, cao năm trăm do-tuần, rộng dày cũng vậy. Núi ấy đẹp đẽ, do bốn báu hợp thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, và pha lê. Bốn mặt núi ấy có bốn ngọn bằng vàng, đỉnh vượt lên cao hai mươi do-tuần. Trên đỉnh núi ấy có ao A-nậu-đạt. Long vương A-nậu-đạt cư trú trong ấy. Ao rộng dài năm mươi do-tuần. Nước ao trong mát, mùi vị ngon ngọt, trong sạch không nhơ, có bảy lớp bờ lũy, bảy lớp thêm gỗ, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, bao bọc chung quanh đẹp đẽ khả ái... *cho đến* do mã nào... bảy báu hợp thành. Lại có các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca. Các hoa ấy có nhiều màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn như bánh xe; lại có ngó, rễ lớn như trục xe, nhựa trắng như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, trong ao A-nậu-đạt ấy có cung điện của Long vương A-nậu-đạt-đa. Cung điện đó có năm trụ, đẹp đẽ khả ái. Long vương A-nậu-đạt-đa cùng quyến thuộc trong đó vui chơi, thọ hưởng năm dục của chư Thiên, đầy đủ khoái lạc.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông ao A-nậu-đạt có con sông Hằng, từ miệng voi chảy ra, hòa nhập năm trăm sông, chảy vào biển Đông. Phía Nam ao A-nậu-đạt có sông Tân-đầu, từ miệng trâu chảy ra, hòa nhập năm trăm sông, chảy vào biển Nam. Phía Tây ao A-nậu-đạt, có sông Bạc-xoa, từ miệng ngựa chảy ra, hòa nhập năm trăm sông, chảy vào biển Tây. Phía Bắc ao A-nậu-đạt có sông Tư-đà, từ miệng sư tử chảy ra, hòa nhập năm trăm sông, chảy vào biển Bắc.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì mà vị Long vương ấy được gọi là A-nậu-đạt-đa?

Chư Tỳ-kheo, có ba nhân duyên. Ba nhân duyên ấy là gì? Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù có chỗ ở của các rồng, chỉ trừ Long vương A-nậu-đạt-đa, còn các rồng khác, thì thọ hưởng khoái lạc, liền có các vật nóng rơi trên thân, các rồng ấy đều mất hình sắc loài trời, hiện hình sắc loài rắn. Các rồng chịu nỗi khổ đó còn Long vương A-nậu-đạt-đa không có việc như vậy. Đó là nhân duyên thứ nhất.

Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù, chỉ trừ Long vương A-nậu-đạt-đa, còn các rồng khác khi du hí hưởng lạc, đều có gió nóng thổi đến chạm vào thân chúng, làm mất hình sắc loài trời, hiện hình sắc

loài rắn, nên có khổ như vậy. Đó là nhân duyên thứ hai.

Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù, khi các rồng có sự du hí hưởng lạc thì có vua của loài Kim sí điều bay vào cung của chúng. Khi chúng thấy Kim sí điều vương thì lòng sanh sợ hãi; vì sợ hãi nên liền mất hình sắc loài trời, hiện hình sắc loài rắn, chịu đầy đủ các khổ. Long vương A-nậu-đạt-đa không như vậy. Nếu Kim sí điều vương phát sanh ý nghĩ thế này: “Nay ta muốn vào cung điện của Long vương A-nậu-đạt-đa, thì khi ấy Kim sí điều kia bị quả báo bại liệt nên tự thọ khổ, không thể vào được cung điện của Long vương A-nậu-đạt-đa. Chư Tỳ-kheo, đó là nhân duyên thứ ba. Do nhân duyên ấy nên gọi là A-nậu-đạt-đa.

Chư Tỳ-kheo, về phía Nam núi Tuyết không xa, có thành tên là Tỳ-xá-ly. Phía Bắc của thành Tỳ-xá-ly, có bảy núi Đen; phía Bắc núi Đen lại có núi Hương. Trong núi Hương ấy, có vô số vị Khẩn-na-la. Ở đó thường có tiếng ca vũ âm nhạc. Núi ấy có nhiều các loại cây, cây tỏa ra các mùi hương, là chỗ ở của các thần đại oai đức.

Chư Tỳ-kheo, trong núi Hương đó có hai hang báu: Một là Tạt sắc, hai là Thiện tạt sắc, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* do mã nào... bảy báu hợp thành. Mỗi hang rộng dài năm mươi do-tuần, mềm mại trơn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, ở trong hai hang Tạt sắc và Thiện tạt sắc, có một vị Càn-thát-bà vương tên là Vô tử dụ cùng với năm trăm Khẩn-na-la nữ ở trong đó thọ hưởng năm dục, đi, đứng, nằm, ngồi đùa giỡn vui chơi.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc của hai hang Tạt sắc và Thiện tạt sắc, có thọ vương Ta-la tên là Thiện trụ. Thọ vương Ta-la Thiện trụ này có riêng tám ngàn rừng cây Ta-la bao bọc chung quanh. Khi ấy, trong rừng Ta-la Thiện trụ kia có một Long tượng ở, cũng tên là Thiện trụ, lông toàn màu trắng như hoa Câu-mâu-đầu, bảy chi chấm đất, bay đi trên không, xương đầu nhô lên như con trùng Nhân-đà-la-cù-ba-ca. Đầu nó màu đỏ, đầy đủ sáu ngà; ngà nó nhọn hoắt, có cát vàng điểm trên ngà. Lại có tám ngàn các long tượng khác làm quyến thuộc. lông chúng đều trắng như hoa Câu-mâu-đầu, bảy chi chấm đất... *cho đến* ngà đều tô điểm bằng vàng.

Phía chánh Bắc rừng thọ vương Ta-la Thiện trụ kia, có xuất

hiện một cái ao cho Đại long tượng Thiên trụ, tên là Mạn-đà-kiết-ni, rộng dài bằng phẳng năm mươi do-tuần. Nước ao mát mẽ ngon ngọt, trong xanh, không có cáu bẩn... *cho đến* ngó, rễ lớn như trục xe, cắt ra nhựa chảy, màu trắng như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, chung quanh ao Mạn-đà-kiết-ni ấy, lại có tám ngàn ao khác bao bọc. Tất cả tám ngàn ao ấy đều giống như ao Mạn-đà-kiết-ni, không có gì khác.

Chư Tỳ-kheo, Long tượng vương Thiên trụ khi muốn vào ao Mạn-đà-kiết-ni để du hí thì liền nghĩ ngay đến tám ngàn Long tượng quyến thuộc. Và ngay khi ấy, tám ngàn Long tượng kia cũng khởi ý nghĩ: “Long tượng vương Thiên trụ của chúng ta đang nghĩ đến chúng ta. Nay chúng ta nên đi đến bên Thiên trụ vương”. Các Long tượng đến rồi, liền cúi đầu đứng trước Long tượng vương Thiên trụ.

Bấy giờ Long tượng đại vương Thiên trụ liền đi đến ao Mạn-đà-kiết-ni. Tám ngàn Long tượng kia hộ vệ chung quanh. Thiên trụ vương ung dung tiến bước. Các long tượng tùy tùng, có con cầm lọng trắng che đầu, có con dùng vòi cầm quạt ma-ni trắng quạt trên lưng; ở trước lại có các thần âm nhạc ca múa hát xướng dẫn đường. Khi Long tượng đại vương Thiên trụ đến nơi, liền vào ao Mạn-đà-kiết-ni kia lặn hụp, vui chơi, tắm rửa du hí, tự do thỏa thích thọ hưởng khoái lạc. Trong số long tượng tùy tùng, có con rửa vòi, có con chà ngà, có con ngoáy tai, có con gội đầu, có con kỳ lưng, có con chà hông, có con rửa đùi, có con rửa chân, có con rửa đuôi, hoặc có con dùng vòi nhỏ ngó sen rửa sạch rồi đưa vào miệng Tượng vương Thiên trụ; hoặc có con dùng vòi nhỏ các thứ hoa Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca... kết lên đầu Tượng vương Thiên trụ.

Khi Long tượng đại vương Thiên trụ, ở trong ao Mạn-đà-kiết-ni, tự do theo ý thích, tắm rửa du hí, vui chơi thoải mái, thọ hưởng khoái lạc rồi, ăn ngó sen của các long tượng dâng hiến, trên đầu kết hoa Ưu-bát-la và các thứ hoa khác... trang sức rồi ra khỏi ao, lên đứng trên bờ. Khi ấy tám ngàn long tượng liền phân tán vào trong tám ngàn ao, tùy ý tắm rửa, tự do du hí, hưởng thọ khoái lạc, rồi cùng ăn ngó sen trong ao. Ăn xong, cũng dùng hoa Ưu-bát-la và các thứ hoa khác tự kết lên đầu rồi, cùng tụ họp, đến bên Long tượng vương Thiên trụ; đến nơi, vòng quanh bốn phía. Bấy giờ Đại long tượng

vương Thiện trụ cùng với tám ngàn Long tượng vương kia trước sau dẫn đi trở về rừng thọ vương Ta-la Thiện trụ. Trên đường đi, các long tượng, hoặc cầm lọng trắng che, hoặc cầm quạt ma-ni trắng quạt; lại có chư thần chơi các loại âm nhạc đi trước mở đường.

Lúc bảy giờ, Đại long tượng vương Thiện trụ về đến đại lâm Ta-la Thiện trụ, ở dưới cây lớn tùy ý đứng nằm. Khi ấy tám ngàn Long tượng kia cũng đều đến dưới tám ngàn cây Ta-la khác, đi, đứng, nằm, ngồi tự tại an lạc. Ở trong rừng cây Ta-la ấy, có cây, gốc của nó có chu vi sáu tầm, hoặc có cây có chu vi bảy tầm, tám tầm, hoặc chín tầm, mười tầm; có cây gốc của nó tới mười hai tầm; còn cây thọ vương Ta-la Thiện trụ, gốc của nó chu vi tới mười sáu tầm. Tại rừng tám ngàn cây Ta-la ấy, nếu có lá úa vàng rụng xuống thì liền có gió thổi bay ra ngoài, làm sạch khu rừng. Khi tám ngàn Long tượng kia bài tiết phẩm uế thì có các Dạ-xoa quét dọn mang đi.

Chư Tỳ-kheo, trong cõi Diêm-phù, nếu khi có Chuyển luân thánh vương xuất hiện thì trong tám ngàn long tượng ấy, có long tượng nhỏ nhất, hằng ngày cứ mỗi buổi sáng, đến trước Chuyển luân thánh vương hầu hạ phụng sự; nhân đó được gọi là Điều thiện tượng vương. Lại Đại vương long tượng Thiện trụ ấy vào ngày rằm sáng sớm thức dậy, đi đến chỗ Thiên Đế-thích, đứng ở trước cửa để nhận sự sai bảo.

Chư Tỳ-kheo, Đại vương long tượng Thiện trụ có thần thông như vậy, có oai đức như vậy, tuy sanh trong loài súc sanh nhưng cùng loại với loài Rồng nên có sức oai thần lớn như thế. Các thầy nên luôn nhớ như vậy.

**

*

Phẩm 2: CHÂU UẤT-ĐA-LA-CỨU-LƯU

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu có vô lượng núi, những núi ấy có các loại cây, sum suê rậm rạp, tỏa ra các mùi hương xông khắp châu ấy. Lại có các loại cỏ toàn màu xanh biếc, uốn xoay về bên phải như lông khổng tước, hương thơm như hoa Bà-lợi-sư-ca, chạm vào mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca, dài khoảng bốn ngón tay, giẫm chân lên thì rạp xuống, giở chân lên thì dựng đầu lên lại. Lại có các loại cây sanh ra các thứ cành lá, hoa quả, hương thơm; các loài chim đua nhau ca hát, âm thanh hòa nhã vi diệu. Trong những núi ấy, có các dòng sông, chia thành bốn ngã, xuôi dòng chảy xuống, bình lặng êm ả, không có sóng gợn, lại không chảy nhanh. Bờ sông không sâu, không cạn, bằng phẳng dễ lội. Nước sông trong sạch, các hoa che phủ, rộng nửa do-tuần, chảy đi cùng khắp. Hai bên bờ sông đều có rừng cây, theo dòng che nắng; đủ loại hoa thơm, cỏ xanh trải khắp, có nhiều loại trái, chim chóc hát vang. Hai bên bờ sông, có các thuyền đẹp, nhiều màu khả ái, toàn là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não... bầy báu hợp thành.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu, đất đai bằng phẳng, không có gai góc, rừng rậm, hầm hố; cũng không nhà xí, phẩn uế bất tịnh, sỏi đá, ngói gạch, toàn bằng vàng, bạc; không lạnh, không nóng, thời tiết điều hoà. Đất đai ở nơi ấy luôn luôn màu mỡ, cỏ xanh phủ khắp; các loại cây rừng, lá thường xanh tốt, hoa quả đầy cành.

Chư Tỳ-kheo, trong châu Uất-đa-la-cứu-lưu, có các rừng cây, tên là An trú; các cây đều cao sáu câu-lô-xá, lá dày đan khít, thứ lớp kế nhau như tranh lợp nhà, giọt mưa không lọt. Nhân dân cõi ấy, trú dưới tàng cây. Có các cây Hương cũng cao sáu câu-lô-xá, hoặc có cây cao năm câu-lô-xá; lại có cây cao bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nào nhỏ nhất cũng cao nửa câu-lô-xá; đều có các thứ lá, hoa và quả. Các thứ cây ấy, tùy tâm (người thích) phát ra các thứ hương thơm. Có cây Kiếp-ba cũng cao sáu câu-lô-xá... *cho đến* có cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá; tất cả đều có lá, hoa và quả. Từ hông của quả, tự nhiên trôi ra các loại y phục, treo ở trên cây. Lại có các cây Anh lạc, cây này cũng cao sáu câu-lô-xá... *cho đến* có

cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá; tất cả đều có lá, hoa, quả; hông của quả ấy, tùy tâm (người muốn) tuôn ra các thứ Anh lạc, treo thòng xuống đất. Lại có cây Man cũng cao sáu câu-lô-xá... *cho đến* cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá; cũng có lá, hoa, quả; các quả ấy, tùy tâm (người muốn) tuôn ra các thứ tràng hoa, treo ở trên cây. Lại có các cây Khí cũng cao sáu câu-lô-xá... *cho đến* có cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá, đều có lá, hoa và quả; các quả ấy, tùy tâm (người muốn), hiện ra các loại đồ dùng, treo ở trên cây. Lại có các loại cây ăn trái cũng cao sáu câu-lô-xá... *cho đến* có cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá, đều có lá, hoa, quả; các quả ấy, tùy tâm (người muốn) hiện ra các loại quả ở trên cây. Kế đến, lại có cây âm nhạc cũng cao sáu câu-lô-xá... *cho đến* có cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá, cũng có lá, hoa, quả; các quả ấy, tùy tâm (người muốn) hiện ra các thứ nhạc cụ, treo ở trên cây.

Đất ở cõi ấy, lại có gạo thơm tự nhiên không do cày bừa gieo trồng, tinh khiết trắng sạch, không có vỏ bọc. Khi muốn nấu chín, thì tự nhiên có các quả đôn trì dùng làm nồi, chõ, đun bằng ngọn lửa ngọc, không cần củi mà tự cháy, tùy theo ý muốn, làm chín thức ăn; thức ăn chín rồi, lửa ngọc tự tắt, không còn cháy nữa.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu ấy, bốn mặt chung quanh có bốn ao nước tên là A-nậu-đạt-đa. Mỗi ao rộng dài năm mươi do-tuần. Nước ao trong mát, ngọt ngào êm ả, thơm sạch không dơ; có bảy lớp bờ lũy, bảy lớp thêm gỗ, bảy lớp lan can, bao bọc chung quanh, nhiều màu khả ái; tất cả đều do vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não... bảy báu hợp thành. Bốn phía ao đều có bờ thêm, nhiều màu khả ái... *cho đến* mã não... bảy báu hợp thành; có nhiều loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, bôn trà lợi... xanh, vàng, đỏ, trắng và màu xanh biếc... hình hoa tròn to, lớn như bánh xe, mùi thơm ngào ngạt, tỏa khắp mọi nơi; còn có các ngó sen lớn như trục xe, bề ra nhựa chảy, màu sắc như sữa, uống vào ngon ngọt, mùi vị như mật.

Chư Tỳ-kheo, bốn phía ao A-nậu-đạt-đa ấy, có bốn dòng sông lớn, xuôi dòng chảy, không có sóng gợn không nhanh, không chậm;

bờ sông không cao, bằng, cạn dễ vào, nước không chảy xiết, nhiều hoa phủ khắp, rộng một do-tuần. Hai bên bờ sông lại có rừng cây, đan xen che nắng và tỏa ra mùi hương thơm ngát; có các thứ cỏ, tươi xanh mềm mại, xoay về bên phải... *lược nói cho đến* cao bằng bốn ngón tay, chân giẫm lên thì rạp xuống, gỡ chân thì dựng lên lại, và các loài chim chóc cùng âm thanh. Hai bên bờ sông lại có các thuyền nhiều màu khả ái... *cho đến* xa cừ, mã não... bảy báu hợp thành, chạm vào mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu, thường vào nửa đêm, từ trong bốn ao A-nậu-đạt nổi lên mây đen, che phủ khắp nơi. Châu Uất-đa-la-cứu-lưu và các núi, biển đều bị che phủ, sau đó mưa xuống nước tám công đức, giống như sữa bò đổ xuống, lượng nước mưa rơi xuống ngập bốn ngón tay, không chảy lan tràn thấm ngay xuống đất, ngay chỗ mưa rơi. Vào nửa đêm hôm sau, mây tan mưa dừng, bầu trời quang tạnh, gió biển nổi lên, thổi vào mát mẻ, êm dịu, trong lành điều hòa; chạm vào an lạc; làm thấm nhuận châu Uất-đa-la-cứu-lưu, khắp nơi đều tươi mát, trù mật, sung mãn. Như thợ xâu tràng hoa khéo tay và học trò làm tràng hoa xong, lấy nước rưới lên; rưới rồi, tràng hoa kia cũng lại như thế, tươi sáng rực rỡ.

Chư Tỳ-kheo, đất đai ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu kia luôn luôn nhuận ướt phì nhiêu; giống như có người dùng dầu tô bôi lên, đất ấy nhuận ướt cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu kia lại có một cái ao tên là Thiện hiện, dài rộng một trăm do-tuần, mát mẻ bình lặng, trong sạch không bẩn, thêm bờ bằng bảy báu... *lược nói cho đến* vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông ao Thiện hiện lại có một khu vườn, cũng tên là Thiện hiện, rộng dài một trăm do-tuần, có bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu khả ái, đều do bảy báu hợp thành... *cho đến* xa cừ, mã não...

Chư Tỳ-kheo, vườn Thiện hiện ấy bằng phẳng đẹp đẽ, không có gai góc, gò nổng, hầm hố, cũng không có nhà xí, sỏi đá, ngói gạch, các loại nhơ bẩn tạp nhạp; có nhiều vàng, bạc, không lạnh, không nóng, khí hậu ôn hòa; thường có suối chảy, bốn phía tràn đầy, cây lá tốt tươi, hoa quả trĩu cành; có các loại hương xông ngát; có các loài

chim thường phát ra âm thanh vi diệu, tiếng kêu hòa nhã; lại có các loại cỏ xanh tươi, xoay về bên phải, mềm mại như lông Khổng tước, thường có mùi thơm, như hoa Bà-lợi-sư-ca; chạm vào như áo Ca-chiên-lân-đề; khi châm giã lên, theo chân rập xuống, khi chân giở lên, theo chân bung lên. Lại có các cây có gốc, thân, hoa, lá và quả, tỏa ra mùi thơm, xông khắp mọi nơi.

Chư Tỳ-kheo, vườn Thiện hiện ấy lại có rừng cây tên là An trú. Cây mọc sáu câu-lô-xá; lá cây dày đặc, mưa không lọt xuống; lá cây nối tiếp nhau như tranh lợp nhà. Nhân dân phần nhiều cư trú ở dưới đó. Lại có các cây Hương, các cây Kiếp-ba, các cây Anh lạc, các cây Man, các cây Khí vật, các cây có quả. Lại có cơm của loại gạo thơm, tự nhiên thanh khiết.

Chư Tỳ-kheo, vườn Thiện hiện ấy không có ai là sở hữu chủ, không có người canh giữ. Người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu muốn vào vườn Thiện hiện du hý, thọ hưởng các thú vui thì tùy ý mà vào, bằng các cửa Đông, Nam, Tây, Bắc; vào trong du hý tắm rửa thọ hưởng các thú vui rồi muốn đi tùy ý, đi đâu thì đi.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam ao Thiện hiện có một khu vườn tên là Phổ hiền, dành cho người Uất-đa-la-cứu-lưu. Vườn rộng dài một trăm do-tuần, có bảy lớp lan can bao bọc chung quanh.

Chư Tỳ-kheo, vườn Phổ hiền ấy không có người canh giữ; chỉ có người Uất-đa-la-cứu-lưu muốn vào vườn Phổ hiền tắm rửa, du hý, hưởng lạc thì họ vào bằng các cửa Đông, Nam, Tây, Bắc. Vào tắm rửa, du hý, hưởng lạc rồi, theo ý thích muốn đi đâu thì đi.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây ao Thiện hiện ấy, có khu vườn là Thiện hoa, dành cho người Uất-đa-la-cứu-lưu. Vườn đó rộng dài một trăm do-tuần, có bảy lớp lan can bao bọc chung quanh... *lược cho đến...* giống như vườn Thiện hiện, không có gì khác. Cũng không có người canh giữ; chỉ có người Uất-đa-la-cứu-lưu muốn vào vườn Thiện hoa tắm rửa, du hý, hưởng lạc thì vào bằng các cửa Đông, Nam, Tây, Bắc. Vào tắm rửa, du hý, hưởng lạc rồi, tùy ý muốn đi đâu thì đi.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc ao Thiện hiện ấy, có khu vườn tên là Hỷ lạc, dài rộng ngang nhau một trăm do-tuần... *cho đến* không có người canh giữ; chỉ có người Uất-đa-la-cứu-lưu muốn vào vườn Hỷ lạc tắm rửa, du hý, hưởng lạc thì theo các cửa Đông, Nam, Tây, Bắc

mà vào. Tắm rửa, du hí, hưởng lạc rồi, tùy ý muốn đi đâu thì đi... *lược nói như vườn Thiện hiện ở trước.*

Chư Tỳ-kheo, phía Đông ao Thiện hiện, tiếp giáp với vườn Thiện hiện có một con sông lớn tên là Dịch nhập đạo, từ từ chảy xuống, không có sóng, không chảy nhanh; hoa phủ mặt nước, rộng hai do-tuần rưỡi.

Chư Tỳ-kheo, hai bên bờ sông Dịch nhập đạo có các loại cây che phủ, các loại hương xông, các thứ cỏ mọc... *lược cho đến* chạm vào mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca, cao khoảng bốn ngón tay, khi chân giẫm lên thì rạp xuống, khi giở chân lên thì dựng lên. Có các thứ cây và các thứ lá, hoa, quả đầy đủ. Có các loại hương xông, có các loài chim, loài nào cũng ca hát. Hai bên bờ sông Dịch nhập đạo, có các thuyền đẹp, nhiều màu khả ái, do bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não hiệp thành, trang hoàng rực rỡ.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam ao Thiện hiện có con sông lớn tên là Thiện thể, dành cho người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu, từ từ chảy xuống... *lược nói...* giống như sông Dịch nhập đạo. Ở đó cũng có đủ các thứ như sông kia không khác... *cho đến* các thuyền, nhiều màu hợp thành... mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây ao Thiện hiện có con sông lớn, tên là Như xa, dành cho người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu từ từ chảy xuống... *lược nói như trên...*

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc ao Thiện hiện, có con sông lớn tên là Oai chủ, dành cho người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu, từ từ chảy xuống... *lược nói cho đến...* hai bên bờ sông có thuyền, trang hoàng bằng bảy báu, mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Tới đây có kệ Uất-đà-na:

*Sông Thiện hiện, Phổ hiện
Thiện hoa và Hỷ lạc
Dịch nhập cùng Thiện thể
Như xa và Oai chủ*

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đa-la-cứu-lưu muốn vào các sông Dịch nhập đạo, Thiện thể, Như xa, Oai chủ... để tắm rửa, du hí, hưởng lạc thì đến hai bên bờ sông, cởi bỏ áo xiêm để trên bờ. Nếu muốn ra xa

thì ngồi trên thuyền, bơi ra giữa dòng, tắm rửa thân thể, du hý, hưởng lạc. Trong bọn họ, ai lên bờ trước thì tự do lấy xiêm y mặc vào rồi đi, chẳng cần phải tìm xiêm y của mình. Vì sao vậy? Vì người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu không chấp ngã và ngã sở, không có người canh giữ. Họ đi đến cây Hương; đến nơi rồi, tức thì cành nhánh của cây Hương rũ xuống, tay có thể vịn tới, vì họ mà tỏa ra các mùi thơm vi diệu. Khi ấy họ lấy các loại hương trong cây ấy, dùng xoa lên thân, rồi lại đến dưới cây Kiếp-ba. Đến nơi rồi, cây này cũng như cây trước, rũ cành nhánh xuống, để họ đưa tay vịn tới và hiện ra các loại y phục. Những người này, tại cây ấy, lấy các loại y phục tuyệt đẹp mặc vào rồi đến dưới, cành cây Anh lạc cũng rũ xuống để người đưa tay vịn tới; cũng như những cây trước, cây Anh lạc ấy hiện ra các thứ Anh lạc cho những người ấy. Họ lấy Anh lạc đeo vào thân rồi đi đến cây Man; đến nơi rồi, cành cây Man cũng tự rũ xuống, đưa tay với tới được, tuôn ra các thứ tràng hoa cho họ. Họ lấy các tràng hoa mang vào cổ rồi đi đến cây Khí; đi đến nơi rồi, cành cây Khí cũng rũ thấp xuống, tay với tới được, cho họ tùy theo loại đồ dùng ưa thích mà lấy. Rồi họ đi đến cây ăn quả; đến nơi rồi, cành cây cũng rũ xuống, đưa tay với tới được. Cây ấy sanh ra các thứ quả cho họ. Họ ở dưới cây ấy, tùy theo sở thích quả nào vừa ý thì lấy; lấy xong, có người ăn luôn quả, có người vắt lấy nước uống; ăn uống xong, đi đến rừng cây âm nhạc. Đến nơi rồi, cành cây âm nhạc cũng rũ xuống, đưa tay với tới, rồi hiện ra các thứ nhạc cụ cho họ. Những người ấy, ở trong rừng cây, tùy theo nhu cầu của mình chọn lấy các nhạc cụ âm nhạc; hình dáng nhạc cụ đẹp đẽ, âm thanh hòa nhã; muốn đờn thì đờn, muốn múa thì múa, muốn ca thì ca. Hưởng các thú vui như vậy xong rồi, mỗi người theo sở thích, muốn đi đâu thì đi.



KHỞI THỂ NHÂN BỔN

QUYỂN II

Phẩm 2: CHÂU UẤT-ĐA-LA-CỨU-LƯU 2

Chư Tỳ-kheo, người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu này, đầu tóc màu xanh, xoa xuống bằng tám ngón tay. Người cỡi ấy cùng một màu da, một dung mạo, một hình dáng, không có màu da riêng để có thể phân biệt sự khác nhau.

Chư Tỳ-kheo, người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu không có ai lỏa thể, cũng không để lộ nửa thân, thuận theo đạo lý, không có lòng riêng tư; răng đều bằng khít, không sữa, không khuyết, trắng đẹp sạch sẽ, giống như ngọc kha, sáng trong khả ái.

Chư Tỳ-kheo, người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu, nếu có đói khát, khi cần ăn uống, thì họ liền lấy gạo thơm tự nhiên không do canh tác, tinh khiết trắng trẻo, không có mảy cám bỏ vào trong quả đôn trì; rồi lấy viên ngọc lửa đặt ở dưới. Do phước lực của chúng sanh, viên ngọc ấy tự nhiên phát lửa. Khi cơm đã chín, ngọn lửa liền tắt. Bọn họ, ai muốn ăn cơm thì ngồi vào chỗ ngồi. Trong lúc ấy, người từ khắp bốn phương đến muốn ăn, thì dọn cho họ; ăn xong nhưng cơm không hết, cho đến khi những người được mời ăn ấy chưa đứng dậy thì cơm vẫn còn đầy. Người ở cõi ấy ăn loại gạo thơm tự nhiên, một thứ gạo khi nấu chín, không có mảy cám, tinh khiết thơm ngon, chẳng cần gia vị; đầy đủ mùi vị, trắng như chùm bông, màu ấy giống như vị Tô-đà của chư Thiên. Nhân dân ở cõi ấy khi ăn cơm này, thân thể sung mãn, không gầy sút, không già nua, không biến đổi, y nhiên bất động... *cho đến* họ ăn cơm đó còn bổ ích cho họ như sắc thân, khí lực an lạc, đầy đủ biện tài.

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Uất-đa-la-cứu-lưu, nếu ai có dục ý, ở bên người nữ, sanh tâm đắm nhiễm, để ý đến nhau, thì người ấy liền đưa mắt nhìn người nữ kia. Người nữ kia liền đi theo người ấy, đến dưới tàng cây. Nếu người nữ kia là mẹ, hoặc là dì, là chị, là em của người ấy thì tàng cây kia không rũ xuống cho họ, mà lá cây tức thì tàn úa không rụng, không che phủ, không ra hoa, cũng không bày giường ra. Nếu chẳng phải là mẹ, cũng chẳng phải là dì, là chị, là em thì tàng cây ấy liền rũ xuống che phủ, cành lá rậm rạp xanh tốt, xuất ra trăm ngàn loại giường; đồ trái nằm. Họ dẫn nhau vào nơi ấy, vui vẻ hưởng lạc, làm gì tùy ý.

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Uất-đa-la-cứu-lưu ở trong thai bảy ngày, đến ngày thứ tám, người mẹ mới sanh. Mẹ sanh con rồi, hoặc là trai hay gái, liền bồng con mình đặt ở ngã tư đường rồi bỏ đi. Khi ấy, ở nơi đó có người ở các phương Đông, Tây, Nam, Bắc đến, người nào muốn nuôi bé nam hoặc nữ ấy thì đưa ngón tay vào trong miệng của bé. Trên đầu ngón tay chảy ra loại sữa ngon ngọt cho bé trai hoặc gái ấy uống; đứa bé uống sữa rồi mạng sống được duy trì. Qua bảy ngày như vậy, đứa bé lại tự hình thành một loại vóc dáng giống như người lớn không sai khác. Nếu là con trai thì đi theo cùng nhóm con trai; nếu là con gái thì đi cùng nhóm con gái.

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Uất-đa-la-cứu-lưu thọ mạng nhất định, không có người chết yếu. Khi mạng chung thì sanh lên trời.

Lại nữa, ở đây, vì nhân duyên gì mà người ở cõi Uất-đa-la-cứu-lưu có được thọ mạng nhất định và sau khi chết đều sanh lên trời?

Chư Tỳ-kheo, ở trên đời, có người chuyên giết hại sanh mạng, trộm cắp của cải người khác, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời hung dữ, nói thêu dệt, và tham, sân, tà kiến. Do nhân duyên ấy nên khi thân hoại mạng dứt sẽ đọa vào đường ác, ở trong địa ngục. Lại có người không hề sát sanh, không trộm cắp vật người khác, không tà dâm, không vọng ngữ, không nói hai lưỡi, không nói thêu dệt, không nói hung dữ, không tham, không sân, lại không tà kiến.

Do nhân duyên này, khi thân hoại mạng dứt sanh về đường thiện, sanh làm trời, người.

Lại vì nhân duyên gì mà bị đọa lạc? Vì do sát sanh và tà kiến... Còn được sanh lên? Vì không sát sanh lại có chánh kiến...

Lại có người nghĩ thế này: “Nay ta nên làm mười điều thiện. Do nhân duyên ấy, khi mạng chung sanh vào cõi Uất-đa-la-cứu-lưu; sanh vào cõi ấy rồi sống đúng ngàn năm, không tăng, không giảm”. Người đó phát khởi nguyện lành như vậy rồi, liền làm mười việc thiện, khi thân hoại sanh vào cõi Uất-đa-la-cứu-lưu. Sanh vào cõi ấy rồi, sống đủ ngàn năm, không tăng, không giảm.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này, người ở cõi Uất-đa-la-cứu-lưu có được thọ mạng nhất định.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì mà họ được sanh lên cõi trên? Chư Tỳ-kheo, người ở châu Diêm-phù, khi ở nơi ấy, thọ mười nghiệp lành thì khi thân hoại sẽ sanh vào cõi Uất-đa-la-cứu-lưu. Người Uất-đa-la-cứu-lưu ấy nếu khi xưa có thực hành đầy đủ mười nghiệp thiện đúng như pháp rồi, khi thân hoại sẽ sanh lên cõi lành, vào hàng chư Thiên.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này, người Uất-đa-la-cứu-lưu sanh lên cõi tốt đẹp.

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đa-la-cứu-lưu khi thọ mạng kết thúc thì không có người nào buồn rầu than khóc, chỉ chuẩn bị sẵn sàng rồi đem đặt ở ngã tư đường rồi bỏ đi.

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đa-la-cứu-lưu có tục thế này: Nếu có chúng sanh nào đó, khi thọ mạng hết rồi, ngay khi ấy có một con chim bay đến, con chim ấy tên là Ưu-thiên-già-ma (đời Tùy âm là Cao hành). Bấy giờ chim Ưu-thiên-già-ma, từ hang núi lớn bay nhanh đến, ngậm tóc mang tử thi kia bỏ ở châu khác. Vì sao vậy? Vì nghiệp của người Uất-đa-la-cứu-lưu thanh tịnh, ý muốn vui vẻ, không để cho gió thổi lan mùi xú uế kia.

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đa-la-cứu-lưu khi muốn đại tiểu tiện, thì đất nứt ra cho họ; đại tiểu tiện xong, đất khép lại như cũ. Vì sao? Vì người Uất-đa-la-cứu-lưu muốn thanh tịnh, ý muốn vui vẻ.

Lại nữa, ở đây, do nhân duyên gì mà gọi châu ấy là Uất-đa-la-cứu-lưu? Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu ấy, so với ba châu khác trong bốn cõi thiên hạ là tối thượng, tối diệu, tối thắng. Vì vậy gọi châu này là châu Uất-đa-la-cứu-lưu.

Phẩm 3: CHUYỂN LUÂN VƯƠNG

Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù, khi Chuyển luân vương ra đời, thì ngay nơi cõi Diêm-phù ấy tự nhiên có đầy đủ bảy thứ quý báu. Vị Chuyển luân vương ấy lại có bốn thứ năng lực thần thông. Bảy thứ quý báu ấy là gì? Một là bánh xe vàng báu, hai là voi trắng báu, ba là ngựa báu màu xanh biếc, bốn là ngọc thần báu, năm là ngọc nữ báu, sáu là chủ kho tàng báu, bảy là tướng lĩnh báu. Đó là bảy thứ báu.

Chư Tỳ-kheo, thế nào là Chuyển luân thánh vương có đầy đủ bánh xe vàng báu?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương ấy xuất hiện ở cõi Diêm-phù-đề, dùng nước rưới đầu, làm Sát-đế-lợi. Vào ngày chay tịnh, ngày rằm trăng tròn, nhà vua gọi đầu, mặc áo lông trắng thẳng nếp, xoa tóc rũ xuống, trang sức bằng ngọc Ma-ni và các Anh lạc; ở trên lầu gác, quyền thuộc quần thần, vây quanh sau trước. Khi ấy, trước vua, tự nhiên có bánh xe báu bằng vàng trời, có ngàn tăm, trục, vành, các bộ phận đầy đủ, hiện đến, chẳng phải do thợ làm thành; đường kính bánh xe bằng bảy khuỷu tay.

Bấy giờ Chuyển luân thánh vương quán đánh Sát-đế-lợi nghĩ thế này: “Khi xưa ta từng nghe nói thế này: ‘Nếu có vua quán đánh Sát-đế-lợi vào ngày chay tịnh, ngày rằm trăng tròn, gọi đầu, mặc y phục bằng lông trắng thẳng nếp, mang các Anh lạc, ở trên lầu gác, quyền thuộc, quần thân sau trước vây quanh thì khi ấy trước vua tự nhiên có bánh xe báu bằng vàng trời, có ngàn tăm, trục vành, các bộ phận đầy đủ, hiện đến, chẳng phải do công thợ, toàn bằng màu vàng, đường kính bằng bảy khuỷu tay. Khi có điềm này thì vua đã thành tựu đức của Chuyển luân vương’. Nay ta nhất định xứng đáng là Chuyển luân vương”.

Bấy giờ Chuyển luân vương quán đánh Sát-đế-lợi muốn thử bánh xe báu kia, liền ra lệnh trang bị bốn loại binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh. Bốn binh chủng đã trang bị xong, nhà vua liền đi đến bên bánh xe vàng. Đến nơi, để lộ cánh tay phải, đầu gối quỳ xuống đất, ở trước bánh xe vàng, dùng tay phải vỗ bánh xe

báu và nói thế này: “Này bánh xe báu! Nay nếu ta là Chuyển luân vương thì hãy vì ta mà hàng phục những vùng đất chưa hàng phục”. Bánh xe báu tức thời chuyển bánh để hàng phục các nơi chưa hàng phục.

Chư Tỳ-kheo, khi ấy, vua quán đảnh Sát-đế-lợi đã thấy bánh xe vàng báu kia chuyển động, liền trang bị xa giá đi về hướng Đông. Bánh xe báu kia và bốn loại binh chủng: tượng, mã... cùng lúc đi theo.

Chư Tỳ-kheo, trước và sau bánh xe báu, lại có bốn vị đại thiên đi kèm. Địa phương nào mà bánh xe báu kia đến dừng nghỉ thì Chuyển luân vương và bốn loại binh chủng tượng, mã... cũng đều dừng lại nghỉ tại nơi ấy.

Lúc bấy giờ tất cả các vị Quốc vương ở phương Đông đều lấy bát vàng đựng đầy cơm bạc, hoặc lấy bát bạc đựng đầy cơm vàng. Làm như vậy đầy đủ rồi, cùng đi đến trước chỗ Chuyển luân vương. Đến nơi, họ tâu với Chuyển luân vương: “Tâu đại vương, ngài đến đây thật quý hóa! Đây là thiên vật (xin dâng ngài)! Nhân dân phương Đông này giàu có, an lạc, không có sợ sệt; nhân dân đông đúc, thật rất dễ thương. Cúi xin Đại thiên xót thương thọ nhận! Xin lân mẫn, chúng thần tuân mệnh phụng sự thiên vương, quyết không thay lòng đổi dạ”.

Khi ấy Chuyển luân vương bảo các vua: “Các ông nếu đã thành tâm như vậy thì các ông ở trong quốc độ của mình hãy trị hóa đúng như pháp. Vì sao? Vì nếu các ông để cho trong quốc độ của mình có những điều ác phi pháp xảy ra thì ta sẽ trị tội các ông. Nay ta ra lệnh cho các ông phải chấm dứt sát sanh, và dạy cho dân chúng không sát sanh, không lấy vật không cho, không tà dâm, không nói dối... không tà kiến. Nếu các ông chấm dứt sát sanh, không lấy vật không cho, không tà dâm, nói lời chân thật, chánh kiến thì ta biết là các ông và đất nước các ông đã hàng phục”.

Bấy giờ các Quốc vương ở phương Đông nghe Chuyển luân vương dạy như vậy rồi, cùng lúc đồng thọ nhận mười nghiệp thiện; thọ nhận rồi làm theo. Mỗi quốc độ đều như pháp trị hóa. Vì sự tự tại của Chuyển luân vương nên ngài đi đến chỗ nào, bánh xe báu đi theo đến đó. Bánh xe báu bằng vàng trời của Thánh vương đã hàng phục

các quốc độ phương Đông như vậy rồi, đến bờ biển phương Đông du hành cùng khắp rồi quay về. Kế đến, lần lượt đi đến phương Nam, phương Tây, cho đến phương Bắc, y theo con đường Chuyển luân vương ngày xưa đã đi mà đi. Chuyển luân vương và bốn loại binh chủng khi dẫn nhau đi thì bánh xe báu này dừng lại chỗ nào thì ở ngay chỗ ấy, Chuyển luân vương và bốn loại binh chủng liền dừng lại chỗ đó.

Bấy giờ tất cả các Quốc vương ở phương Bắc cũng đều mang bát bằng vàng trời dựng đầy cơm bạc; hoặc bát bằng bạc trời dựng đầy cơm vàng. đến nơi, quỳ thẳng, thưa: “Thiên vương đến đây, thật là vinh hạnh! Thiên vương đến đây, thật là vinh hạnh! Chúng tôi ở phương Bắc này trông chờ Thiên vương. Ở đây, nhân dân đông đúc, giàu có, an lạc, không gì lo sợ, thật là dễ mến. Xin Thiên vương ở lại trị hóa. Chúng tôi xin thần phục”.

Chuyển luân vương liền dạy: “Nếu quả như vậy, các ông hãy tự trị hóa quốc độ của mình, nhất mực y theo giáo lệnh, đừng làm trái pháp. Vì sao? Vì đừng để cho trong quốc độ của ta có người phi pháp và kẻ làm ác. Lại nữa, các ông đừng sát sanh và dạy người không sát sanh, không lấy vật không cho, và việc tà dâm, nói dối cho đến tà kiến, các ông phải đoạn trừ. Nếu lìa sát sanh cho đến nếu thực hành chánh kiến, làm được như vậy thì ta biết là quốc độ của các ông đều đã hàng phục”.

Các vị vua ấy cùng tâu với Chuyển luân vương: “Chúng tôi sẽ phụng hành đúng như lời Thiên vương dạy”.

Bấy giờ các Quốc vương ở các phương Bắc nghe Chuyển luân vương dạy như vậy rồi đều tuân theo, thọ mười nghiệp thiện; thọ rồi thực hành, giữ đúng như pháp, y luật trị hóa. Do sức tự tại nên Chuyển luân vương đi đến chỗ nào, bánh xe báu theo đến nơi ấy. Bánh xe vàng này cứ như thế lần lượt hàng phục phương Bắc rồi, qua tới bờ biển Bắc, có bao quốc độ đều đi khắp biên giới, xong rồi trở về.

Bấy giờ, ở trong cõi Diêm-phù-đề, vua chọn lựa một địa điểm hùng vĩ nhất, đẹp đẽ nhất, sạch sẽ nhất cho bánh xe báu dừng lại chỗ đó. Chỗ ấy từ Đông sang Tây rộng bảy do-tuần; Nam sang Bắc ước chừng mười hai do-tuần. Đi được như vậy rồi, bấy giờ, vào ban đêm,

chư Thiên đi xuống, tự nhiên vì Chuyển luân thánh vương tạo lập cung điện, hoàn thành tức thời. Khi đã hoàn thành, cung điện ấy rực rỡ, trang nghiêm, do bốn báu tạo thành, đó là vàng, bạc, pha lê, lưu ly cõi trời.

Khi ấy bánh xe báu bằng vàng ròng cõi trời vì Thánh vương, đang ở cửa trong của cung điện vọt lên hư không, ung dung dừng lại như dính vào trục xe, không lay, không động. Ngay khi ấy Chuyển luân vương rất vui mừng, vô cùng phấn khởi nghĩ thế này: “Nay ta đã được bánh xe báu cõi trời rồi ư?”

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương ấy có bánh xe báu bằng vàng trời, hoàn hảo tự nhiên, hình dáng là như thế.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương lại có voi báu màu trắng hoàn hảo như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương vào buổi sáng sớm, khi đang ngồi trong cung quan sát liền có voi báu xuất hiện, màu lông đẹp đẽ, hình thể toàn trắng như hoa Câu-vật-đầu, bảy chi chấm đất, có đại thần lực, bay đi trên không. Đầu nó màu đỏ, như con trùng Đà-la-cù-ba-ca. Voi có sáu ngà nhọn hoắt, rất đẹp, trang nghiêm nhiều màu, giống như lúa vàng. Voi tên là Ô-bô-sa-tha. Chuyển luân thánh vương thấy voi báu rồi nghĩ như thế này: “Voi này đã xuất hiện, nếu khi được điều phục thì có thể đảm nhận các việc, trở thành thuần phục để cưỡi chăng?”

Bấy giờ, trong vòng một ngày, con voi báu ấy liền được điều phục, có thể đảm nhận việc kéo xe cho vua và tất cả việc khác. Giống như con voi đã được điều phục qua vô lượng trăm ngàn năm đến nay, nghiêm trang, hiền lành, tùy thuận, thích ý, con voi báu kia trong vòng một ngày, chịu sự điều phục, đảm nhận các việc cũng giống như thế. Khi ấy Chuyển luân vương muốn thử voi báu, vào buổi sáng sớm, khi mặt trời vừa mọc cưỡi voi báu kia chu du cùng khắp, đến tận bờ biển, thấu chốn biên thùý. Chu du khắp nơi rồi, trở về đến chỗ cung điện cũ, Chuyển luân vương kia mới ăn điểm tâm. Do nhân duyên ấy, bấy giờ nhà vua, trong lòng vô cùng hoan hỷ, cho rằng vì mình nên mới sanh voi báu như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy có voi báu trắng, tự nhiên, hoàn hảo là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có ngựa báu hoàn hảo như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy, vào buổi sáng sớm, ngồi trên cung điện, thì ngay trước mặt vua, ngựa báu màu xanh biếc xuất hiện, thân thể xanh mượt, sắc lông óng ả, đầu đen, lông bờm bung ra, có sức thần thông, bay đi trên không, tên nó là Bà-la-la-ha. Chuyển luân vương thấy ngựa rồi, nghĩ thế này: “Ngựa này đã xuất hiện, nếu khi đã điều phục thì có thể nhận lãnh các việc, có thể vì ta làm tốt việc chuyên chở chặng?”

Khi ấy, trong vòng một ngày, ngựa báu kia liền được điều phục, đảm nhận các việc. Giống như con ngựa đã được điều phục từ vô lượng năm đến nay, hiền lành vô cùng, con ngựa này cũng vậy, khi điều phục chỉ trong vòng một ngày, có thể đảm nhận tất cả mọi việc. Khi ấy Chuyển luân vương muốn thử ngựa báu vào buổi sáng sớm, khi mặt trời vừa mọc, cưỡi lên ngựa báu đi khắp cõi nước, trở về cung điện, Chuyển luân vương mới dùng sáng. Vì nhân duyên ấy nên sanh hoan hỷ, phấn khởi vô cùng: “Nay ta đã có ngựa báu màu xanh biếc”.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy có ngựa báu hoàn hảo là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương có ngọc báu hoàn hảo là như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy có ngọc Ma-ni báu, sắc tỳ lưu ly, có tám cạnh đẹp đẽ, chẳng phải do thợ làm ra, tự nhiên phát ra ánh sáng trong suốt. Chuyển luân vương thấy ngọc ấy rồi, nghĩ như thế này: “Ngọc Ma-ni báu này đầy đủ các tướng, phải treo nó ở trong cung để phát ánh sáng”. Khi ấy Chuyển luân vương muốn thử ngọc báu Ma-ni nên trang bị bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh. Đủ bốn binh chủng rồi, vào nửa đêm, mây đen dày đặc, sấm chớp nổi lên, mưa rơi lất phất, khi ấy Chuyển luân vương lấy viên ngọc báu treo trên ngọn cờ đi ra ngoài vườn, ý muốn dạo chơi thử xem tính chất của ngọc. Chư Tỳ-kheo, ngọc báu Ma-ni ở trên đầu ngọn cờ, ánh sáng tỏa khắp, chiếu cả bốn phương, thân của bốn binh chủng cũng đều chiếu sáng, như mặt trời chiếu sáng thế gian.

Lúc bấy giờ, tất cả Bà-la-môn, Cư sĩ... cư trú ở cõi ấy đều thức dậy, làm các công việc vì tưởng là đã sáng, mặt trời đã mọc. Do nhân

duyên ấy, Chuyển luân vương cảm thấy vui mừng, vô cùng phấn khởi, tự nghĩ: “Ngọc báu này vì ta mà xuất hiện chẳng?”

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương có ngọc báu hoàn hảo là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là ngọc nữ báu hoàn hảo của Chuyển luân thánh vương?

Chư Tỳ-kheo, ngọc nữ báu của Chuyển luân vương xuất hiện, không lùn, không cao, không to, không bé, chẳng trắng, chẳng đen, đoan trang thùy mị, trông thật đáng yêu, đẹp đẽ vô cùng, dung mạo hoàn hảo. Khi trời nóng thì thân ngọc nữ mát; khi trời lạnh thì thân ấm; trên thân tiết ra mùi hương Chiên đàn, miệng luôn thơm mùi thơm hoa sen xanh, vì Chuyển luân vương ngủ trễ dậy sớm, cần mẫn cung kính phụng sự; phàm làm việc gì cũng không phật ý vua. Tâm của nàng còn không khởi ác niệm, hướng là thân, khẩu. Do nhân duyên ấy, Chuyển luân thánh vương cảm thấy hoan hỷ, phấn khởi vô cùng, trong lòng tự nghĩ: “Ngọc nữ báu này vì ta mà xuất hiện chẳng?”

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy, có ngọc nữ báu hoàn hảo là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là bệ tôi báu chủ kho tàng, đầy đủ oai thần của Chuyển luân thánh vương?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy có vị quan báu chủ kho tàng xuất hiện, rất giàu có nhiều của, có nhiều công quả. Vị quan ấy do nghiệp báo nên sanh ra có thiên nhãn, thấy rõ trong lòng đất; hoặc kho tàng có chủ, hoặc kho tàng vô chủ đều bị đôi mắt của vị ấy phát hiện. Lại nữa, hoặc ở dưới nước, trên bờ, hoặc xa, hoặc gần, hễ chỗ nào có thì vị quan chủ kho tàng ấy đều vì vua mà giữ gìn đúng như pháp. Nếu là vật vô chủ thì vị ấy liền thu lấy bỏ vào vàng, bạc của mình, khi Chuyển luân vương có việc cần dùng về tài bảo thì kịp thời cung cấp đầy đủ. Khi ấy, vị quan chủ kho tàng kia liền đi đến chỗ Chuyển luân vương thưa: “Tâu Đại thánh thiên vương, nếu Thiên vương cần dùng tài bảo gì thì xin Thiên vương chớ lo. Thần sẽ vì Thiên vương cung cấp đầy đủ theo nhu cầu”.

Khi ấy Chuyển luân vương muốn thử vị quan báu chủ kho tàng nên đi đến bên bờ nước, ngồi lên trên thuyền, ra giữa dòng sông, bảo vị quan chủ kho tàng: “Ông là vị quan chủ kho tàng; ta cần dùng tài

bảo. Hãy mau cung cấp đầy đủ. Hãy mau cung cấp đầy đủ!”. Vị quan chủ kho tàng tâu: “Cúi xin Đại thiên vương, hãy đợi giây lát, thuyền này đến bờ, ngay tại nơi ấy, thần sẽ lấy tài bảo để cung cấp cho Thiên vương sử dụng”. Nhà vua bảo: “Nay ta không muốn lên bờ lấy tài bảo, chỉ ở ngay đây, hãy cung cấp đầy đủ cho ta!”

Vị quan chủ kho tàng liền tâu: “Xin tuân thánh chỉ, chẳng dám trái lệnh!”

Khi ấy, vị quan chủ kho tàng, nhận thánh chỉ rồi, liền vén tay áo bên phải, gối phải quỳ trên thuyền, đưa tay quạt trong nước, ngón tay như càng cua, cào dồn nhiều vàng bạc, chứa đầy đồ đựng, đặt ở trên thuyền, dâng lên Chuyển luân vương, tâu: “Đây là vàng bạc cõi trời. Chư Thiên đem của báu này dâng lên Thiên vương để ngài sử dụng”. Khi ấy Chuyển luân vương bảo với vị quan chủ kho tàng: “Ta không cần tài bảo, chỉ thử người thôi”.

Vị quan chủ kho tàng nghe vua nói vậy, thu lại vàng bạc bỏ vào trong nước. Do nhân duyên ấy, Chuyển luân vương cảm thấy hoan hỷ, phấn khởi vô cùng, tự nghĩ: “Ta nay đã có vị quan báu chủ kho tàng rồi chăng?”

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy có vị quan báu hoàn hảo chủ kho tàng là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là vị tướng giỏi lãnh đạo quân đội của Chuyển luân vương?

Chư Tỳ-kheo, do sức phước đức, Chuyển luân vương ấy tự nhiên có vị tướng báu xuất hiện. Vị ấy thông minh, có nhiều mưu lược, hiểu rõ quân cơ, đầy đủ thân tuệ. Nếu Chuyển luân vương cần binh lực, thì ông có thể chuẩn bị đầy đủ: Nếu muốn binh lính chạy thì liền chạy, muốn giải tán liền giải tán, muốn đứng yên liền đứng yên.

Khi ấy vị tướng lãnh báu liền đi đến chỗ Chuyển luân vương. Đến nơi, tâu với Chuyển luân vương: “Nếu nhà vua muốn huấn luyện quân lính, xin nhà vua đừng lo. Thần sẽ huấn luyện quân lính cho ngài, khiến cho chúng thuần phục, tùy thuận như ý muốn”.

Khi ấy Chuyển luân vương muốn thử vị tướng lãnh báu kia nên liền ra lệnh điều động đủ bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh, tất cả đều như nhau. Hạ lệnh điều động đủ bốn loại binh chủng xong, khi ấy vua ra lệnh cho vị tướng lãnh báu kia: “Ông

là tướng lãnh, hãy vì ta mà khéo léo chuẩn bị quân lính, huấn luyện khiến chúng tùy thuận: chạy tốt, đi tốt, tập hợp tốt, giải tán tốt, đứng như pháp, chớ sai trái”. Vị tướng lãnh ấy nghe Chuyển luân vương ra lệnh như vậy liền tâu với vua: “Như lời Thiên vương dạy bảo, thần không dám trái lệnh”.

Bốn binh chủng ấy, sau khi đã chuẩn bị rồi, y theo sắc lệnh của vua, bảo chạy thì chạy, bảo giải tán thì giải tán, ... *cho đến* muốn đứng yên thì đứng yên. Do nhân duyên ấy, Chuyển luân vương rất hoan hỷ, phấn khởi vô cùng, nghĩ rằng ta nay đã có tướng lãnh báu.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy có vị tướng lãnh báu, đầy đủ oai lực là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, nếu có bảy thứ báu xuất hiện như thế thì sau đó chắc chắn được gọi là Chuyển luân thánh vương.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy tuổi tác thọ mạng rất lâu dài. Trong tất cả thời gian, tất cả thế gian, không có người nào có được sự an ổn lâu dài như Chuyển luân vương. Sinh mạng tồn tại lâu dài, đó là thần thông thứ nhất – thọ mạng đầy đủ của Chuyển luân vương.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, thân thể mà vị Chuyển luân vương ấy nắm thọ không bệnh, ít não, các tướng đầy đủ. Lại nữa, bụng của vua không lớn, không nhỏ; lạnh, ấm, mát, nóng, điều hòa theo thời tiết; tới lui nhẹ nhàng, ăn uống tiêu hóa, an ổn khoái lạc. Trong tất cả mọi thời, không có người nào khác ở thế gian sanh ra mà được như vậy, ít bệnh, không có các nỗi buồn rầu như thánh vương kia. Đó là thần thông thứ hai – thân lực đầy đủ của Chuyển luân thánh vương.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, báo thân có được của Chuyển luân kia đoan chánh khả ái, thường được thế gian ưa nhìn ngắm, đẹp đẽ tuyệt vời, sắc thân thanh tịnh, trang nghiêm trọn vẹn. Ở trong tất cả thời gian, trong loài người, không có ai thọ sanh mà có được như thế, đoan chánh, khả ái, được thế gian ngắm nhìn hình tướng hoàn hảo của Chuyển luân vương ấy. Đó là thần thông thứ ba – sắc mạo đầy đủ của Chuyển luân thánh vương.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, do nhân duyên nghiệp báo, Chuyển luân vương kia có đại phước đức; đó là đầy đủ các loại của cải, đầy đủ các loại châu báu trân kỳ của thế gian. Trong mọi thời, không có ai

thọ sanh trong loài người mà có sự giàu có như thế, có tài sản như thế, có nhiều y phục, đồ chơi, báu vật tràn đầy bằng với vị vua Chuyển luân ấy. Đó là thần thông thứ tư - quả báo đầy đủ của Chuyển luân thánh vương.

Chư Tỳ-kheo, nếu người có đầy đủ bốn loại thần thông như thế, thì sau đó mới được gọi là Chuyển luân thánh vương.

Chư Tỳ-kheo, lại nữa, vị Chuyển luân thánh vương có phước đức được nhân dân yêu mến, kính trọng, tâm thường hoan hỷ an vui, giống như con thương kính cha mình. Nhân dân được Chuyển luân vương thương yêu, lòng luôn nhớ nghĩ như cha thương con.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy ngồi trong xe cực kỳ lộng lẫy muốn du lịch nhìn xem vườn rừng và các cảnh đẹp. Khi ấy, nhân dân được thấy Chuyển luân vương đều rất vui mừng, nói với người đánh xe: “Xin ông khéo điều khiển xe. Xin hãy ghì cương lại, đi chậm chậm, từ từ, chớ đi quá nhanh. Vì sao? Vì nếu ông đi từ từ, cho xe đi chậm rãi, thì chúng tôi có nhiều thời gian để được chiêm ngưỡng Chuyển luân thánh vương”. Chuyển luân vương nghe lời nói ấy, cũng bảo người đánh xe như thế: “Người hãy khéo điều khiển xe. Hãy cho xe đi từ từ chậm rãi, cẩn thận, chớ vội vàng! Vì sao? Vì nếu người khéo điều khiển xe cho đi thông thả thì ta có nhiều thời gian để xem xét khắp nhân dân”.

Chư Tỳ-kheo! Nhân dân nơi ấy thấy Luân vương rồi, đều tự mang trân bảo của mình đến trước để dâng hiến lên Chuyển luân thánh vương. Đến nơi rồi, họ tâu: “Chúng thần xin dâng lên Thiên vương! Những vật này thuộc về của ngài. Xin ngài thọ nhận, tùy ngài sử dụng. Những vật này chỉ có ngài mới xứng đáng sử dụng”.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy khi xuất hiện ở thế gian thì châu Diêm-phù này sạch sẽ bằng phẳng, không có gai góc và rừng rậm, gò nổng, nhà xí, đồ dơ bẩn, chỗ hôi hám, sỏi đá, ngói gạch, cát, đất, phèn..., tự nhiên đầy đủ bảy báu: vàng, bạc..., thời tiết điều hòa, không lạnh, không nóng.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân vương xuất hiện thế gian thì châu Diêm-phù này tự nhiên hình thành tám vạn thành ấp, đều sung sướng an lạc, không có sự sợ hãi, lúa gạo dư dã, xóm làng đông đúc, nhân dân phát đạt, thật đáng yêu.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân vương xuất hiện ở thế gian thì ở châu Diêm-phù này, xóm làng, thành ấp, chốn vua cai trị, nhà cửa san sát, gà bay đụng nhau, nhân dân sung sướng an lạc không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân vương xuất hiện thế gian ở châu Diêm-phù này, thường vào nửa đêm, từ trong ao A-na-bà-đạt-đa, nổi lên đám mây lớn trùm khắp châu Diêm-phù cùng các núi biển, rồi mưa liền trút xuống, giống như một màng sữa trái. Nước mưa đầy đủ mùi vị tám công đức. Nước thấm sâu bốn ngón tay, không chảy tràn lan, ngay khi rơi xuống, liền thấm vào lòng đất, mất hút không thấy. Vào cuối đêm, mây mù tan hết, lại từ trong biển, gió mát nổi lên thổi tan khí ẩm, nhân dân xúc chạm, cảm thấy an lạc. Lại nữa, khí ẩm ngọt ngào kia thấm nhuận châu Diêm-phù, làm cho khắp nơi đều phù nhiêu tươi tốt. Giống như ở đời, người thợ giỏi làm tràng hoa, hoặc đệ tử của người thợ ấy, làm thành tràng hoa rồi, dùng nước tưới lên, làm cho hoa thấm nhuận, màu hoa tươi thắm cũng giống như vậy.

Lại nữa, khi Chuyển luân vương xuất hiện ở đời thì đất đai cõi Diêm-phù-đề này luôn luôn màu mỡ, tốt tươi. Giống như có người dùng dầu thoa lên đất. Loại nước thấm ướt màu mỡ tốt tươi ấy cũng giống như thế.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương xuất hiện ở đời, tuy trải qua số năm lâu xa vô lượng nhưng cũng có và cũng chịu những xúc giác như người thế gian. Giống như người có thân thể ốm yếu, ăn thức ăn ngon, phải vận động làm việc, tiếp xúc với sự mệt nhọc chút đỉnh mới mau tiêu hóa. Chuyển luân vương khi đã sống lâu ở thế gian, tiếp xúc với sự sanh tử cũng giống như thế.

Chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân vương kia mạng chung, xả thân mạng rồi, sanh lên cõi trời, cùng ở cảnh trời Ba mươi ba.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ngay khi Chuyển luân vương mạng chung, ở trên không trung, mưa các loại hoa: hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng và các loại hoa khác để cúng dường Chuyển luân vương. Lại mưa bột Thiên trầm thủy, bột Đa-già-la, bột hương Chiên đàn, và các loại hoa Mạn-đà-la trời. Lại có các loại âm nhạc vi diệu cõi trời không đánh mà tự tấu, cũng có tiếng vi

diệu cõi trời ca hát tán thán cúng dường thân Chuyển luân vương để tạo phước lợi.

Chư Tỳ-kheo, khi ấy ngọc nữ báu, chủ kho tàng báu, tướng lãnh báu... liền dùng các thứ nước thơm, tắm rửa thân Chuyển luân vương. Dùng nước thơm tắm rửa xong, trước hết dùng vải Kiếp-ba-ta quấn lại, sau đó mới dùng áo lông thẳng nếp mặc vào. Tiếp đến lại dùng đủ năm trăm tấm mền tinh tế đẹp đẽ theo thứ lớp đắp lên rồi buộc lại. Làm như vậy xong rồi dùng kim quan đã đựng đầy dầu tỳ, đặt thân Chuyển luân vương vào; đặt yên vào kim quan rồi, lại đặt kim quan vào trong quách bạc; đặt vào quách bạc rồi, dùng đinh đóng lại. Lại tập trung tất cả các loại cây Hương lại, chất thành đống lớn, sau đó thiêu đốt. Thiêu đốt xong, đem để tại ngã tư đường, kiến tạo một ngôi tháp báu, cao một do-tuần, rộng nửa do-tuần, trang trí nhiều màu, dùng bốn báu tạo nên đó là vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Tháp có bốn bờ tường, chung quanh rộng năm mươi do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can,... *như trên lược nói... cho đến các loại chim đều tự ca hát.*

Khi ấy ngọc nữ báu, chủ kho tàng báu và tướng lãnh báu dựng tháp báu cho Chuyển luân vương hoàn thành xong, sau đó bày biện đủ thứ đồ cúng dường thượng hạng; đủ mọi hạng người đến xin, cần thức ăn cho thức ăn, cần thức uống cho thức uống, cần xe cho xe, cần y phục cho y phục, cần cửa cải cho cửa cải, cần báu vật cho báu vật, cấp phát hết, ai cũng đầy đủ.

Chư Tỳ-kheo, sau khi Chuyển luân vương mạng chung bảy ngày, bánh xe báu, voi báu, ngựa báu và ngọc Ma-ni báu kia tự nhiên tất cả đều biến mất. Ngọc nữ báu, chủ kho tàng báu và tướng lãnh báu cũng đều mạng chung. Bốn thành báu kia cũng đều biến đổi, trở thành thành đất. Nhân dân cõi ấy cũng lần lượt theo đó mà giảm.

Chư Tỳ-kheo, Tất cả các hành hữu vi vô thường, chuyển biến như thế, không có gì thường trụ, rồi tan ly tán, không được tự tại là pháp ma, diệt, tan trong giây lát, chẳng tồn tại lâu.

Chư Tỳ-kheo, vì thế các vị phải bỏ các hành, phải nên viễn ly, phải nên chán ghét, cần phải mau cầu con đường giải thoát.

Phẩm 4: ĐỊA NGỤC

Chư Tỳ-kheo, ngoài bốn châu lớn và tám vạn châu nhỏ cùng các núi lớn khác và núi chúa Tu-di, còn có một núi chúa tên là Luân viên (cựu dịch là núi Thiết vi) cao sáu trăm tám mươi vạn do-tuần, dài rộng cũng sáu trăm tám mươi vạn do-tuần, dày đặc kiên cố, do kim cang tạo thành, khó có thể phá hoại.

Chư Tỳ-kheo, ngoài núi Luân viên này, lại có một núi Đại luân viên nữa, chiều cao, rộng, cũng giống như số do-tuần trên. Khoảng giữa hai núi ấy vô cùng tối tăm, không có ánh sáng. Mặt trời, mặt trăng có đại oai thần, đại lực, đại đức như thế mà không thể chiếu ánh sáng đến nơi ấy được.

Chư Tỳ-kheo, ở giữa hai núi ấy có tám đại địa ngục. Tám đại địa ngục ấy là gì? Đó là đại địa ngục Hoạt, đại địa ngục Hắc, đại địa ngục Chúng hợp, đại địa ngục Khiếu hoán, đại địa ngục Đại khiếu hoán, đại địa ngục Nhiệt não, đại địa ngục Đại nhiệt não, đại địa ngục A-tỳ-chỉ.

Chư Tỳ-kheo, tám đại địa ngục ấy, mỗi ngục lại có mười sáu địa ngục nhỏ trực thuộc bao bọc chung quanh. Mười sáu ngục ấy đều cao rộng năm trăm do-tuần. Mười sáu ngục ấy là gì? Đó là địa ngục Hắc vân sa, địa ngục Phấn tử nê, địa ngục Ngũ xoa, địa ngục Cơ, địa ngục Khát, địa ngục Nùng huyết, địa ngục Nhất đồng phủ, địa ngục Đa đồng phủ, địa ngục Điệp ngại, địa ngục Học lượng, địa ngục Kê, địa ngục Khôi hà, địa ngục Chước bảng, địa ngục Dao điệp, địa ngục Hồ lang, địa ngục Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì mà gọi là đại địa ngục hoạt?

Chư Tỳ-kheo, ở đại địa ngục Hoạt kia, các loài chúng sanh khi thác sinh, có mặt, xuất hiện và tồn tại thì các ngón tay tự nhiên có móng tay sắc mọc lên, nhỏ dài bén nhọn giống như mũi nhọn. Các chúng sanh ấy khi thấy nhau, tâm ý rối loạn; tâm ý rối loạn rồi thì dùng móng tay sắc bầu rách thân, hoặc tự rạch thân, rạch đi rạch lại, rồi lại rạch lớn ra; xẻo đi xẻo lại, rồi xẻo to ra; cắt đi cắt lại, rồi cắt to ra.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy, ngay trong lúc đó biết rằng mình bị thương, mình đã chết. Nhưng cũng ngay lúc ấy, do nghiệp

báo nên lại sanh gió mát, thổi đến thân họ, khoảnh khắc sống lại, thân thể da thịt, gân xương máu huyết trở lại như trước. Đã sống lại rồi, vì do nghiệp lực, khởi lên đủ thứ, báo với nhau: “Chúng sanh các người ước muốn được sống, sống rồi hơn không”.

Chư Tỳ-kheo, ở trong ngục ấy, còn biết chút ít nên gọi là Hoạt. Nhưng ở trong ấy lại có biệt nghiệp, chịu khổ vô cùng, bức xúc cùng cực, đau đớn khó nhẫn. Và ở trong ấy, mạng chưa chấm dứt, cho đến khi nào nghiệp ác bất thiện đã móng khởi, tạo tác ở đời trước khi còn làm thân người, hoặc thân phi nhân chưa hết, chưa diệt, chưa trừ, chưa chuyển, chưa hiện phần nhỏ, chưa hiện toàn thân.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Hoạt ấy, các loài chúng sanh khi thác sanh, có mặt, xuất hiện và tồn tại, ngón tay chúng biến thành dao sắc, hoặc nửa dao sắc, rất dài, rất nhọn. Bọn họ nhìn nhau, tâm ý rối loạn... *cho đến* bầu, rách, xẻ, cửa, cắt đứt... chết rồi, gió mát thổi đến, khoảnh khắc sống lại.

Chư Tỳ-kheo,... *lược nói... như trên...* còn biết chút ít nên gọi là hoạt.

Chư Tỳ-kheo, lại vì biệt nghiệp nên ở trong ấy chịu khổ vô cùng; vì khổ chưa hết nên cầu chết không được, cho đến khi nghiệp ác bất thiện đã móng khởi, tạo tác như xưa; lúc còn làm thân người hay thân phi nhân chưa hết, chưa diệt, chưa trừ thì tất cả việc ấy lần lượt thọ lãnh đủ.

Lại nữa, các loại chúng sanh ở trong đại địa ngục kia thời gian vô lượng; khi khổ báo đã hết, thoát khỏi đại địa ngục Hoạt; thoát rồi lại chạy tìm cầu nơi có nhà cửa, nơi cứu hộ, nơi nương tựa. Trong khi tìm cầu như vậy, vì nghiệp tội nên liền rơi vào tiểu địa ngục Hắc vân sa. Ngục ấy rộng năm trăm do-tuần. Vào ngục ấy rồi, trên không trung, mây đen lớn nổi lên, mưa xuống như cát; hạt mưa đỏ rực, sức nóng mãnh liệt, rơi xuống trên thân chúng sanh ở trong ngục ấy. Rơi trên da thì phỏng da, rơi đúng thịt thì cháy thịt... *cho đến* rơi nhằm gân thì đốt gân, đến xương thì rụi xương, đến tủy thì khô tủy, bốc khói phát lửa bùng cháy tràn lan, chịu khổ vô cùng. Vì chịu khổ ấy chưa xong nên cầu chết không được, cho đến khi nào nghiệp ác bất thiện mà khi xưa đã tạo lúc còn làm thân người hoặc phi nhân đến nay chưa hết, chưa diệt, chưa trừ, chưa chuyển, chưa đổi, chưa lìa, chưa

mất thì vẫn lần lượt chịu khổ trong thời gian vô lượng.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng, thoát khỏi địa ngục Hắc vân sa, thoát khỏi rồi lại chạy tìm phòng ốc, cầu cứu độ, cầu che chở, cầu nơi nương tựa. Trong khi tìm cầu như vậy thì lại rơi vào tiểu địa ngục Phấn tử nhiệt nê. Ngục ấy rộng năm trăm do-tuần. Bọn họ vào rồi, từ yết hầu trở xuống chìm trong nước phân sôi; chìm vào rồi bị sức nóng thiêu tay, thiêu chân, tai, mũi, thân thể, đồng loạt cháy rụi, cho đến khi nghiệp ác bất thiện mà khi xưa lúc còn làm thân người hay phi nhân đã gây ra đến nay chưa hết, chưa diệt, chưa trừ, chưa chuyển, chưa lìa, chưa mất.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong tiểu địa ngục Phấn tử nê kia, có các trùng sắt, tên là Châm khẩu, đục khoét khắp thân thể chúng sanh trong ngục làm cho xuyên thủng hết. trước hết đục khoét da; đục khoét da rồi tiếp đến đục khoét thịt; đục khoét thịt rồi tiếp đến đục khoét gân; đục khoét gân rồi sau đó đục khoét xương; đã đục khoét xương rồi, dừng lại ở tủy và ăn tủy. Chúng sanh kia chịu khổ khốc liệt cho đến khi nào thọ mạng chưa chấm dứt; mà thọ mạng chưa chấm dứt thì nghiệp ác bất thiện kia cũng không diệt và vì vậy lần lượt thọ đủ.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong địa ngục ấy trong thời gian lâu xa, rồi từ tiểu địa ngục Phấn tử nê kia thoát ra; ra rồi tự đi tìm cầu nhà cửa, cầu sự bảo hộ, cầu chỗ cư ngụ, cầu chỗ nương tựa, liền vào tiểu địa ngục Ngũ xoa. Ngục này cũng rộng năm trăm do-tuần. Bọn họ vừa vào ngục Ngũ xoa, ngục tốt liền nắm lấy tội nhân địa ngục ấy xô nằm xuống nền sắt rực lửa, lửa đỏ hừng hực. Khi đó các tội nhân nằm ngửa trên nền; để nằm như vậy rồi, đóng hai đinh sắt đỏ rực vào hai chân; rồi đóng hai đinh sắt nóng đỏ vào hai bàn tay và ngay giữa rốn cũng đóng một đinh sắt nóng đỏ. Bảy giờ ngục tốt dùng năm cái xoa xẻ ra, đau đớn vô cùng cho đến khi thọ mạng ở đó chưa hết, ác nghiệp đã tạo khi xưa lúc còn làm thân người hoặc phi nhân chưa hết, thì với những nghiệp đã tạo ấy, lần lượt thọ khổ ở địa ngục kia.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy, trong thời gian lâu xa, thoát khỏi tiểu địa ngục Ngũ xoa, lại chạy cầu cứu hộ, cầu nhà cửa, cầu chỗ cư ngụ, cầu nương tựa, cầu che chở và nơi thủ hộ, lại chạy vào trong tiểu địa ngục Cơ nạ (đói khát), rộng năm trăm do-tuần. Vào chốn ấy rồi, lúc đó người giữ ngục từ xa thấy bọn chúng sanh kia đến,

liền tới trước hỏi: “Nay các người đến đây muốn điều gì?”. Bọn họ đồng đáp: “Thưa ngài, chúng tôi đói khát”. Người giữ ngục liền nắm lấy chúng sanh địa ngục kia, xô nằm ngửa trên nền sắt đỏ hừng hực, rồi lấy kẽm sắt cạy miệng ra, dùng hòn sắt nóng bỏ vào. Lúc bấy giờ môi miệng của chúng sanh địa ngục kia tức thời bị thiêu cháy; thiêu môi rồi thiêu lưỡi; thiêu lưỡi rồi thiêu hàm ếch; thiêu hàm ếch rồi thiêu yết hầu; thiêu yết hầu rồi thiêu tim; thiêu tim rồi thiêu ngực; thiêu ngực rồi thiêu ruột già; thiêu ruột già rồi thiêu bao tử; thiêu bao tử rồi tiếp qua ruột non, xuống dưới ra ngoài và hòn sắt vẫn còn đỏ. Cứ như thế, chúng sanh địa ngục ấy, trong thời gian đó, chịu khổ cùng cực vì thọ mạng chưa hết... *lược nói cho đến* những việc tạo tác ở đời trước khi còn thân người, hoặc phi nhân... Như vậy, lần lượt họ ở trong địa ngục thọ đủ các khổ.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy, trong thời gian lâu xa vô lượng, thoát ra khỏi địa ngục Cơ nạ rồi, lại rong ruổi chạy đi... *nói lược như trên*, cầu chỗ thủ hộ, bèn đi vào trong tiểu ngục Tiêu khát. Ngục này rộng năm trăm do-tuần. Vào chốn ấy rồi, khi ấy người giữ ngục từ xa trông thấy chúng sanh địa ngục kia liền đi tới, hỏi: “Các người nay mong cầu điều gì?” Bọn họ đáp: “Thưa ngài, chúng tôi rất khát!” Khi ấy người giữ ngục liền nắm bắt các chúng sanh địa ngục ấy, xô ngã xuống nền sắt cháy nóng, nằm ngửa trong ngọn lửa bùng cháy, rồi lấy kẽm sắt cạy miệng ra, đổ nước đồng sôi vào. Bấy giờ chúng sanh địa ngục kia, môi miệng bị thiêu cháy; thiêu môi miệng rồi thiêu lưỡi; thiêu lưỡi rồi thiêu hàm ếch; thiêu hàm ếch rồi thiêu yết hầu; thiêu yết hầu rồi thiêu tim; thiêu tim rồi thiêu ngực; thiêu ngực rồi thiêu ruột già; thiêu ruột già rồi thiêu bao tử; thiêu bao tử rồi phá đến ruột non, xuống dưới ra ngoài. Các chúng sanh ấy, trong thời gian đó, chịu khổ vô cùng, cực kỳ đau đớn, chịu các khổ ác. Bọn họ chịu khổ cho đến khi nào thọ mạng chưa hết, hoặc nghiệp ác bất thiện kia chưa hết... *lược nói như trên cho đến* việc tạo tác khi còn làm người hoặc phi nhân, cứ như vậy lần lượt lãnh thọ đủ.



KHỞI THẾ NHÂN BỔN

QUYỂN III

Phẩm 4: ĐỊA NGỤC 2

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các loài chúng sanh địa ngục ấy trong thời gian lâu xa vô lượng ở trong đó, rồi từ tiểu địa ngục Tiêu khát năm trăm do-tuần ấy được ra, ra rồi bôn tẩu... *cho đến* cầu nơi cứu hộ, liền đi thẳng vào địa ngục Nùng huyết năm trăm do-tuần; vào địa ngục ấy rồi, tại nơi ấy tức khắc máu từ yết hầu trở xuống bị nấu sôi. Các loại chúng sanh địa ngục kia vào rồi, chạy đi chạy lại khắp nơi, khi bọn họ chạy đi như vậy thì bị thiêu tay, thiêu chân, hoặc thiêu tai, mũi; thiêu tai, mũi rồi đến các bộ phận trong thân đều bị thiêu cháy. Các bộ phận khác bị thiêu rồi, các tội nhân ấy chịu khổ vô cùng khốc liệt, không thể nghĩ bàn; nhưng mạng chưa dứt được cho đến khi nào mà nghiệp ác bất thiện đã tạo tác khi còn làm thân người chưa hết.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở trong địa ngục Nùng huyết có loài trùng tên là Tối mãnh thắng. Loài trùng này gây nhiều tổn hại cho chúng sanh địa ngục ấy. Nó ở trong thân, trước hết cắn phá da; cắn phá da rồi cắn thịt; cắn thịt rồi cắn gân; cắn gân rồi phá xương; phá xương rồi hút tủy để ăn. Các chúng sanh ấy ở trong đó chịu khổ khốc liệt mà mạng chưa dứt được cho đến khi nào nghiệp ác bất thiện đã tạo ra khi còn làm thân người chưa hết, thì vẫn chịu đầy đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh có mặt trong địa ngục Nùng huyết đó khi đói khát liền dùng hai tay vốc lấy máu mủ sôi bỏ vào trong miệng; vừa bỏ vào miệng tức thì môi miệng liền bị cháy bỏng; môi miệng bị cháy bỏng rồi cháy hàm dưới; cháy hàm dưới rồi

cháy đến yết hầu; cháy yết hầu rồi cháy đến ngực; cháy ngực rồi cháy đến tim; cháy tim rồi cháy đến ruột già; cháy ruột già rồi cháy đến bao tử; cháy bao tử rồi cháy thẳng đến ruột non, rồi cháy xuống dưới, ra ngoài. Các chúng sanh ấy ở trong địa ngục đó chịu các khổ khốc liệt vô cùng mà mạng chưa dứt, cho đến khi nào nghiệp ác bất thiện đã tạo tác khi còn làm thân người chưa hết thì cứ lần lượt chịu đủ như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các loài chúng sanh ở trong địa ngục ấy, trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ trong tiểu địa ngục Nùng huyết năm trăm do-tuần ấy được thoát ra; ra rồi rong ruổi... *cho đến...* cầu nơi cứu giúp, liền chạy thẳng vào trong tiểu địa ngục Nhất đồng phủ rộng năm trăm do-tuần. Vào nơi ấy rồi, khi ấy họ bị ngục tốt nắm lấy ném vào trong chỗ, đầu chúc xuống, chân chống lên. Bọn chúng sanh ở trong ấy, dùng lửa địa ngục thiêu đốt nhau, nước sôi trào lên liền bị nấu, bị nung; nước sôi hạ xuống cũng bị nấu bị nung; hoặc qua hoặc lại cũng bị nấu, bị nung; hoặc bị bọt phủ cũng bị nấu, bị nung; hoặc thấy, hoặc không thấy tất cả đều bị nấu bị nung. Thí như thế gian nấu đậu hoặc đậu nhỏ, đậu lớn, hay đậu oản... bỏ vào trong chỗ, đổ ngập nước, phía dưới đun lửa. Như thế cho đến khi nước sôi, trào lên, nước và đậu trộn lẫn, nổi lên cũng bị đun nấu, hạ xuống cũng bị đun nấu, ở giữa cũng bị đun nấu, chuyển động qua lại cũng bị đun nấu, hoặc bọt phủ lên cũng bị nung nấu, hoặc thấy, không thấy, tất cả mọi lúc đều bị đun nấu.

Chư Tỳ-kheo, cũng như vậy, ở trong tiểu địa ngục Nhất đồng phủ ấy có người giữ ngục nắm những chúng sanh địa ngục cho chống chân lên và chúc đầu xuống, rồi từ xa, ném vào trong chỗ, cho lửa địa ngục thiêu đốt. Khi nước sôi dâng lên thì các tội nhân theo nước đi lên liền bị đun nấu... *cho đến* hoặc thấy, hoặc không thấy cũng bị đun nấu. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ cùng cực... *cho đến* những việc đã gây ra khi còn làm người, chẳng phải người, cứ lần lượt như thế, ở tại địa ngục kia nhận đủ.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong địa ngục ấy, trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ tiểu địa ngục Nhất đồng phủ năm trăm do-tuần thoát ra; ra rồi, rong ruổi... *cho đến* muốn tìm cầu chỗ cứu hộ liền hướng vào tiểu địa ngục Đa đồng phủ rộng năm trăm do-tuần.